GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM 1 - 1 - 2023 Phật lịch 2566

TẠP CHÍ

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

SỐ 404

ISSN 2734-9128

XUÂN NƠI CỬA THIỀN

HOA MAI QUA GÓC NHÌN CỦA THIỀN SƯ TRẦN NHÂN TÔNG

GIEO HẠT MẦM XUÂN

2023 CHÀO MỪNG XUÂN QUÝ MÃO

SỐ ĐẶC BIỆT

TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO 404 THÁNG 1 - 2023 ■ PHẬT LỊCH 2566



Niên thiếu hà tằng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.
Như kim khám phá Đông hoàng diện,
Thiền bản, bồ đoàn khán trụy hồng.

(Xuân vãn, Phật hoàng Trần Nhân Tông)

TẠP CHÍ
VĂN HÓA
PHẬT GIÁO
ISSN 2734-9128

PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Biên tập **Trương Ứng Minh**
Trần Hoài Vũ

Mỹ thuật & Thiết kế **Trần Ngọc Huỳnh**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành
Liên hệ **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
0886 424 842

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanvhpg@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 304/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

TRONG SỐ NÀY

CHỦ ĐỀ XUÂN NƠI CỬA THIỀN

6 Xuân nơi cửa thiền (TT.TS. Thích Phước Đạt)
12 Cưỡi xe Trâu trắng du xuân (ĐĐ. Thích Thiện Chánh)
18 Hoa mai qua góc nhìn của Thiền sư Trần Nhân Tông (Nguyễn Thanh Huy)
24 Gieo hạt mầm xuân (Tỳ kheo Thích Từ Thông)
34 Mùa xuân và điều kỳ diệu từ trái tim biết ơn (Thông Bảo)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

42 Vị trí và vai trò của người cư sĩ, Phật tử trong thời đại đất nước hội nhập, phát triển (Ban Hướng dẫn Phật tử TWGHPGVN)
52 Truyền thông Phật giáo và xử lý khủng hoảng truyền thông Phật giáo (Hoa Niên)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

58 Ngày Tết, gỡ rối...chữ nghĩa (Nguyễn Quốc Dũng)
64 Ảnh hưởng của Phật giáo đối với tục "Thí giàn" ở Nam Bộ (SC. Thích Nữ Thánh Nhã)
74 Cư sĩ Thiều Chửu và bộ sách Hán Việt Tự Điển (Tôn Thất Thọ)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

84 Một góc nhìn đạo đức học Phật giáo từ Tứ Nhiếp pháp (SC. Thích Nữ Huệ Thùy)
90 Tư tưởng pháp môn Tịnh độ trong Thiền tông Phật giáo thời Lê Trung Hưng (1533 - 1789) (SC. Thích Nữ Nhuận Mỹ)

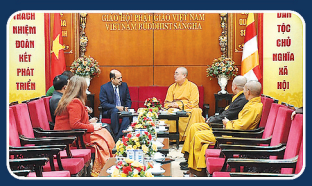
GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Ngọc Huỳnh
Thiết kế: Phương Nam

ĐẠI SỨ ĐẶC MỆNH TOÀN QUYỀN CỘNG HÒA ẤN ĐỘ THĂM GHPGVN

ĐẠI SỨ SRI LANKA THĂM GHPGVN




ĐẠI SỨ THÁI LAN TẠI VIỆT NAM THĂM GHPGVN




ĐOÀN TRUNG ƯƠNG LIÊN MINH PHẬT GIÁO LÀO THĂM CHÍNH THỨC GHPGVN





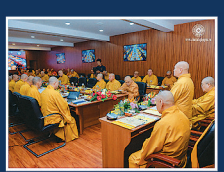
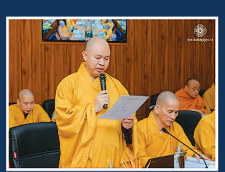



ĐOÀN PHẬT GIÁO MÔNG CỔ THĂM, VẤN AN HÒA THƯỢNG THÍCH THIỆN NHƠN - CHỦ TỊCH HĐTS GHPGVN






HỘI NGHỊ LẦN THỨ NHẤT BAN THƯỜNG TRỰC HĐTS GHPGVN KHÓA IX


BAN VĂN HÓA T.Ư GHPGVN KHẢO SÁT KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO CÁC NGÔI CHÙA MIỀN BẮC






PHẬT GIÁO CÁC TỈNH, THÀNH TỔNG KẾT CÔNG TÁC PHẬT SỰ NĂM 2022





















CÁC HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN CHĂM LO TẾT CHO NGƯỜI KHÓ KHĂN

























THƯ TÒA SOẠN

Quý độc giả thân mến!

Mùa xuân là mùa ta hằng mơ ước. Xuân mang đến sự hòa ấm tươi vui khiến lòng người hăng hái hơn trong cuộc sống, vạn vật đâm chồi nảy lộc xanh tươi. Xuân của thời gian thì biến đổi, cái xuân của ngoại cảnh thì suy vi, chỉ có xuân trong lòng người thanh tịnh, xuân nơi cửa thiền mới tồn tại mãi. Nếu tâm không còn lệ thuộc vào thời gian quá khứ - hiện tại - vị lai, lúc ấy chúng ta mới an nhiên tự tại. Đó là cái tâm bất sanh bất diệt để nhìn thấy sự vật đều đẹp đẽ, an vui, vì đâu cũng là chân tâm biến hiện, đâu đâu cũng là cảnh đẹp mùa xuân. Như lời Đức Phật từng nhắc các đệ tử, hãy *"nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời"* (Kinh Niệm xứ).

Bên cạnh đó, Đức Phật cũng dạy rằng: *Phật pháp bất ly thế gian giác*. Đạo Phật đi vào đời sống mang theo nhiệm vụ thiêng liêng đưa tất cả chúng sinh từ bờ mê sang bờ giác, chuyển hóa cõi ta bà thành cõi tịnh lạc. Thế nên, nếu mùa xuân là cái gì tươi đẹp nhất thì đó phải là sự tốt đẹp của tâm hồn chúng ta. Chỉ khi nào không chạy theo cái suy tính phân biệt, sống với tâm thanh tịnh thản nhiên thì mỗi người mới tìm được nơi an trú của tâm hồn, cảm nhận sự an lành trong khoảnh khắc. Và khi nhìn sự vật, nhìn vũ trụ bằng tâm thanh tịnh, không còn tâm sanh diệt nữa, lúc đó mới thực sự là xuân khắp bầu trời. Muôn người muôn cảnh đều là xuân, thời gian nào cũng là xuân. Với tâm thanh thản lặng lẽ, nhìn muôn vật hiện có trước mắt đều một màu chân thật, không sanh không diệt, đó chính là mùa xuân thật sự, mùa xuân tự tại, giải thoát.

Nhân dịp đất trời vào xuân, toàn nhân loại đón năm mới 2023 và Tết Nguyên đán Quý Mão, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo đặc biệt với chủ đề "Xuân nơi cửa thiền". Chúng tôi hy vọng toàn thể độc giả sẽ cùng đón một mùa xuân bình an, tràn đầy yêu thương và hy vọng, để hướng đến một năm mới nhiều yên vui và thắng lợi mới!

Trong năm 2023, theo kế hoạch xuất bản, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo sẽ phát hành định kỳ mỗi tháng 01 số vào ngày đầu tháng. Kính mong quý độc giả, quý cộng tác viên gần xa tiếp tục theo dõi và ủng hộ.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo



XUÂN
NƠI CỬA THIỀN

Xuân nơi cửa thiền

TT. Thích Phước Đạt*



Mùa xuân là mùa muôn hoa đua nở, mùa kết tinh sự tinh anh trời đất, muà biểu tượng của sự an vui, hạnh phúc qua quá trình nỗ lực tự thân tu học, tự thân hành trì, tự thân giác ngộ của người con Phật.

Mùa xuân là mùa khởi đầu năm mới. Năm mới thường mở đầu bằng một mùa xuân mơ ước đầy khát vọng, hoài bão. Sự chuẩn bị cho trật tự vận hành mới được thiết lập ngay từ những ngày xuân sang để khép lại năm cũ, gọi là "tống cựu nghinh tân" để ta tự tin bước vào hiện tại, mở hướng cho tương lai. Đó là giá trị lớn nhất mà con người đón chào xuân trong sự an trú hạnh phúc của nguồn sống bất tận từ trong tự tánh vốn thanh tịnh và bình an nội tại của mỗi người.

Thế nên, Thiền sư Mãn Giác đời Lý mỉm cười nhiệm mầu khi xuân về hoa mai nở: *"Đình tiền tạc dạ nhất chi mai"* (Đêm qua sân trước một cành mai); còn Thiền sư Chân Nguyên, người có công chấn hưng Thiền học Việt Nam cuối thế kỷ XVII trong *Yên Tử sơn Trần triều Thiền tông Bản hạnh* thì giải bày:

"Hoa là vốn tính trạm viên
Bao hàm thiên địa dưới trên cùng bằng".

Trong ý nghĩa đó, mùa xuân là mùa muôn hoa đua nở, mùa kết tinh sự tinh anh trời đất, mùa biểu tượng của sự an vui, hạnh phúc qua quá trình nỗ lực tự thân tu học, tự thân hành trì, tự thân giác ngộ của người con Phật. Trong niềm hỷ lạc vô biên của người con Phật, thấm nhuần Phật pháp, bạn sẽ thấy mùa xuân ngập tràn cõi lòng bởi cỏ cây hoa lá vươn hình hài lớn dậy, hương thơm quả ngọt tràn đầy, con người như thêm sức sống mới tuôn trào. Từ trong cõi lòng thanh tịnh của chính mình, bạn thật sự sống với tự tánh mùa xuân Phật giáo thường trú, chứ không còn vui buồn theo thời tiết biến chuyển. Bởi hơn ai hết, bạn là người thật sự an trú vào niềm vui Chánh pháp, khi tự mình đi theo Phật, theo Pháp, theo Tăng. Hay nói cách khác, bạn đang sống trong thế giới xuân của cõi thiền, bởi lẽ thiền là cuộc sống, ngoài cuộc sống không có cảnh giới thiền.

Sống theo đạo thiền là sống theo mùa xuân thường tại, không bị cuốn bởi biến động đời thường. Trong *Tiểu Bộ Kinh*, Đức Phật thường dạy cho Bàhiya: *"Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ, tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri. Đây là khổ diệt"*. Thế nên, trước cõi xuân nồng ấm biến chuyển từng giờ từng phút của dòng đời tuôn chảy, nhà sư vẫn an nhiên, tự tại, nhìn đời bằng đôi mắt như thị, lòng mỉm cười với thực tại "đang là" trong hạnh phúc vô biên của pháp lạc, giữa trần thế phù hoa. Rõ ràng, xuân đến, xuân đi, hoa rụng, hoa cười, bốn mùa đổi thay đối với Thiền sư vẫn thế thôi! Hơn ai hết, các Thiền sư thật sự hiểu và thấy sự vận hành các pháp là như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhơn, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mạt cứu cánh. Cho nên, nhà sư an nhiên tĩnh lặng sống với mùa xuân thực tại, chơn như quanh năm suốt tháng, chứ không phải mùa xuân thời tiết ba tháng một thời hay mùa xuân khát vọng, trông chờ ở tương lai xa xôi:

"Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai thì chưa đến,
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính nơi đây".
(Kinh Đại Ca-chiên-diên Nhất dạ hiền giả)

Xem ra, các Thiền sư tự do tự tại trước sự chuyển xoay vạn hữu vô thường: *"Nực thì đổ mồ hôi, lạnh thì run rẩy, sự đời có gì đáng nói, đáng vui, đáng buồn, đâu nhỉ"*. Khi thuận duyên, niềm vui đến, Thiền sư không hân hoan tung hứng, khi nghịch duyên chướng ngại, Thiền sư vẫn thản nhiên giáp mặt. Thậm chí ngay cả trước bến bờ sanh tử vô tận, thuyền Bát nhã vẫn lướt nhẹ trên biển khơi, mặc cho sóng to thác ghềnh. Bởi từ trong tâm khảm Thiền sư, sắc thân ngũ uẩn, tứ đại cuộc đời, chính các vị vẫn an trú trong cõi xuân thường tại nhiệm mầu mà Thiền sư Chân Không cảm hứng:



Một trái tim biết yêu thương đầy hiểu biết, một cái nhìn tuệ giác thuờng xuyên quán chiếu, tất cả sẽ an trú trong mùa xuân thường tại vĩnh hằng với nhiều nguồn sống an lạc, hoan hỷ.

"Xuân lai xuân khứ nghi xuân tàn,
Xuân lạc hoa khai chỉ thị xuân".
(Xuân đến xuân đi ngỡ xuân hết
Hoa nở, hoa tàn chỉ là xuân).

Rõ ràng, một sinh thể hiện hữu trên cõi đời này cần phải tiếp cận sự thật như thế để lòng được bình an hạnh phúc. Do đó, mọi khái niệm phân biệt, sự dị biệt, phân chiết vốn thường hay bóp méo thực tại được các nhà sư hóa giải là lẽ thường tình. Vấn đề sanh tử đại sự, Niết bàn an lạc, xuân sang tết đến, hạ nắng thu sầu, đông tàn gió lạnh chỉ là sự vận hành của các pháp theo lý duyên khởi mà thôi. Còn tâm lý thường tình của một người đời, thường hiểu rằng chính vận mạng của con người, một thực thể được giới hạn ở hai đầu *sanh và diệt*, đoạn và thường của không gian và thời gian; được quy nạp trong cặp phạm trù đi và đến, *một và nhiều* của tự thể và tha thể là lẽ thường tình có gì để nói để bàn với các Thiền sư đâu!

Thế mới biết các Thiền sư vượt lên tất cả để nhìn thấy cả. Nếu Krishmaurti trong *Tự do đầu tiên và cuối cùng* nói: *"Không có vấn đề, không có vấn đề, có vấn đề thì giải quyết vấn đề"* thì các Thiền sư tự tại vô cùng trước cảnh vật chuyển hóa không ngừng để vận hành các pháp: *"Cứ để xuân đến, xuân đi, cứ để hoa nở, hoa tàn"* để rồi "đêm qua sân trước một nhành mai" thật tuyệt đẹp vô cùng như Thiền sư Mãn Giác chỉ dạy. Đây thật sự là mùa xuân hạnh phúc giữa đất trời ấm áp. Chỉ một cành mai qua đêm nay vẫn còn nguyên vẹn, một hạt sương long lanh trên đầu ngọn cỏ hôm nào của nhà sư Vạn Hạnh đã đủ in dấu tinh thần vô bố úy trước thịnh suy… Tất cả là chân như thể tánh thường hằng của vạn pháp, của mùa xuân thường tại nhiệm mầu.

Đến đây, Thiền sư thật sự sống với đời, chứ chẳng nói về đời qua những cảm nhận bình thường của ngữ cảnh, âm thanh đường nét màu sắc của sáu trần huyễn ảo. Thiền sư nhìn thấy tất cả để chung sống

với tất cả và quan trọng hơn là làm hóa hiện, thăng chứng từng sinh thể vận mạng con người trước dòng đời trôi chảy. Dĩ nhiên, đích thực đó là nếp sống bình nhật đời thường vượt ra ngoài sự cám dỗ trần thế thường hay vây bủa tâm thức con người. Một trái tim biết yêu thương đầy hiểu biết, một cái nhìn tuệ giác thuờng xuyên quán chiếu, tất cả sẽ an trú trong mùa xuân thường tại vĩnh hằng với nhiều nguồn sống an lạc, hoan hỷ. *Kinh Tương Ưng* tập 4, phần *Hỷ Lạc* đã ghi nhận nếp sống thường tại tràn đầy pháp lạc do thành tựu ba pháp:

"Này các Tỳ kheo, đầy đủ được ba pháp này, một Tỳ kheo ngay trong hiện tại, sống nhiều an lạc, hoan hỷ và tạo ra nguyên nhân bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc. Thế nào là ba? Hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống và chú tâm cảnh giác.

Và này các Tỳ kheo, thế nào là hộ trì các căn? Ở đây Tỳ kheo khi mắt thấy sắc, Tỳ kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, Tỳ kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy hộ trì nhãn căn, thực hành hộ trì nhãn căn. Tương tự, khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp cũng vậy.

Thế nào là Tỳ kheo tiết độ trong ăn uống? Ở đây Tỳ kheo chân chánh giác sát thọ dụng món ăn không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình mà chỉ để thân này được an trú, được bảo dưỡng khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy, ta phải diệt trừ các cảm thọ cũ, không cho khởi lên các cảm thọ mới và ta sẽ không có lỗi lầm, sống được an lạc".

Và như thế nào là Tỳ kheo chú tâm tỉnh giác? Ở đây, này các Tỳ kheo ban ngày trong khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh một, khi đi kinh hành hay ngồi, tâm trừ sạch các chướng ngại pháp. Ban đêm canh giữa, vị ấy nằm phía hông bên phải, trong dáng nằm con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm tỉnh giác, các ý tưởng thức dậy và trong khi đi kinh hành và ngồi tâm trừ sạch các chướng ngại pháp.

Này các Tỳ kheo, đầy đủ ba pháp ấy, Tỳ kheo ngay trong hiện tại, sống nhiều an lạc hoan hỷ và tạo nhiều nguyên nhân bắt đầu đoạn tận các lậu hoặc".

Hay nói cách khác, khi thành tựu ba pháp nói trên là thành tựu đời sống thực nghiệm Giới Định Tuệ, hủy diệt các tâm lý tham sân si thường xuyên giáp giặp hằng ngày của một đời sống hướng nội tự thân. Tại đây, tiếng nói tri âm từ cõi xuân thường tại giữa người với người, giữa người và muôn vật mới có sự đồng nhất. Sự hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống,



Sống theo đạo thiền là sống theo mùa xuân thường tại, không bị cuốn bởi biến động đời thường. Trong Tiểu Bộ kinh, Đức Phật thường dạy cho Bàhiya: *"Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ, tưởng sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri sẽ chỉ là cái thức tri. Đây là khổ diệt".*



Một tâm thức rộng mở, trong sáng làm lắng dịu những tác nhân gây rắc rối từ bên ngoài đem vào trong tâm thức. Nó trở nên dịu ngọt, tươi mát, khi mỗi bước đi, từng lời nói, việc làm, hơi thở an trú bằng chánh niệm tỉnh giác.

chánh niệm tỉnh giác chỉ là nếp sống vô cùng đơn giản mộc mạc nhưng luôn mang hơi thở mùa xuân đầy hương vị giải thoát khổ đau. Một hương xuân nồng ấm, thanh tao như thế sẽ tiếp nhận biết bao hạt giống tốt lành gieo vào tâm thức, làm ngăn che, hủy diệt các hạt giống ưu phiền dính kết bên trong thông qua cửa ngõ các căn đầy linh hoạt. Một đóa hoa lòng hé nở bên những cành mai vàng chào đón xuân sang khi người biết sống với nhau bằng một đời sống thiểu dục tri túc. Đây chính là chất liệu yêu thương kết nối những mảnh đời riêng biệt, những sinh mệnh nghiệp quả khác nhau chung sống trong ngôi nhà hòa hợp của từ bi và trí tuệ. Tiết độ trong ăn uống nghiễm nhiên trở thành nếp sống biết chia sẽ và đón nhận những niềm hỷ lạc có mặt trong đời sống hằng ngày, làm thăng hoa đời sống phạm hạnh đầy hạnh phúc triền miên.

Một tâm thức rộng mở, trong sáng làm lắng dịu những tác nhân gây rắc rối từ bên ngoài đem vào trong tâm thức. Nó trở nên dịu ngọt, tươi mát, khi mỗi bước đi, từng lời nói, việc làm, hơi thở an trú bằng chánh niệm tỉnh giác. Trời sẽ xanh thêm, hương thơm quả ngọt lại trổ đầy, đâu đâu cũng hóa hiện nụ cười trên môi để sống hạnh phúc với đời. Tại đây, tuệ giác sẽ rọi chiếu hiện thực đời sống, mang hương ấm mùa xuân thường tại vĩnh hằng:

"Dù ngồi nơi cảnh trí trang nghiêm,
Hoặc ở chốn chùa chiền cô tịch,
Đâu cũng dòng phúc trang nghiêm".

(Chân Nguyên Thiền sư)

Cho nên, Trúc Lâm Đại Đầu Đà cũng có cái nhìn cảnh xuân đồng điệu này rồi. Vẫn đôi mắt vô biên nhìn đời trong tuệ giác, tâm hồn Thiền sư vút lên cao để bay vào chân trời vô tận của tánh không diệu hữu:

"Dương liễu hoa thâm điểu ngữ trì
Hoa đường thiềm ảnh mộ vân phi
Khách lai bất vấn nhân gian sự
Chỉ bạn lan can khán thuý vy".

(Chim nhẫn nha kêu, liễu trổ đầy
Thềm hoa chiều rợp bóng mây bay
Khách vào chẳng hỏi chuyện nhân thế
Cùng tựa lan can ngắm núi trời).

(Huệ Chi dịch)

Có gì để nói trước thực tại đang trôi chảy trong giờ phút hiện tiền khi hoa liễu nở rộ bên nhà, tiếng chim hót líu lo trong từng khoảnh khắc, mây vẫn bay trên bầu trời nắng xuân gió thổi nhè nhẹ. Dù nhà vẽ hay bóng trúc quét thềm có chăng đi nữa trong *cõi sắc không* này, chủ khách, khách chủ chỉ nhìn núi ngắm trời. Trong tự tánh uyên nguyên của cảnh vật hữu tình, con người sống trong cảnh xuân thường trụ, hát bài ca hạnh phúc cuộc đời.

Và như thế, chẳng có gì để hạ bút hay cất lời. Dù tiếng kinh cầu vang lên từ nơi cảnh trí trang nghiêm, chốn chùa chiền cô tịch, trên các nẻo đường thôn xóm, góc phố mái nhà hay ẩn tàng im tiếng bên từng trang sách kệ thơ. Tất cả chỉ là giai điệu mùa xuân cất lên trong cõi lòng xuân thường tại bằng cuộc hành trình thực nghiệm tâm linh. Phải sống bằng hơi mùa xuân đích thực khi làm hóa hiện ba pháp thành tựu: Hộ trì các căn, tiết độ trong ăn uống, chánh niệm tỉnh giác để mùa xuân thời tiết, mùa xuân khát vọng trở thành mùa xuân hạnh phúc. Hẳn nhiên, bạn sẽ mỉm cười với chính mình khi uống cạn dòng suối chánh pháp ngọt trong cõi xuân an lành như xưa kia ngài Ca Diếp mỉm cười thâm ý khi nhìn đóa hoa sen nở trong lòng bàn tay đức Phật ở hội Linh Sơn ngày xưa.

Chú thích:

* Thượng tọa, Tiến sĩ Thích Phước Đạt - Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

NƠI CỬA THIỀN XUÂN SANG

Lê Đức Đồng

Nụ chồi xanh bật dậy
Thế nơi chiếc lá vàng.
Nắng tỏa màu ấm áp
Nơi cửa thiền xuân sang…

Vạn vật thảy diệu kỳ
Có sinh rồi có diệt.
Riêng tấm lòng từ bi
Mãi mãi còn với Tết…

Hoa sứ rụng bên thềm
Vẫn lừng hương thơm dậy!
Khi về gốc cội nguồn
Hồn trong veo biết mấy…

Lộc nảy cành mơn mởn
Loang loáng màu thiên nhiên.
Chim chuyền cành mê mải
Xuân sang nơi cửa thiền…

Nụ thành hoa, thành trái
Bắt đầu từ mùa xuân.
Lòng bao dung, đức độ
Từ những điều thiết thân…

Dâng một nén hương trầm
Gởi cửa thiền chút vọng.
Ngỡ hương lành cuộc sống
Cầm tay mình đơm hoa…



THIỀN XUÂN

Kim Loan

Hiên chùa ướt đẫm sương đêm
Một nhành mai nở bên thềm Phật môn
Xuân về theo nén trầm thơm
Chảy vào nhân thế như cơn gió lành

Qua rồi giấc mộng tuổi xanh
Một hôm tỉnh giấc bên cành hoa sen
Sư ông thiền tọa thật hiền
Chuông chùa vọng tiếng bình yên đất trời

Tâm xuân ngự ở muôn nơi
Mở lòng bỗng thấy nụ cười Như Lai
Cõi thiền xuân bước khoan thai
Ưu tư xin gửi hình hài mây bay.



Cưỡi xe
Trâu trắng du xuân

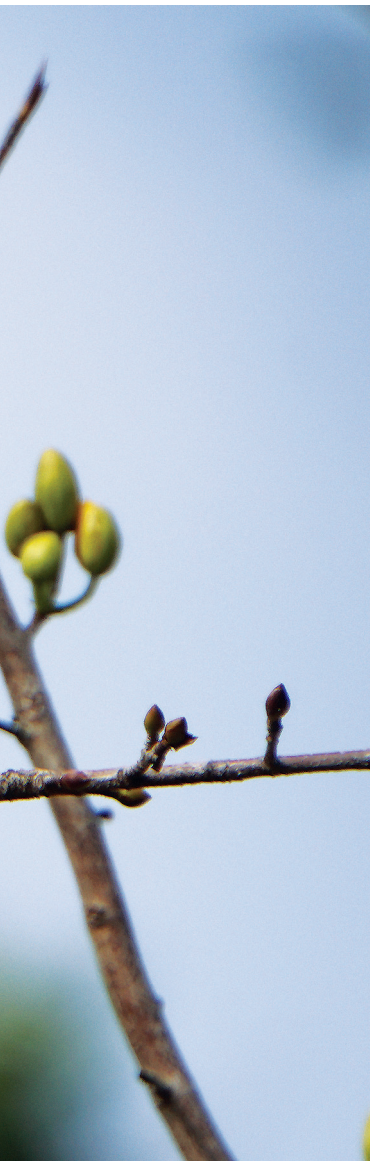
ĐĐ. Thích Thiện Chánh



Cưỡi xe trâu trắng đi vào đời, làm cho thế gian ấm áp và tươi sáng như mùa xuân, lợi lạc hữu tình, ở trong thế gian mà vẫn tự tại giải thoát.

NGUỒN GỐC THUẬT NGỮ

Xe Trâu trắng là một thuật ngữ được sử dụng trong phẩm *Thí dụ* của *Pháp Hoa Kinh* để ví cho Đại thừa. Hành giả thực hành Bồ tát hạnh như người cưỡi xe Trâu trắng đi vào cuộc đời để cứu độ chúng sinh mà không bị thế gian làm nhiễm ô; và tâm của Bồ tát tỏa sáng tự tại làm lợi lạc cho hết thảy chúng sinh, giải thoát sinh tử luân hồi, đạt đến Niết bàn chân thật. Muốn thành tựu hạnh nguyện cứu độ, Bồ tát phải sử dụng khéo léo phương tiện thiện xảo, bằng nhiều cách khác nhau để đưa họ thoát khỏi lo lắng và khổ đau, nhận ra chân tánh của mình, tiến lên con đường giải thoát, đạt được cứu cánh niết-bàn ngay chính trong cuộc đời này.



Đức Phật tùy theo căn cơ để thuyết pháp. Đối với người có căn tánh thấp, Đức Phật thuyết các pháp là vô thường giúp bỏ ác làm lành; đối với người có căn tánh trung bình, Đức Phật thuyết các pháp là vô ngã, giúp họ có thể chán bỏ thế gian, giải thoát sinh tử; đối với người có căn tánh lanh lẹ, Đức Phật thuyết các pháp không sinh, không diệt, không nhiễm, không tịnh, không thêm, không bớt, đạt đến niết-bàn tịch tịnh.

Phẩm *Thí dụ* kể về câu chuyện một trưởng giả của cải sung túc, do thấy những người con của mình đang ham vui nô đùa trong nhà lửa mà không biết tai họa đang diễn ra, bị các phiền não và tập khí che lấp nên không hiểu được sự việc, vì thế trưởng giả lấy làm lo lắng bèn thiết lập pháp phương tiện tùy vào cá tính của từng người con, bảo rằng bên ngoài có xe dê, xe hươu và xe trâu để dẫn dụ chúng nhanh chóng ra khỏi nhà lửa, thoát khỏi nguy hiểm. Nhà lửa tượng trưng cho thế gian nhiễm ô vì phiền não và tập khí từ đời trước nên chúng sinh không thấy được chân lý vì thế cực kỳ nguy hiểm; các người con tượng trưng cho chúng sinh; trưởng giả tượng trưng cho Đức Phật; xe dê, xe hươu và xe trâu tượng trưng cho Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát thừa; xe trâu trắng tượng trưng cho bản nguyện hay mục tiêu và lý tưởng cuối cùng của Đức Phật. Do đó, thí dụ này cho thấy trưởng giả dùng xe dê, xe hươu và xe trâu dẫn dụ những người con của mình ra khỏi nhà lửa. Cũng vậy, Đức Phật dùng các phương tiện để hướng dẫn hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát đều quy về Phật thừa, cứu độ hết thảy chúng sinh giải thoát sinh tử.

PHƯƠNG TIỆN CỨU ĐỘ CỦA ĐỨC PHẬT

Đã từ lâu nghe lời Phật dạy, có đọc kinh, có ngồi thiền, có tìm tòi học hỏi, nhưng rồi lại quên, như thể có được Trâu rồi lại để Trâu chạy mất. Lập nguyện thành Phật là vì cứu độ hết thảy chúng sinh, nhưng nay được chút ít chứng đắc lại cho đó là đủ mà quên đi bản nguyện giúp tất cả chúng sinh chứng ngộ thành Phật. Bản nguyện đó là nhìn thấy chúng sinh trong ba cõi do phiền não nhiễm ô và vô minh che lấp mà không thấy được chân tánh, dùng sáu căn tìm tòi niềm vui trong nhà lửa của thế gian, mà chẳng nhận ra nguy hiểm đang rình rập. Vì nhận thấy chúng sinh như vậy, nên chư Phật và Bồ tát lân mẫn cảm thông đi vào thế gian, dùng nhiều phương tiện để nhiếp hóa, đưa đến bến bờ an ổn, hạnh phúc. Những phương tiện đó là gì? Đó là Sáu ba-la-mật: Bố thí, Trì giới, Tinh tấn, Nhẫn nhục, Thiền định và Trí tuệ.

Bố thí là hạnh nguyện đầu tiên của Bồ tát, vì hành giả chưa xả bỏ vật chất thì không thể từ bỏ chấp trước. Ngoài ra, bố thí còn tiến thêm một bước nữa, loại bỏ mọi khoảng cách khái niệm giữa người cho, đồ vật và người nhận bằng tâm vô ngã chân thật. Chính điều này giúp Bồ tát thương cảm thống thiết nỗi khổ của hết thảy chúng sinh.

Trì giới là chế ngự việc làm xấu ác và tu tập các thiện hạnh làm mang lại lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nhờ vào việc tu tập thực hành các giới luật mà ba nghiệp thân, khẩu và ý được thanh tinh, giúp tâm trở nên an tịnh và kiên cố, nhờ đó mà đạt đến trạng thái tỉnh giác trong thiền định.



Nhẫn nhục là công hạnh giúp hành giả vượt qua khó khăn và hàng phục sân hận. Ở phương diện thế gian, hạnh nhẫn nhục giúp tinh thần vững chãi và nội tâm trong sạch.

Nhẫn nhục là công hạnh giúp hành giả vượt qua khó khăn và hàng phục sân hận. Ở phương diện thế gian, hạnh nhẫn nhục giúp tinh thần vững chãi và nội tâm trong sạch. Ở phương diện xuất thế, công hạnh này giúp hành giả hiểu được giá trị của sự nhẫn nhịn một cách tự nhiên, tạo thành nền tảng vững chắc và nhu nhuyến để dũng mãnh bước lên những địa vị khác trên con đường Bồ tát đạt đến vô sinh pháp nhẫn.

Tinh tấn được áp dụng trong mọi tình huống, tạo năng lượng tất yếu để đối trị các trạng thái lười biếng, giải đãi, chấp trước, chán nãn và tự ti. Tu tập cần phải có một nghị lực phi thường mới chứng ngộ được mục tiêu mà không sợ sự phỉ báng và cám dỗ của thế gian, kiên quyết hoàn thành các công hạnh tu tập. Mặc dù tinh tấn được xuất phát từ niềm tin kiên cố, nhưng sau khi Bồ tát không ngừng tiến bộ thì tinh tấn làm gia tăng khả năng nhận thức và ứng dụng giáo lý chính xác vào đời sống hằng ngày.

Thiền định là phương pháp thực hành giúp tâm đạt đến cảnh giới thanh tịnh, trực tiếp quán chiếu để phá vỡ mọi khái niệm vọng tưởng, đạt đến trí huệ giải thoát. Hành giả tu thiền xây dựng cho chính mình một sự an tịnh bên trong, do đó hành giả giải thoát khỏi sự sai quấy của tâm thất niệm và chấp ngã. Sự an tịnh bên trong vĩ đại này được miêu tả như một sức mạnh được gọi là sự chứng ngộ *"chân tướng"* của kinh nghiệm hằng ngày, một khả năng nhận ra *"sự thanh tịnh viên mãn"* của chính mình và tất cả sự vật của thế gian chỉ là mối tương quan phụ thuộc qua lại. Sự thể nghiệm cao nhất của thiền định chân chính là sự chuyển hóa và hài hòa cuộc sống cá nhân, tức thái độ và hình thức sống của một hành giả hoàn toàn tương ứng với nhận thức đạt được trong tu học và quán chiếu (hành giải tương ưng).

Trí tuệ hay còn gọi là trí tuệ bát-nhã, được xây dựng từ các công hạnh ở trên. Có được trí tuệ bát-nhã, hành giả phá bỏ cơ sở của ngã không thật, thể nghiệm được hết thảy sự vật tồn tại phụ thuộc lẫn nhau trong mạng lưới nhân quả, do u mê của tâm được diệt trừ nên chuỗi thuộc tính nhân duyên cũng chấm dứt. Nhờ vào công hiệu của trí tuệ bát-nhã mà phiền não, nghiệp và khổ đau cũng tiêu tan, lúc này hành giả tuy ở trong thế gian làm lợi lạc và cứu độ chúng sinh nhưng không bị thế gian làm nhiễm ô, và vẫn cảm nhận được niết-bàn tịch tịnh.

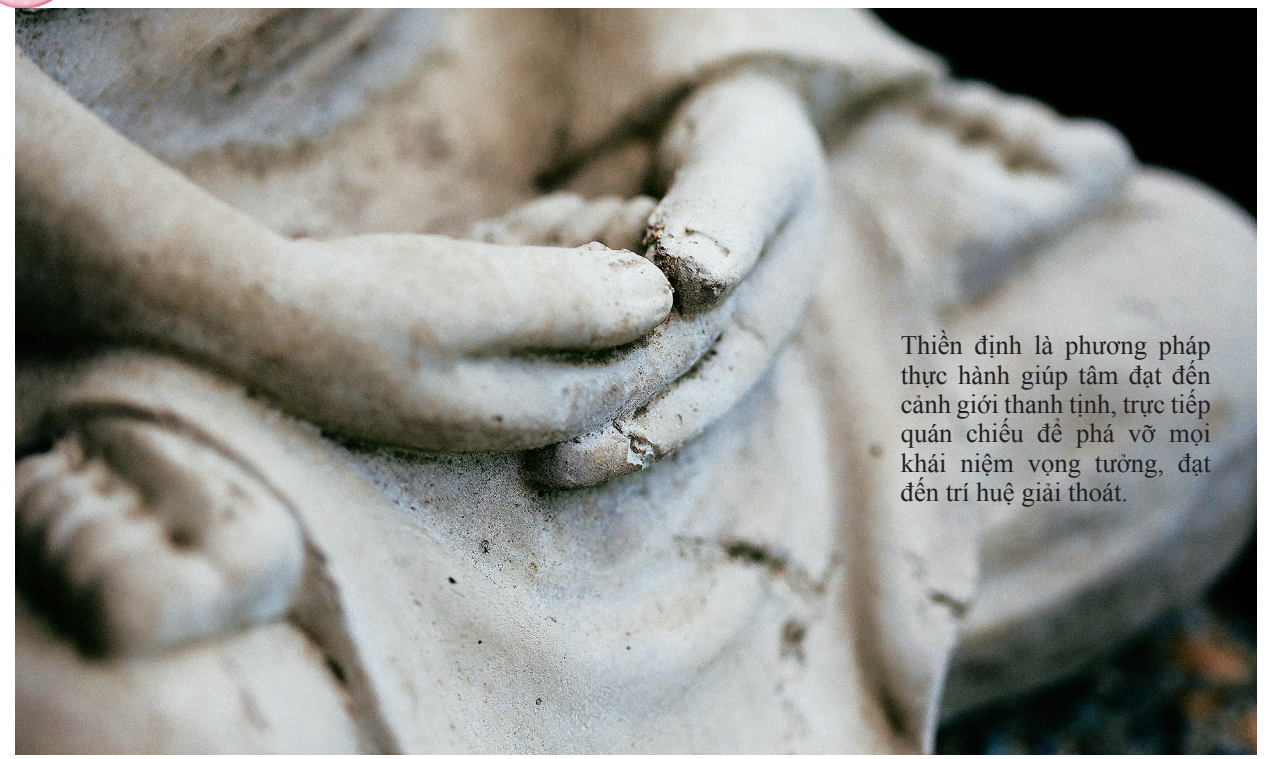


Hành giả thực hành Bồ tát hạnh như người cưỡi xe Trâu trắng đi vào cuộc đời để cứu độ chúng sinh mà không bị thế gian làm nhiễm ô; và tâm của Bồ tát tỏa sáng tự tại làm lợi lạc cho hết thảy chúng sinh, giải thoát sinh tử luân hồi, đạt đến Niết bàn chân thật.

Lúc tâm được thanh tịnh thì quốc độ cũng thanh tịnh. Do thấy có ô nhiễm, trong sạch, cao, thấp…, chính là vì tâm có thói quen phân biệt nhị nguyên. Nhờ vào chứng đắc trí tuệ bát-nhã mà tâm hành giả trở nên bình đẳng, ở đâu cũng trang nghiêm và thanh tịnh, nên càng mong muốn làm được nhiều việc lợi lạc cho chúng sinh, càng tích lũy công đức vô lượng.

Do vọng tưởng sai lầm mà tạo nên các nghiệp báo luân chuyển trong luân hồi sinh tử, ở trong nhà lửa của tam giới tầm cầu niềm lạc thú của cuộc đời, nhưng bản chất của cuộc đời là vô thường, hư huyễn, cho nên niềm vui chóng vánh qua đi thì khổ đau lại đến. Hay nói cách khác, trong vui có chứa nguồn gốc của khổ. Chư Phật và Bồ tát đã giác ngộ viên mãn, giải thoát luân hồi, nhưng vì hạnh nguyện cứu khổ của hết thảy chúng sinh mà vào nhà lửa để cứu độ. Đương nhiên, trong lúc muốn cứu độ chúng sinh, Đức Phật phải chỉ cho họ thấy phương tiện để đi, đánh thức bản tâm giúp họ tỉnh giác cần phải ra khỏi sinh tử khổ đau. Tùy căn cơ của từng chúng sinh mà Ngài theo đó nói Pháp, nên có Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát thừa, nhưng cuối cùng đều được thoát khổ và chứng nhập niết-bàn an lạc. Cũng như trưởng giả hứa cho những người con của mình xe dê, xe hươu và xe trâu, nhưng mục đích là giúp những người con của mình được ra khỏi nhà lửa.

Những chúng sinh nghe lời dạy của Đức Phật, liền cảm thấy yếm ly thế gian, mong muốn ra khỏi luân hồi sinh tử, chứng nhập Niết bàn, đó gọi là Thanh văn, giống như một số người con của trưởng giả vì mong muốn được xe dê mà ra khỏi nhà lửa.



Thiền định là phương pháp thực hành giúp tâm đạt đến cảnh giới thanh tịnh, trực tiếp quán chiếu để phá vỡ mọi khái niệm vọng tưởng, đạt đến trí huệ giải thoát.

Những chúng sinh nghe lời Đức Phật dạy, phát tâm tinh tấn tu hành, thực hành thiền định, quán chiếu nhân duyên phụ thuộc qua lại của các pháp, nên gọi là Duyên giác, như một số người con của trưởng giả vì mong muốn được xe hươu mà ra khỏi nhà lửa.

Những chúng sinh nghe lời Đức Phật dạy, liền tin tưởng tu tập tinh tấn, hướng đến trí tuệ của Đức Phật để cứu độ và lợi lạc hết thảy chúng sinh, đó là Bồ tát thừa, như một số người con của trưởng giả vì mong muốn có được xe trâu mà ra khỏi nhà lửa.

TẠM KẾT

Trên thực tế, chúng ta đều biết rằng do tâm mê vọng mà luân hồi trong sinh tử, tâm được giác ngộ thì thoát khỏi khổ đau và đạt đến an lạc tự tại. Ba phương tiện thuyết pháp của Đức Phật là giúp chúng sinh chọn lấy pháp môn phù hợp, không bị ràng buộc vào một phương tiện duy nhất. Tuy nhiên, nhờ vào trí tuệ bát-nhã mà Bồ tát tùy duyên giáo hóa, mở bày vô lượng phương tiện, độ thoát hết thảy chúng sinh mà không có bất kỳ sự chấp trước nào, cho nên đối với Bồ tát, không có người cứu độ, không có người được cứu độ và phương tiện cứu độ.

Bồ tát đi vào cuộc đời vận dụng phương tiện thiện xảo để cứu vớt chúng sinh, tùy vào hoàn cảnh để nói cho họ hiểu chân lý mà không ràng buộc, không chấp trước, do đó đạt được vô lượng phước báo, trang nghiêm tự thân và cảnh giới. Bồ tát đi vào đời không còn dính mắc, không còn chấp trước, nên có thể du hành trong tam giới mà không trở ngại nhờ trí huệ ba la mật, như trưởng giả cưỡi xe trâu trắng, bằng phương tiện dẫn dụ con của mình ra khỏi nhà lửa. Cho nên, gọi trí huệ là *"bát-nhã hoa khai"*, tức Bồ tát đi vào đời làm cho cuộc sống luôn đầy năng lượng như hoa nở giữa mùa xuân. Do không ràng buộc và không chấp trước, cho nên Bồ tát luôn làm cho thế gian tươi mới, ấm áp và an vui.

Nhận được tông chỉ của Đức Phật, bản hoài của Bồ tát, mỗi hành giả chọn cho mình một phương tiện thích hợp, không chấp trước vào phương tiện, cho dù Thanh văn, Duyên giác hay Bồ tát, đều nỗ lực tu tập thực hành mong đạt đến Phật quả để cứu độ hết thảy chúng sinh. Cũng như những người con của trưởng giả, cho dù là xe dê, xe hươu hay xe trâu, chỉ cần thoát khỏi nhà lửa là được. Hiểu được ý nghĩa chân chính của phương tiện, hành giả giải thoát cho chính mình và cho chúng sinh ngay trong thế gian này. Cưỡi xe trâu trắng đi vào đời, làm cho thế gian ấm áp và tươi sáng như mùa xuân, lợi lạc hữu tình, ở trong thế gian mà vẫn tự tại giải thoát.

Những chương trình

Phật Sự Online

Thực hiện





- BẢN TIN PHẬT SỰ 20H
- BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH
- HOẰNG PHÁP ONLINE
- ĐỌC LẠI TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
- AN CƯ LẠC NGHIỆP
- HƯỚNG DẪN CẮM HOA
- CHUYỆN CỬA THIỀN
- ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM
- NGUYỆN LÀM CON THẢO
- PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP
- PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG
- SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA
- CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ
- ĐỒNG VỌNG PHÁP
- NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO
- NGƯỜI CON PHẬT
- LỜI CON DÂNG PHẬT TRĂNG THÁNG TƯ
- TỎA NGÁT HƯƠNG SEN
- LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ Live và đăng tin tức
Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

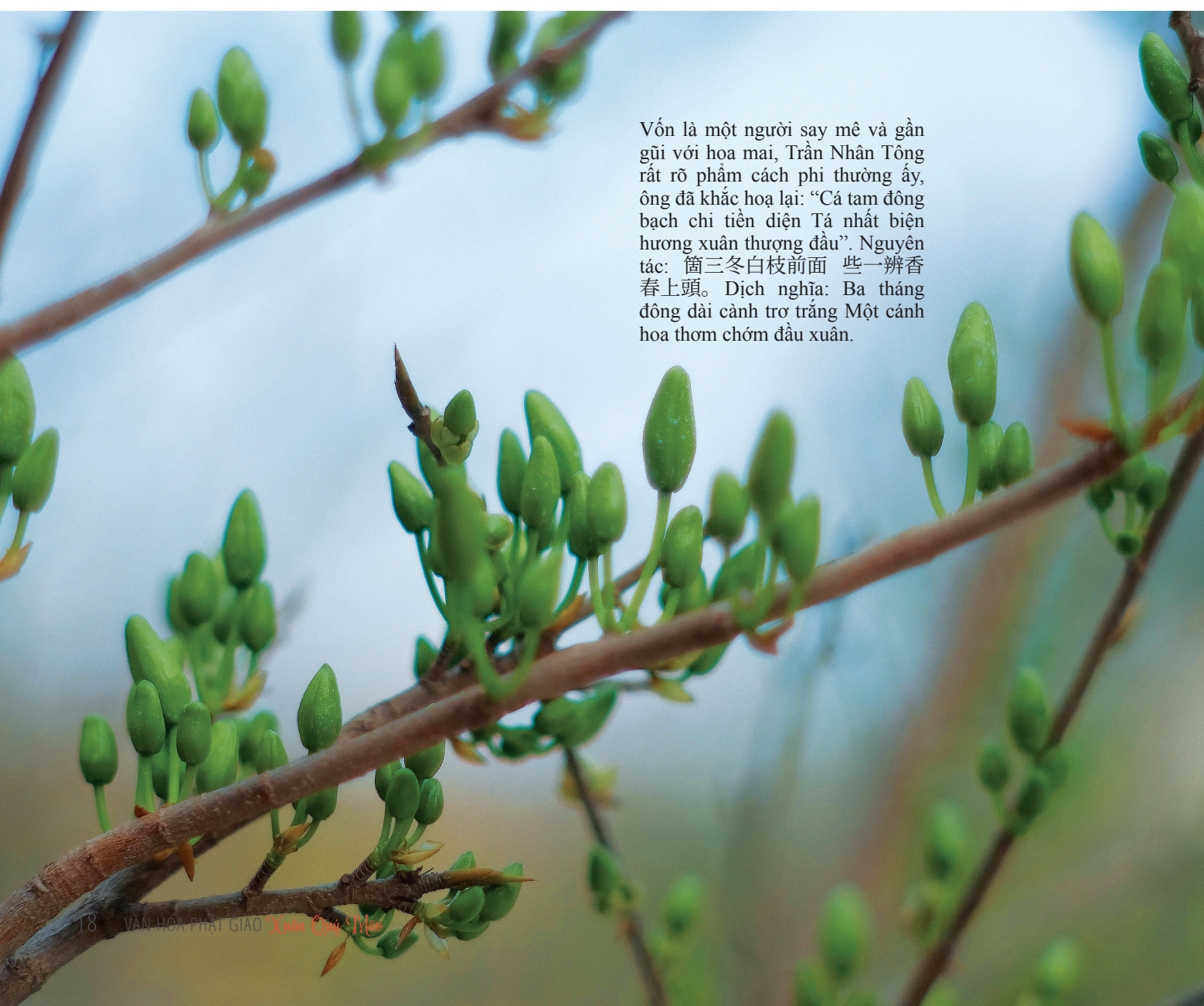
Đại đức THÍCH TUỆ TÁNH - 0944 020802
Email: PSOmiennam@phatsuonline.com

Văn phòng Miền Bắc - Chùa Bằng: 63 Bằng Liệt - Hoàng Mai - HN
ĐT: 097 553 5330 - Email: PSOmienbac@phatsuonline.com

Liên hệ Trực tiếp (Livestream) - Chùa Phật Quang - Kiên Giang
ĐT: 0888 188 311 - Email: livestream@phatsuonline.com

Hoa mai
qua góc nhìn của Thiền sư Trần Nhân Tông

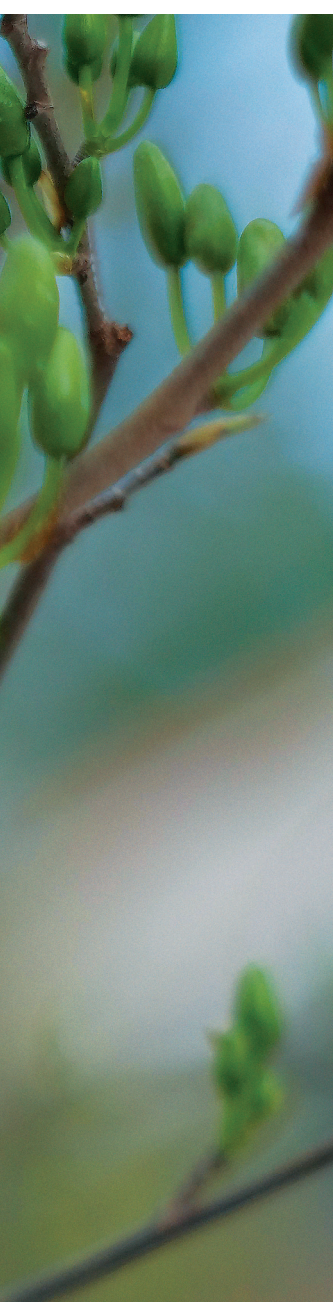
Nguyễn Thanh Huy*



Vốn là một người say mê và gần gũi với hoa mai, Trần Nhân Tông rất rõ phẩm cách phi thường ấy, ông đã khắc hoạ lại: "Cá tam đông bạch chi tiền diện Tá nhất biện hương xuân thượng đầu". Nguyên tác: 箇三冬白枝前面 些一辨香春上頭。Dịch nghĩa: Ba tháng đông dài cành trơ trắng Một cánh hoa thơm chớm đầu xuân.

DẪN NHẬP

Sắc thân tứ đại [1] vốn dĩ thuộc về tự nhiên. Phải chăng đây là căn nguyên mà các bậc Thiền sư dù tu tập đến gần cảnh giới chứng ngộ cũng trở nên gần gũi hơn với thiên nhiên? Có lẽ vậy mà ta đã gặp một Thiền sư Vạn Hạnh yêu từng chồi xanh cỏ cây, một Huyền Quang say mê hoa cúc và một Trần Nhân Tông ái mộ hoa mai.



VÀI NÉT VỀ TRẦN NHÂN TÔNG

Trần Nhân Tông (陳仁宗) sinh ngày 7/12/1258 (Mậu Ngọ, 11/11). Ông là hoàng đế thứ ba của triều Trần nước Đại Việt, trị vì từ ngày 8 tháng 11 năm 1278, đến ngày 16 tháng 4 năm 1293 truyền ngôi cho thái tử Trần Thuyên (tức vua Trần Anh Tông) và lên làm thái thượng hoàng. Ngài là vị anh hùng dân tộc, là nhà quân sự lỗi lạc, là chính trị gia kiệt xuất, là nhà văn hóa lớn và là nhà thơ tài hoa.

Năm 1299, ngài xuất gia tu hành ở núi Yên Tử; chuyên tâm theo hạnh khất thực, lập ra Thiền phái Trúc Lâm (竹林禪派), lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà (香雲大頭陀), sau lại đổi thành Trúc Lâm Đại Sĩ (竹林大士). Tháng 5 năm 1307, Thượng hoàng Trần Nhân Tông lên đỉnh Ngọa Vân lập am nhỏ làm nơi tu hành, và gọi là am Ngọa Vân. Tại đây, vào giờ Tý, mồng 1 tháng 11 năm Mậu Thân, Điều ngự Trần Nhân Tông đã "an nhiên hóa Phật" trên phiến đá ở tư thế sư tử nằm. Sau ngày nhập diệt, người đời gọi phiến đá này là "Niết bàn thạch". Từ đây, đỉnh Ngọa Vân đã trở thành thánh địa của Thiền phái Trúc Lâm. Thiền phái Trúc Lâm là một dòng thiền tiếp nối và hợp nhất ba dòng thiền của Đại Việt ở thế kỷ XII, bao gồm: dòng Thảo Đường, Vô Ngôn Thông và Tì-ni-đa-lưu-chi; cùng với sự ảnh hưởng của Tông Lâm Tế.

Tư tưởng chủ đạo và pháp tu của dòng thiền này có thể được quán sát qua bốn câu kệ kết thúc trong bài phú *Cư trần lạc đạo* (居 塵 樂 道):

"Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền."

Nguyên tác:

居 塵 樂 道 且 隨 緣
饑 則 餐 兮 困 則 眠
家 中 有 寶 休 尋 覓
對 境 無 心 莫 問 禪。

Dịch thơ:

Ở đời vui đạo hãy tùy duyên
Đói ăn mệt mỏi phải ngủ liền
Trong nhà có báu thôi tìm kiếm
Đối cảnh vô tâm chớ hỏi Thiền.

(Nguyễn Thanh Huy *dịch*)

HOA MAI TRONG THƠ TRẦN NHÂN TÔNG

Một cánh mai thơm báo mùa xuân

Từ ngàn xưa hoa mai đã trở thành đề tài ngâm vịnh của tao nhân mặc khách. Hoa mai không chỉ đẹp bởi dáng vẻ, sắc hương mà còn bởi sức sống mãnh liệt, biết chịu đựng để có thể vươn mình khai hương khoe sắc. Yêu mai, thích mai không chỉ thuộc đặc quyền của riêng ai. Nhưng qua

cái nhìn của Trần Nhân Tông hoa mai hiện ra với một diện mạo riêng biệt, đặc sắc. Ở đó hoa mai vừa mang vẻ đẹp vốn có vừa trở nên lung linh, huyền ảo; độc đáo, kì lạ. Như trong *Tảo mai kì nhất*(早梅其一), hai câu đầu ông viết:
"Ngũ xuất viên ba kim niễn tu
San hô trầm ảnh hải lân phù".

Nguyên tác:
五出圓芭金撚鬚
珊瑚沉影海鱗浮。

Dịch nghĩa [2]:
Năm cánh xoe tròn nhị điểm vàng
[Như] bóng san hô chìm, [như] vảy cá biển nổi.

Nếu như câu một chỉ thuần tuý miêu tả dáng điệu của loài hoàng mai năm cánh với những nhị hoa điểm vàng thì ở câu hai là một đặc sắc liên tưởng. Hoa mai đẹp tựa bóng san hô trong nước; hoa mai lấp lánh như vảy cá biển nhô lên mặt nước. Cái hay chính ở chỗ này. Vì sao lại là *"bóng san hô chìm"*? Và vì sao… *"vảy cá biển nổi"*? Cách chọn lọc hình ảnh và lựa chọn từ ngữ đã khiến câu thơ tạo ra sự đối ứng trong cấu trúc cú pháp, đồng thời là sự đối lập, trái nghĩa bởi 2 từ: *trầm >< phù*.

San hô vốn đã đẹp bởi nhiều màu sắc sống động và nó càng đẹp hơn khi chìm trong sự dao động của nước, khiến các màu sắc như hoà quyện; lúc mờ lúc tỏ, lúc hư lúc thực. Và vảy cá chỉ đẹp, chỉ óng ánh khi nó phải nhô lên khỏi mặt nước mới có thể đón nhận được những tia nắng, tạo ra phản xạ ánh sáng làm cho nó trở nên lấp lánh, nhiều màu. Rõ ràng ánh nhìn này mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng bắt gặp trong bất kì thi phẩm nào. Những liên tưởng như vậy khiến cho hoa mai thật lung linh pha lẫn vẻ bí ẩn, mầu nhiệm. Thật là tuyệt bút!

Sự so sánh này dễ khiến ta nhớ tới cách ngắm hoa mai của Trần Quang Khải, trong bài *Lưu Gia Độ* (劉家渡), có câu:
"Thi khách trùng lai đầu phát bạch
Mai hoa như tuyết chiếu tình xuyên".

Nguyên tác:
詩客重來頭髮白
梅花如雪照晴川。



Dịch nghĩa:
Khách thơ trở lại đầu đã bạc
Hoa mai như tuyết chiếu lòng sông.

Như vậy, một người thì nhìn mai như bóng san hô trong nước, một người thì thấy mai như tuyết trắng qua bóng nước lòng sông. Cách ngắm mai không trực diện, gián tiếp của Trần Quang Khải đã khiến hoa thêm lung linh và tôn lên vẻ đẹp thanh tao, thuần khiết của loài mai trắng; đồng thời cho thấy ở đây một không gian tĩnh lặng, một mặt hồ yên ả, một lòng nước trong ngần.

Hoa mai tự thân đã đẹp. Đó là cái đẹp khách quan ai cũng thấy và nhìn nhận. Nhưng nếu chỉ thấy cái đẹp lúc mai khai hoa nở nhụy thì mới chỉ dừng lại ở cái đẹp hình thức mà vẫn chưa thực sự thấu cảm hết

những ẩn tàng bên trong vẻ đẹp ấy. Người yêu mai, hiểu mai đều biết rằng để có được một bông hoa khoe sắc toả hương thì mai phải chịu đựng, đương đầu trong suốt mùa đông rét mướt với biết bao mưa dập gió vùi, tuyết rơi băng đọng.

Vốn là một người say mê và gần gũi với hoa mai, Trần Nhân Tông rất rõ phẩm cách phi thường ấy, ông đã khắc họa lại:
"Cá tam đông bạch chi tiền diện
Tá nhất biện hương xuân thượng đầu".

Nguyên tác:
箇三冬白枝前面
些一辨香春上頭。

Dịch nghĩa:
Ba tháng đông dài cành trơ trắng
Một cánh hoa thơm chớm đầu xuân.

Chỉ cần hình ảnh nhành cây trắng bởi ba tháng mùa đông *(bạch / chi tiền diện)* đủ nói lên sức sống mạnh mẽ, bền bỉ; sự bất phục, hiên ngang của loài mai cao quý. Và có lẽ chính sự khắc nghiệt của hoàn cảnh đã khiến cho hoa mai trở nên đẹp đẽ, lạ thường. Hình ảnh một cánh hoa thơm *(nhất biện hương)* mang lại hương sắc đầu xuân như một kết quả đầy ý nghĩa khi phải trải qua những gian truân, thử thách. Khi ấy mọi khó khăn chỉ còn là làm nền cho những thành tựu ngọt ngào thêm nổi bật mà thôi!

Vẻ đẹp của hoa mai luôn trong tiềm thức của người yêu mai. Nhưng hoa mai sẽ còn đẹp hơn khi được người thưởng thức quan sát tỉ mỉ, nắm bắt được những khoảnh khắc sống động lúc đang khoe sắc và hoà mình vào trong thế giới tự nhiên. Là người yêu mai sâu sắc, Trần Nhân Tông đã kịp chụp lại, tái hiện được giây phút diệu kì này, ông viết:
"Cam lộ lưu phương si điệp tỉnh
Dạ quang như thủy khát cầm sầu".

Nguyên tác:
甘露流芳癡蝶醒
夜光如水渴禽愁。

Dịch nghĩa:
Sương đọng ngọt hương lay bướm tỉnh
Ánh đêm như nước khiến chim khát buồn.

Thật là trác việt! Hai câu thơ đã bày ra tất cả những gì đẹp nhất, say đắm nhất của hoa mai trong những thời khắc đặc biệt của thiên nhiên. Bằng một sự quan sát tinh tế ông đã thấy những hạt sương ngọt đọng lại trên cánh mai, nó hoà quyện với mật ngọt của bông hoa, rồi chuyển động long lanh thơm ngát *(cam lộ lưu phương)* khiến cho bướm phải say lòng. Hình ảnh *"cam lộ"* trong câu thơ này lại gợi cho ta nhớ về một giọt sương khác - *sương treo đầu ngọn cỏ* - trong *Thị đệ tử* (示弟子) của Thiền sư Vạn Hạnh:
…
"Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô".

Nguyên tác:
任運盛衰無怖畏
盛衰如露草頭鋪。

Dịch nghĩa:
Mặc cuộc thịnh suy không sợ hãi
Thịnh suy như cỏ giọt sương treo.

Đặc biệt hơn, Trần Nhân Tông còn nhìn thấy sự phát quang của hoa mai trong bóng đêm. Ở đó mai lấp lánh, sóng sánh như nước khiến những chú chim đang khát lầm tưởng, và rồi, thất vọng buồn bã. Xưa nay khi nhắc đến cái đẹp, người ta thường nói *"chim sa cá lặn"*, *"hoa nhường nguyệt thẹn"* để chỉ vẻ đẹp tuyệt sắc của một giai nhân khiến vạn vật trở nên tự ti, e thẹn; thì trong tình huống này vẻ đẹp của hoa mai đã khiến cho bướm phải si tình mà chim thì sầu muộn. Những quan sát, liên tưởng và so sánh độc đáo như vậy đủ cho thấy một tấm lòng say sưa, ngưỡng mộ hoa mai biết nhường nào!

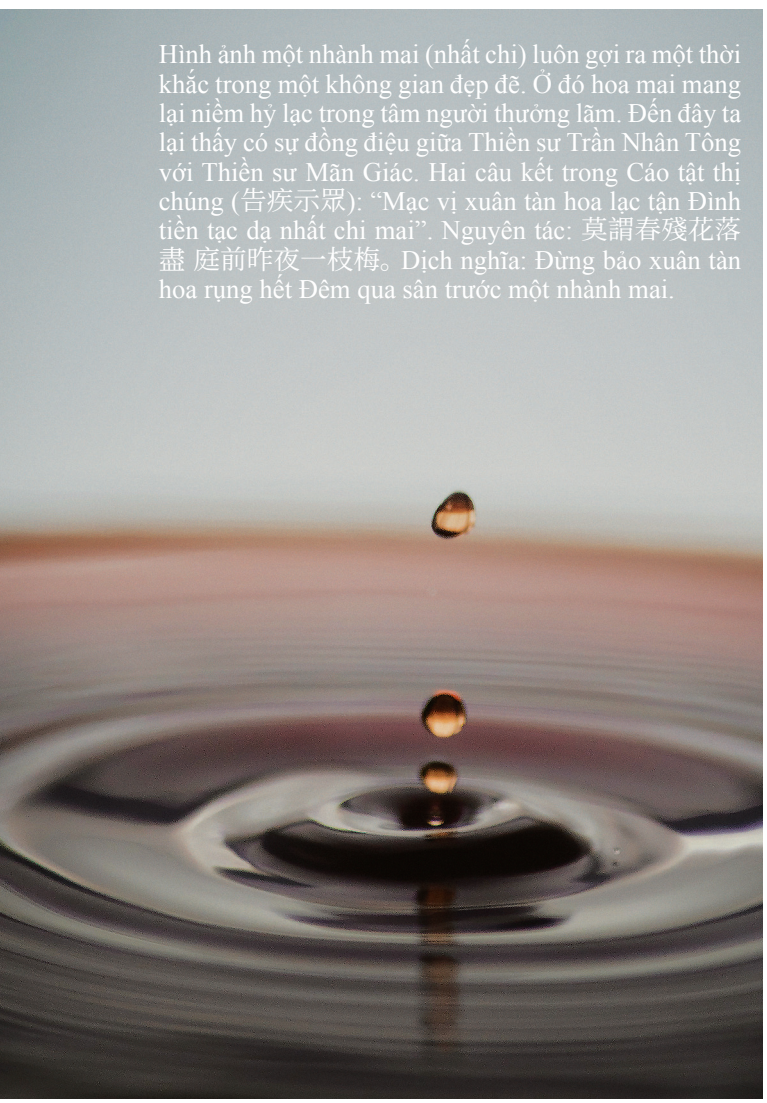
Tất cả những gì thuộc về hoa mai đều đẹp đẽ. Một vẻ đẹp cốt cách, thanh tao, trang nhã. Đẹp đến độ nếu Hằng Nga ở trên cao có biết thì cũng rời xa cây quế cung thiềm. Ông viết:
"Hằng Nga nhược thức hoa giai xứ
Quế lãnh thiềm hàn chỉ ma hưu!"

Nguyên tác:
姮娥若識花佳處
桂冷蟾寒只麼休。

Dịch nghĩa:
Hằng Nga nếu biết miền hoa đẹp
Cây quế cung thiềm lạnh bỏ chơ.

Rõ ràng, đến đây có thể khẳng định trong mắt ông hoa mai có vẻ đẹp li trần thoát tục, có thể khiến trần gian hóa địa đàng để mà tiên nhân chẳng còn tiếc chốn bồng lai. Hai câu thơ gợi lên một hình ảnh tương phản, đối lập với tâm trạng chán chường nhân thế của các thi nhân đương thời - những năm đầu thế kỷ XX. Họ muốn thoát ra khỏi cái không gian chật chội, giải toả sự cô đơn trống trải để tìm bầu bạn nơi cung quế chị Hằng cùng với gió mây. Tản Đà viết:

"Đêm thu buồn lắm! Chị Hằng ơi!
Trần thế em nay chán nửa rồi.
Cung quế đã ai ngồi đó chửa?
Cành đa xin chị nhắc lên chơi.
Có bầu, có bạn, can chi tủi,
Cùng gió, cùng mây, thế mới vui.
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám,
Tựa nhau trông xuống thế gian cười".



Hình ảnh một nhành mai (nhất chi) luôn gợi ra một thời khắc trong một không gian đẹp đẽ. Ở đó hoa mai mang lại niềm hỷ lạc trong tâm người thưởng lãm. Đến đây ta lại thấy có sự đồng điệu giữa Thiền sư Trần Nhân Tông với Thiền sư Mãn Giác. Hai câu kết trong Cáo tật thị chúng (告疾示眾): "Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận Đình tiền tạc dạ nhất chi mai". Nguyên tác: 莫謂春殘花落盡 庭前昨夜一枝梅。Dịch nghĩa: Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết Đêm qua sân trước một nhành mai.

Vẻ đẹp cốt cách, bất phàm của hoa mai là khách quan, không có gì để bàn cãi. Điều ấy một lần nữa được ghi lại qua mấy câu thơ của Nguyễn Trung Ngạn trong bài *Tặng thi Hứa tăng Khắc Sơn* (贈詩許僧克山):

"Vật ngoại phiêu nhiên chỉ nhất thân
Thử gian vinh nhục lưỡng vô văn
Dã mai cốt cách nguyên phi tục
Hải hạc phong tư tự bất quần".
…

Nguyên tác:
物外飄然只一身
此間榮辱兩無聞
野梅骨格元非俗
海鶴風姿自不群。

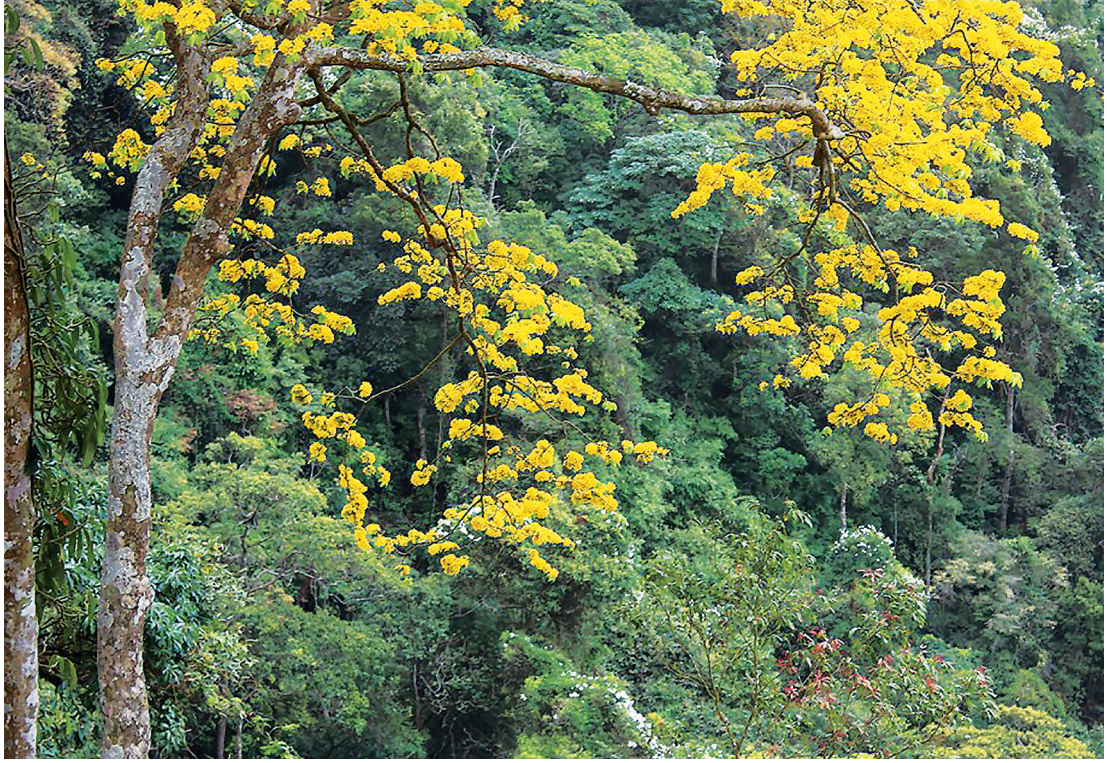
Dịch nghĩa:
Một thân phiêu nhiên ở trên đời
Hai chữ vinh nhục chẳng nghĩ lo
Cốt cách mai rừng vốn vượt tục
Phong tư hạc biển tự siêu quần.

Một nhành mai trong mộng cố nhân

Tương truyền Trần Nhân Tông vì thích hoa mai nên khi lên núi Yên Tử tu tập, ông đã mang giống mai vàng phía Nam để gieo trồng. Và đến hôm nay những cây mai ấy vẫn còn trong những khoảnh rừng Yên Tử, chúng được gọi là "đại lão mai vàng". Vậy nên, có thể nói hoa mai như một tri âm, một người bạn đồng hành đi với Trần Nhân Tông trong suốt những năm tháng tu hành nơi chốn rừng sâu nước thẳm. Và tình yêu, lòng ái mộ của ông dành cho hoa mai là những xúc cảm tự nhiên. Nhưng nó không phải là những cảm xúc nhất thời mà sâu xa hơn, đó là những rung động mãnh liệt, sự gần gũi thân quen, sự thấu hiểu sâu sắc. Hơn thế, tình yêu ấy dường như đã in sâu vào tiềm thức để rồi ngay trong giấc mộng hoa mai cũng hiện ra trước mặt. Trong *Tảo mai kì nhị* (早梅其二) ông viết:

…
"Thuý Vũ ca trầm sơn điếm nguyệt
Hoạ Long xuy thấp Ngọc Quan vân
Nhất chi mê nhập cố nhân mộng
Giác hậu bất kham trì tặng quân".

Nguyên tác:
翠羽歌沉山店月
畫龍吹濕玉關雲



Tương truyền Trần Nhân Tông vì thích hoa mai nên khi lên núi Yên Tử tu tập, ông đã mang giống mai vàng phía Nam để gieo trồng. Và đến hôm nay những cây mai ấy vẫn còn trong những khoảnh rừng Yên Tử, chúng được gọi là "đại lão mai vàng". *(Ảnh: "đại lão mai vàng Yên Tử - Nguyễn Hùng)*

一枝迷入故人夢
覺後不堪持贈君。

Dịch nghĩa:
Khúc Thuý Vũ lắng chìm trăng xóm núi
Điệu Hoạ Long thấm ướt Ngọc Quan mây
Một nhành hoa lạc giấc mộng cố nhân
Chợt tỉnh, nào đâu thể tặng bạn được!

Hình ảnh một nhành mai (nhất chi) luôn gợi ra một thời khắc trong một không gian đẹp đẽ. Ở đó hoa mai mang lại niềm hỷ lạc trong tâm người thưởng lãm. Đến đây ta lại thấy có sự đồng điệu giữa Thiền sư Trần Nhân Tông với Thiền sư Mãn Giác. Hai câu kết trong *Cáo tật thị chúng* (告疾示眾):
"Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai".

Nguyên tác:
莫謂春殘花落盡
庭前昨夜一枝梅。

Dịch nghĩa:
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một nhành mai.

Nhưng sự khác nhau chính là thời điểm thấy hoa, thưởng hoa. Người thì trong giấc ngủ, giấc mộng; kẻ thì sau một đêm dài tỉnh giấc. Từ đây ta thấy cũng là một nhành mai nhưng cái hư - cái thực hiển lộ trong những hoàn cảnh khác nhau. Và dù là hư hay thực, dù là mộng hay tỉnh thì cũng chỉ khẳng định một điều: hoa mai luôn trong tâm thức của hai bậc Thiền sư này. Như vậy, thêm một điều ta trăn trở: Hoa mai có mối liên hệ nào chăng trong hành trình đi tìm về bến giác của các bậc chân tu

KẾT LUẬN

Tựu trung, hoa mai là đề tài bất tử trong thi ca; là thi hứng dạt dào của bao tâm hồn đa cảm; là lòng ái mộ, si mê của những người yêu mai. Nhưng với Trần Nhân Tông, qua thi ca, sự phản ánh lại mang một màu sắc khác. Đó là những xúc cảm mãnh liệt, sâu sắc; những cái nhìn liên tưởng so sánh độc đáo, đặc sắc; và những tái hiện bất ngờ mà ta chưa từng gặp.

Chú thích:
* Giảng viên Nguyễn Thanh Huy - Trường Đại học Khánh Hòa.
[1] Quan niệm nhà Phật cho rằng thân xác con người được cấu thành bởi 4 yếu tố: Đất, nước, lửa, gió.
[2] Dịch nghĩa: Tất cả những phần dịch nghĩa thơ chữ Hán trong bài viết này là do chính tác giả Nguyễn Thanh Huy dịch.

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên), *"Thơ văn Lý - Trần"*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, gồm 3 Tập, 1977, 1978, 1988.
2. Nguyễn Lang, *"Việt Nam Phật giáo sử luận"*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2011.
3. Ngô Sĩ Liên, *"Đại Việt sử ký toàn thư. Nội các quan bản"*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
4. Nguyễn Duy Hinh, *"Tư tưởng Phật giáo Việt Nam"*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1999.
5. Nguyễn Thanh Huy, *"Hoa mai trong cảm thức người xưa"*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số tháng 1/2022.
6. Nguyễn Thanh Huy, *"Đọc bài kệ Cư trần lạc đạo qua lăng kính Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa kinh"*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, 22/8/2021, https://tapchinghiencuuphathoc.vn/doc-bai-ke-cu-tran-lac-dao-qua-lang-kinh-kim-cang-bat-nha-ba-la-mat-da-kinh.html
7. Nguyễn Thanh Huy, *"Hoa cúc trong thơ của Thiền sư Huyền Quang"*, Tạp chí Văn hóa Phật giáo, số 391.

Gieo hạt mầm Xuân

Tỳ kheo Thích Từ Thông



DẪN NHẬP

Như những con thiêu thân đang lao mình vào trong lửa đỏ, những chúng sanh bị vô minh tham ái chi phối ngày đêm đang lao mình vào những dục vọng, đắm say, bị vây nhốt trong những tù ngục của những khoái cảm giác quan, bị đốt cháy bởi những tà kiến vô minh. Bằng sự rung cảm của trái tim từ bi và trí tuệ vô ngã, vị Bồ tát thấu cảm được những tiếng ai oán của nhân loại, từ đó phát tâm dõng mãnh, phát nguyện hành Bồ tát đạo, thực hành các công hạnh Ba-la-mật để cứu độ muôn loại đang lầm than. Trong bài viết này, chúng ta sẽ cũng nhau tìm hiểu về công hạnh của vị Bồ tát nhập thế hành đạo, theo tinh thần Kinh Kim Cương. Cũng giống như những người nông dân cần mẫn, ngày đêm gieo trồng những hạt mầm xuân, cũng vậy, Bồ tát đi vào đời gieo trồng "những hạt mầm xuân" vào tâm thức chúng sanh những hạt giống từ bi, trí tuệ, vô ngã, vị tha vào mảnh đất tâm giữa trời một trời xuân tuyệt đẹp.

Từ khóa: *Kinh Kim Cang, Bồ tát, Bát nhã.*



TỔNG QUAN VỀ KINH KIM CƯƠNG

Sơ lược về lịch sử hình thành

Kinh Kim Cương hay *Kinh Kim Cang*, tên đầy đủ là *Kim Cương Bát-nhã ba-la-mật-đa Kinh* (वज्रच्छेदिकाप्रज्ञापारमितासूत्र /Vajracchedikā Prajñāpāramitā Sūtra; 金剛 般若 波羅蜜 多 經). Đây được xem là một trong những bộ kinh Đại thừa quan trọng, nổi tiếng và phổ biến rộng rãi, nằm trong hệ tư tưởng triết học Bát-nhã tánh không.

Nền văn học Bát-nhã là một nền văn học Đại thừa đồ sộ với tư tưởng và nội dung mà nó truyền tải. Thời gian, địa điểm xuất hiện của các bộ kinh Bát-nhã đến nay vẫn còn đang được nghiên cứu. Theo đa số nhà Phật học, bộ kinh này phát xuất từ miền Trung và miền Nam Ấn Độ. Giáo sư Etienne Lamotte cho rằng Bát-nhã-ba-la-mật-đa khởi đầu từ miền Tây Bắc và Trung Á, do ảnh hưởng của nền văn minh Địa Trung Hải và Hy Lạp trong giai đoạn nảy sinh ra Đại Thừa. Nhưng theo Edward Conze, một trong những học giả uyên thâm nhất về Bát-nhã, điều này chỉ chứng tỏ rằng bộ kinh này được thịnh hành tại miền Tây Bắc trong triều đại Kouchan (thế kỷ I), mà không phải được ra đời tại đây. Theo ông, sự phát triển của Bát-nhã-ba-la-mật-đa kéo dài hơn 10 thế kỷ và có thể chia ra làm 4 thời kỳ: 1) Từ năm 100 TCN tới năm 100 là giai đoạn hình thành phần cơ bản của kinh. 2) Trong 200 năm sau, phần cơ bản này được tăng cường mạnh mẽ. 3) Trong 200 năm tiếp theo, cho tới khoảng năm 500, các ý tưởng căn bản được đúc kết lại thành những bài kinh ngắn (trong đó có Kinh Kim Cương), đồng thời những bài tóm tắt có vần điệu. 4) Giai đoạn cuối (khoảng năm 600-1200), ảnh hưởng của Mật Tông bắt đầu thấy rõ, với sự thâm nhập bởi các câu thần chú và làm giảm bớt ảnh hưởng của bộ kinh.

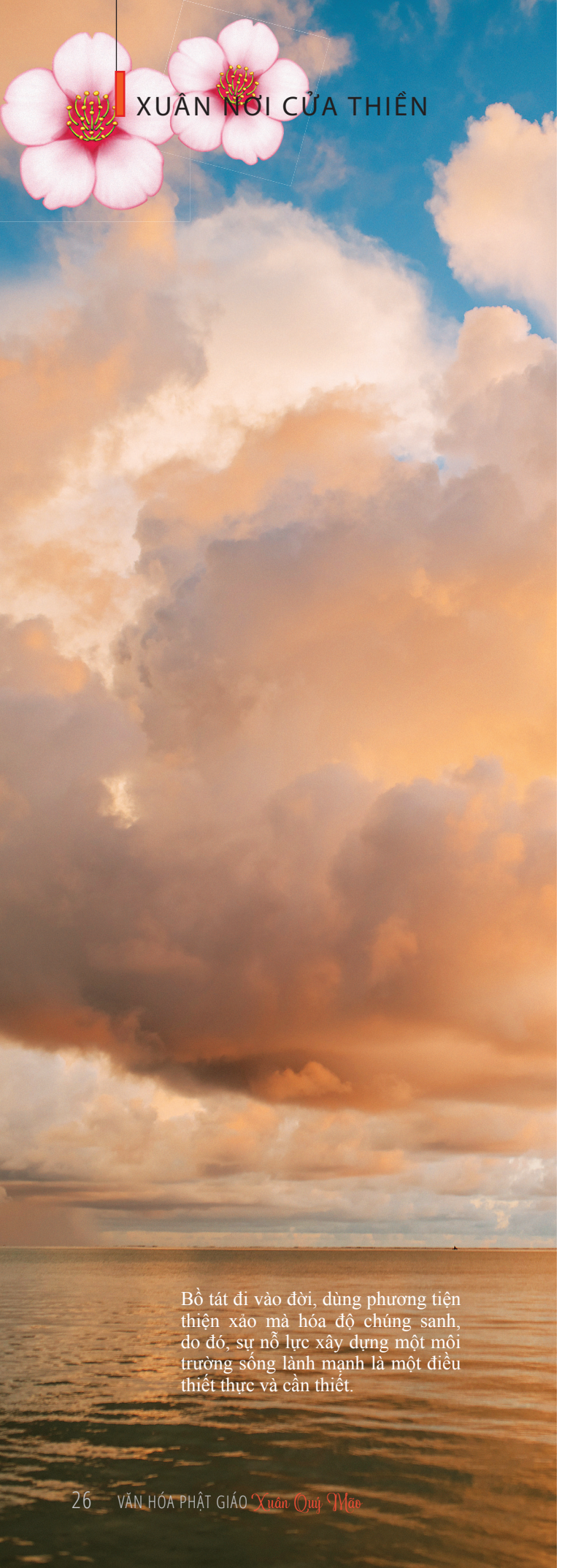
Tuy nhiên, có một số học giả không đồng ý với quan điểm này và cho rằng Kinh Kim Cương xuất hiện sớm hơn. Chúng ta chưa thể biết được thời gian chính xác xuất hiện bản kinh, tuy nhiên, người ta đoán rằng bản kinh này có thể được hình thành vào khoảng thế kỷ II và thế kỷ V. Tại Trung Hoa, Kinh Kim Cương được dịch sang Hán văn sớm nhất vào thế kỷ thứ IV.

Tổng quan về tư tưởng triết lý trong Kinh Kim Cương

Như trên đã nói về sự phổ biến và ảnh hưởng của triết lý trong Kinh Kim Cương, do đó, việc tìm hiểu và phân tích những ý nghĩa ẩn tàng sau mỗi câu kinh sẽ mở ra một khung trời trí tuệ khai phóng bao la và định hướng cho đường lối thực hành theo lời Phật dạy trong kinh.

Tìm hiểu về tiêu đề kinh

Kinh Kim Cương – Vajracchedikā Prajñāpāramitā Sūtra. Tiêu đề kinh sẽ cho



Bồ tát đi vào đời, dùng phương tiện thiện xảo mà hóa độ chúng sanh, do đó, sự nỗ lực xây dựng một môi trường sống lành mạnh là một điều thiết thực và cần thiết.

chúng ta biết được một cái nhìn tổng quan nhất về những nội dung ý nghĩa của toàn bộ bản kinh. Trong đó, từ Kim cương hay Kim cang (金剛; वज्र-Vajra; Diamond) trong văn hóa Ấn Độ thời cổ nghĩa đen có nghĩa là: sấm sét (tia chớp) đặc biệt của thần Indra thủ lĩnh của các vị thần, được cho là hình thành từ xương của Ṛṣi Dadhīca hoặc Dadhīci; khoáng chất cứng nhất, không màu, bao gồm cacbon gần như nguyên chất ở dạng tinh thể mà chúng ta cắt thành những viên ngọc quý có độ sáng chói tuyệt vời; kim cương: có khả năng chặt đứt, hủy diệt;… [1]. Ngoài ra, kim cương (vajra) còn có hai nghĩa: tịnh và nhiễm. "Nhiễm": kim cương được ví như phiền não, chỉ có trí tuệ Bát-nhã mới có khả năng đập phá phiền não cứng như như kim cương. "Tịnh": kim cương được ví như trí tuệ bát-nhã có khả năng phá trừ các vọng tưởng, ngã chấp, dao động, bất an của chúng sanh. Đó cũng chính là ý nghĩa của từ *Năng đoạn* (chedikā) mà một số bản dịch sử dụng trong tiêu đề kinh, tuy nhiên ý nghĩa này đã được bao hàm trong nghĩa của từ vajra. Vajra còn chỉ cho một loại định kiên cố, gọi là *Kim cương dụ định* (vajra upama samādhi), loại định này có uy lực diệt trừ tự ngã (atman) được bọc bởi lớp vỏ vô minh vi tế để chứng đắc quả A-la-hán hay Chánh đẳng giác. Kim cương dụ định này cũng chính là Kim cương bát-nhã.

Prajñāpāramitā: được hiểu là trí tuệ hay sự hiểu biết siêu việt (prajñā), có khả năng đưa chúng sanh vượt qua bờ sinh tử, đạt đến cứu cánh viên mãn (pāramitā). Prajñā-pāramitā nghĩa là trí tuệ phương tiện đưa chúng sanh vượt thoát khỏi vô minh, phiền não sang bờ giải thoát, giác ngộ, đó là trí tuệ đáo bỉ ngạn hay trí tuệ toàn giác. Bởi vì trí tuệ ấy thoát ly thế giới ngã tưởng của khái niệm, đây được xem là Như lai trí hay Niết-bàn.

Như vậy, Kinh Kim Cương, hay Kim cương Bát-nhã ba-la-mật-đa là một ẩn dụ cho ý nghĩa phá trừ, hủy diệt mọi vọng tưởng, hý luận thông qua trí tuệ bát-nhã siêu việt; những giáo lý ẩn chứa trong nó cao quý như những viên kim cương và người thực hành viên mãn sẽ trở thành một viên kim cương quý giá, đạt đến sự giải thoát kiên cố, phá tan vô minh, tham ái, tỏa sáng dưới ánh nắng của giải thoát, thấu suốt vô ngại.

Khái quát nội dung tư tưởng chủ đạo trong Kinh Kim Cương

Kinh Kim Cương là một trong những kinh tiêu biểu nhất trong văn hệ Bát-nhã đồ sộ, với tinh thần khai

phóng và phá vỡ mọi bám chấp vào ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Qua đó đã nói lên đầy đủ tinh thần Chân không – Diệu hữu, thật tướng bất nhị và bình đẳng của vạn pháp. Nội dung tư tưởng của Kinh Kim Cương là tinh thần vô ngã, bản chất Không tánh của các pháp. Vô ngã hay duyên khởi tính phủ nhận hết thảy ngã tính. Vì thế ngôn ngữ diễn đạt phủ định triệt để các khái niệm về các tướng trạng do khái niệm dựng lên. Tánh Không chính là một tính thực tại như thực ở ngoài vòng chấp thủ tướng mà không phải hoàn toàn xa rời thế giới này (Bất nhị). Thực tại chính là thế giới đang là và được nhìn với trí tuệ xa lìa ngã tướng. Kinh Kim Cương đi vào các lập luận mang tính chất biện chứng, logic, vừa phủ định vừa khẳng định với mục đích là diễn đạt đến được một trạng thái vượt lên trên ngôn ngữ. Tuy phủ nhận hết thảy mọi tham ái và chấp thủ (cuộc đời), mà không phủ nhận hoàn toàn các pháp (cuộc đời), ngôn ngữ diễn đạt ở đây được hiểu như là ngôn ngữ ly niệm của Bát-nhã.

Ngôn ngữ ly niệm của Bát-nhã là ngôn ngữ phủ định các vọng niệm, vọng tưởng mà không phải là sự chối bỏ hay chạy trốn sự thật thế giới (cuộc đời) như nó đang là. Không phủ nhận, chối bỏ thực tại mà nhìn nhận đúng với bản chất của các pháp với trí tuệ sắc bén của kim cương bát-nhã. Vì thế, Bồ tát thực hành theo con đường trí tuệ của kim cương bát-nhã là những vị mang tư tưởng tự độ và độ tha, vận dụng mọi phương tiện của trí tuệ, sức lực, thân mạng, tài sản giúp đỡ làm lợi lạc cho đời. Vị Bồ tát thực hành theo con đường bát-nhã là những vị sanh ra trong đời, sống giữa cuộc đời, đem chánh pháp đến cho cuộc đời và không bị cuộc đời đắm nhiễm. Bồ tát đem lý tưởng và mục đích giải thoát làm kim chỉ nam cho hành động và soi sáng thế gian.

HẠNH NGUYỆN BỒ TÁT VÀ CON ĐƯỜNG THỰC HÀNH THEO KINH KIM CƯƠNG

Lối vào Bồ tát hạnh

Sao khi nhận được ẩn ý vô ngôn của Đức Phật, tôn giả Subhūti với lòng đại bi vì mục đích đem lại lợi ích cho nhân thiên, ngài đã đại diện cho toàn thể tăng đoàn cung kính thưa hỏi Đức Phật về con đường thực hành của vị Bồ tát: *"Bạch Thế tôn! Rất ít có, đức Như Lai khéo hộ niệm các vị Bồ tát, khéo phó chúc các vị Bồ tát. Bạch Thế tôn, nếu có người thiện nam, thiện nữ phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề làm sao an trụ, làm sao hàng phục tâm kia?"* [2]. Vấn đề đã được ngài Subhūti đặt ra, đó là đối với những vị đang đi trên Bồ tát đạo (bodhisattvay ānasaṃprasthitena), thì phải nên an trụ [tuân thủ, trú ngụ] (sthātavyam), phải nên hàng phục [hành động, tu hành] (pratipattavyam) [3], tâm (cittaṃ) phải nên được giữ gìn [hàng phục, nhiếp phục] [4] (pratigṛhītavyam) như thế nào? [5].

Đến đây, thuật ngữ Bồ tát (bodhisatvā) và Bồ tát đạo (bodhisattvayāna) bắt đầu xuất hiện, trong đó *bodhi* nghĩa là con đường của chư Phật (buddhamārga); *sattva* hoặc là chúng sinh hoặc là tâm trí vĩ đại. Bồ tát là người sẽ đạt được tâm bất hoại (aheya) và bất khả xâm phạm (acyuta) giống như núi kim cương (vajraparvata), của những phẩm tính (guṇa) trên con đường của chư Phật. Vì thế Bồ tát còn gọi là *mahāsattva*, tức là một con người vĩ đại với chí nguyện cao thượng. Hơn nữa, sat nghĩa là ca ngợi (stava) Thánh Pháp, tva nghĩa là bản chất cốt yếu (bhāvalakṣaṇa) của Thánh Pháp. Bồ tát được gọi như vậy vì từ tâm làm lợi ích cho mình và cho người [6]. Ngài cứu độ tất cả chúng sinh, vì biết rõ thực tánh (bhūtasvabhāva) của tất cả các pháp và đi trên Con đường giác ngộ vô thượng viên mãn (anuttarasamyaksaṃbodhi). Tại sao vậy? Trong số tất cả các thuộc tính (dharma), tuệ giác của Phật là quan trọng nhất và bởi vì vị Bồ tát mong muốn đạt được nó, nên Đức Phật thường được các vị ấy tán thán khát ngưỡng làm mục tiêu cho sự nỗ lực tu tập. Cũng chính vì thế mà ngài Subhūti đã tán thán, khát ngưỡng các công hạnh của Đức Phật vì lòng từ mẫn mà phó chúc và hộ niệm cho những hàng Bồ tát sơ phát tâm nhận diện và thực hành theo Bồ tát đạo.

Mở đầu của bài kinh, Đức Phật đã biểu thị một chân lý vô ngôn, thực tại như thực. Bởi vì Thế tôn đã rời khỏi hết thảy các chấp thủ, lậu hoặc, cho nên mọi biểu hiện đều rời khỏi hết thảy tướng về ngã, biểu hiện toàn vẹn thực tại của toàn giác. Chính bằng ngôn ngữ ly niệm đã nói lên một cách đích thực thực tại như thực, rời khỏi các chấp thủ, thể nhập vào các Ba-la-mật một cách viên mãn. Đó cũng chính là ý nghĩa của việc khất thực, bởi vì trong việc khất thực có ý nghĩa của trì giới ba-la-mật; thực hiện một cách điều đặn vì lòng từ bi cảm hóa chúng sanh, đó là nhẫn nhục và tinh tấn ba-la-mật; chú tâm vào tứ oai nghi của thân, hoặc theo dõi hơi thở, quán sát các pháp không gián đoạn, đó chính là thiền định ba-la-mật; chánh niệm tỉnh giác rời khỏi, xả bỏ hết thảy các chấp thủ đó chính là bố thí và trí tuệ ba-la-mật.

Như vậy Thế tôn thường diễn thuyết Lục độ ba-la-mật, nhưng không phải ai cũng có khả năng nhận ra, chính vì thế tôn giả Subhūti đã vì lòng đại bi mà cung thỉnh Đức Phật chỉ dạy thông qua ngôn ngữ khái niệm. Bởi vì ngài Subhūti biết rõ rằng, trong số những vị Bồ tát sơ phát tâm vẫn chưa lìa hết mọi chấp thủ về ngã, pháp, do đó vọng tưởng sanh khởi, kéo theo đó là tham, sân, si, sợ hãi dấy khởi thì tâm dao động bất an. Vì vậy, ngài Subhūti đã thưa hỏi Phật về phương pháp an trú và hàng phục tâm dao động ấy, khi tâm được huấn luyện, được an trú thì phiền não, dao động, bất an không sanh khởi. Tiếp theo, Đức Phật khai mở về con đường của vị Bồ tát (bodhisattvayāna-saṃprasthitena) và phương pháp an trụ, hàng phục, giữ gìn tâm đúng đắn (yathā). [7]

Bồ tát đạo và con đường phá trừ chấp ngã – chấp pháp của Bồ tát

Đến đây, Bồ tát đạo đã được Đức Phật trình bày và đặt dưới ánh sáng của kim cương bát-nhã-ba-la-mật. Vị Bồ tát sau khi phát khởi đại nguyện (mahāpraṇidhāna) với tâm (citta) không lay chuyển (acala, akṣobhya) và nghị lực tinh tấn (vīrya) bất thối chuyển (avaivartika); Bồ tát đi vào con đường tự độ và độ tha, một con người với tâm nguyện vĩ đại, tự giải thoát cho mình và cho tất cả chúng sanh, do đó được gọi là bodhisatvā mahāsattva. Tuy nhiên, Đức Phật dạy rằng: *"Tuy độ vô lượng vô số các loài chúng sanh (sinh từ trứng, từ thai, từ ẩm ướt, do biến hóa; có hình dạng, không có hình dạng, có ý thức, không có ý thức, không có ý thức cũng không không có ý thức) bất kể chúng sanh được quan niệm như thế nào, thì tất cả chúng sanh ấy điều được Bồ tát đưa vào trong Vô dư niết-bàn. Tuy độ vô số chúng sanh vào Vô dư niết-bàn, nhưng không có một chúng sanh nào đắc Vô dư niết-bàn cả"*. [8]

Tại sao Bồ tát độ vô số chúng sanh nhưng không thấy có chúng sanh mình độ, bởi vì Bồ tát không còn những tư tưởng quan niệm về tôi về những thứ thuộc sở hữu của tôi xem nó như là tự ngã, *"nếu như Bồ tát còn có sự phân biệt về ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, thì chẳng được gọi là Bồ tát"* [9]. Thế nào là *ngã tướng* (我相) tức là cho rằng có thực một cái ngã thường hằng, bất biến hoặc khởi lên kiến chấp năm uẩn là ta, là của ta. Tuy nhiên, bản dịch của ngài Kumārajīva khác so với các bản Hán dịch còn lại và so với bản Phạn không thấy có từ *ngã* (ātman). Ví dụ, trong bản của ngài Huyền Trang: *"Tại sao lại như vậy, Thiện Hiện, nếu chư Bồ tát ma-ha-tát khởi lên ý tưởng về hữu tình (有情想轉; satvasaṃjñā pravartate), thì không được gọi là Bồ tát ma-ha-tát…Vì vậy, chư Bồ tát ma-ha-tát chẳng nên nói là có khởi lên tưởng về hữu tình. Như là, mệnh giả tưởng, sĩ phu tưởng, bổ-đặc-già-la tưởng, ý sanh tưởng, ma-nạp-bà tưởng, tác giả tưởng, thọ giả tưởng, nên biết cũng như vậy. Tại sao? Thiện Hiện! Không có một chút pháp nào gọi là người phát tâm hướng đến Bồ tát thừa"* [10]. Tại sao lại có sự khác biệt khi dịch "tướng" (相) và "tưởng" (想)? Tướng (相), Phạn ngữ có thể là từ *lakṣana* hoặc *nimitta* để chỉ cho các đặc điểm dấu hiệu bên ngoài; "tưởng", Phạn ngữ *saṃjñā*, để chỉ cho một đối tượng nhận thức, một trong năm uẩn. Theo K*inh Đại thừa nhập Lăng-già*, giải thích rằng: *"Đại huệ! Trong đây "tướng" có nghĩa là cái do nhãn thức thấy gọi là sắc, do nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý thức mà có gọi là thanh, hương, vị, xúc, pháp. Tất cả đó ta gọi là tướng; nghĩa là phân biệt đây là voi, ngựa xe, bộ hành, nam nữ v.v.. chứ không gì khác; làm rõ cái tướng của chúng. Ấy gọi là phân biệt"* [11]. Có lẽ đây cũng chính là ý nghĩa mà ngài Kumārajīva dịch là *"tướng"*. Còn đối với đoạn dịch vừa dẫn ở trên của ngài Huyền Trang, ý nghĩa tương tự được tìm thấy trong *Kinh Tạp A-hàm*: *"Vì mắt và sắc làm duyên sanh ra nhãn thức. Ba sự hòa hợp sanh ra xúc, thọ, tưởng, tư câu sanh với xúc, bốn vô sắc ấm này, mắt và sắc, những pháp này gọi là con người. Ở nơi những pháp này mà khởi ý tưởng là con người (manusa), là chúng sanh, na-la (nara, con người), ma-nậu-xà (manussa, con người trong xã hội), ma-na-bà (māṇavaka, niên thiếu), sĩ phu (puggala, con người, nhân xưng), phước-già-la (puggala, sĩ phu, con người), kỳ-bà (jīva, sinh mạng), thiền-đầu (jantu, sanh loại)"* [12]. Như vậy, theo tinh thần của Kinh A-hàm thì *bốn sắc ấm* (xúc, thọ, tưởng, tư) do mắc và sắc (giác quan và đối tượng của giác quan) hợp lại mà có nhận thức về "con người" (人). Sở dĩ có quan niệm chấp thủ, sai lệch về "ngã tướng/ puggala tướng" tức là do nhận thức sai lầm về những ảnh tượng giác quan. Nói theo biện chứng của Kinh Kim Cương, thì con người, không phải là con người, mà con người là do các yếu tố nhân duyên tạo thành, nếu như chấp vào sắc, thanh,… là tôi, là của tôi tức đã xa lìa nhận thức chân thực của các pháp. Do đó cần có một Chánh kiến, tức là một vajra chặt đứt hết mọi vọng tưởng, chấp thủ, đó cũng chính là trí tuệ ba-la-mật.



Nếu như nói rằng, đạo Phật lấy con người làm trung tâm, lấy hạnh nguyện từ bi truyền bá Phật Pháp, đem đến niềm vui cho nhân loại, thì Bồ tát chính là một trong những người làm công việc quan trọng đó.

Tương tự như vậy, *đối với chúng sanh/ hữu tình* (sattva; 眾生; 有情), tức là bao gồm tất cả các loài có tình cảm, tâm thức, có kiến văn giác tri, ngược lại với loài vô tình (ngói sỏi, gạch đá,…); nhưng *sattva* trong Phạn ngữ, còn có nghĩa là một bản thể, sự tồn tại, cho rằng có một thực thể thường hằng chuyển sinh liên tục từ đời này sang đời khác. *Nhân tướng* tức là tin tưởng vào một cá thể độc lập, liên tục và liên tục ở các thời điểm khác nhau, có sự phân biệt giữa các cá thể với nhau. *Thọ giả tướng* (jīva) chỉ cho sự tin tưởng có một linh hồn bất tử của Kỳ-na giáo; quan niệm xem linh hồn (jīva) và thể xác là đồng nhất hoặc linh hồn và thể xác là khác nhau, hai quan điểm này điều được xem là thân kiến (sakkāyaditthi), Đức Phật thường bác bỏ luận điểm này và đưa ra con đường Trung đạo, tức là duyên sanh, cũng chính là nghĩa của tánh không [13]. Tìm hiểu về *tứ tướng* trong *Kinh Kim Cương* sẽ là một tiền đề căn bản, bởi vì nó được nhắc lại trong suốt bài kinh. Hơn nữa, tứ tướng còn mang ý nghĩa khai phóng, bởi nó sẽ là những chướng ngại mà trên con đường hành đạo Bồ tát sẽ gặp phải. Do đó, việc nhận diện và điều phục chúng là một tiến trình mà Bồ tát cần phải nỗ lực chinh phục.

Nếu như không hiểu bài pháp thực tướng bát-nhã vô ngôn của Đức Phật ở đầu bài kinh, thì thông qua lời dạy của Đức Phật, thính chúng có thể lãnh hội yếu chỉ của Bồ tát đạo. Đạo lộ mà Bồ tát đi vào thực tướng đó là sự song hành giữa lòng đại bi phát nguyện cứu độ vô số chúng sanh và rời khỏi mọi chấp thủ của các tưởng về ngã tướng. Bồ tát hành động với lòng vị tha vô ngã, lấy đối tượng là chúng sanh để thực hành việc cứu độ, nhưng không vì thế mà Bồ tát sanh khởi những tư tưởng chấp thủ về những thứ của tôi, do tôi làm ra, các thứ phụ thuộc vào tôi, tức xa lìa ngã tưởng điên đảo.

Nếu như nói rằng chúng sanh là do nhân duyên tạo thành, thì di nhiên cái gọi là chúng sanh cũng là do các yếu tố kết hợp lại với nhau, do đó không thật có chúng sanh, vậy thì Bồ tát sao lại phát nguyện cứu độ hết thảy chúng sanh? Đến đây, Kinh Kim Cương bắt đầu sử dụng ngôn ngữ biện chứng của bát-nhã. Đức Phật dạy Bồ tát phát tâm độ vô lượng chúng sanh nhằm phá đổ trung tâm gây nên những dao động bất an của thính chúng. Bởi vì các vị Bồ tát bấy giờ đang lo âu, làm sao để độ hết chúng sanh thành Phật quả. Bởi vì lo âu ấy xuất phát từ tâm chấp thủ tướng, cho rằng thật có vô lượng chúng sanh, có việc cứu độ và tự thân phải lo cứu độ, tức là còn quan niệm về ngã và ngã sở. Chính vì tâm chấp thủ ấy dấy khởi, tác động mạnh mẽ khiến sanh khởi sự dao động bất an. Sơ khởi, Bồ tát phát khởi bồ-đề tâm, mục đích là dập tắt hết mọi tham ái, sân hận và chấp thủ, nhưng nếu như Bồ tát còn vướng mắc vào tư duy ngã tính.

Do đó, Đức Phật dạy các bồ tát cần phải an trụ tâm, hàng phục tâm thông qua *tứ tướng* mà chúng ta đã phân tích ở trên. Bồ tát thấy rõ tính phi thực của ngã tướng thì xa rời chấp thủ, dao động tâm, tức là hàng phục vọng tâm, an trụ tâm. Chúng sanh với nghiệp duyên của mỗi người, do đó mà có sự sai biệt, Bồ tát chứng đắc vô ngã tướng thì mới có khả năng dẫn dắt chúng sanh đến Niết-bàn. Khi Bồ tát còn thấy chúng sanh được độ tức rơi vào các ngã tướng, vọng tưởng, Bồ tát phát tâm độ vô lượng chúng sanh mà không thấy có chúng sanh nào được độ, trong đó *độ chúng sanh* tức là hạnh *độ tha* của Bồ tát, *thấy không có chúng sanh được độ tức là sự giác tỉnh vô ngã, trí tuệ bát-nhã ba-la-mật*, cũng chính là *hạnh tự độ* của Bồ tát. Bởi vì *"hết thảy tất cả các tướng điều là phi tướng" và "hết thảy chúng sanh, tức là phi chúng sanh"*. [14]

Như vậy, có thể nói, Bồ tát đạo khi đi vào hành trình vô trụ xứ, phải cần được đặt dưới nền tảng của Chánh tri kiến, hay đó chính là trí tuệ kim cương bát-nhã-ba-la-mật tiến hành phá trừ ngã chấp. Bởi vì nếu như không được soi rọi bởi ánh sáng của chánh kiến hay trí bát-nhã, Bồ tát rất dễ rơi vào các kiến chấp, tà kiến, lệch lạc đi ý nghĩa sơ khởi phát bồ-đề tâm lúc ban đầu, càng xa rời con đường đi đến Phật quả.

Lục độ ba-la-mật và hành trình vô trụ xứ của Bồ tát

Nhận thức là một hoạt động chủ đạo của con người, do đó nhận thức đúng đắn sẽ dẫn đến hành động đúng đắn và mọi việc làm điều được thuận lợi không chướng ngại. Sau khi Bồ tát nhận thức được tính chất giả tạm của tấm thân năm uẩn và các pháp điều là không thật, Bồ tát phát bồ-đề tâm và tinh tấn thực hành các hạnh ba-la-mật làm lợi ích cho chúng sanh. Tuy nhiên, không vì thế mà Bồ tát sanh khởi sự bám víu, chấp vào những việc thiện mà mình tạo ra cho người khác. Đó chính là ý nghĩa: *"Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"*, nghĩa là: *"Bồ tát đối với pháp nên không có chỗ trụ mà làm việc bố thí, gọi là chẳng trụ nơi sắc để bố thí, chẳng trụ thanh hương vị xúc pháp để bố thí...Bồ tát nên như thế mà bố thí, chẳng trụ nơi tướng. Vì sao? Nếu Bồ tát bố thí chẳng trụ tướng thì phước đức không thể lường"*. [15]

Trong lục độ ba-la-mật mà mỗi vị Bồ tát phải thực hành, thì bố thí (布施; dāna) là hạnh đầu tiên trong sáu hạnh ba-la-mật-đa, một trong *thập tùy niệm* (anussati) và là một đức hạnh quan trọng nuôi dưỡng công đức (puṇya). Theo chiết âm Hán Việt, bố（布）= phân tán, ban phát cho khắp nơi, cho hết - *thí*（施）= giúp, cho. Bố thí được xem là phương tiện để đối trị tính tham ái, vị kỉ, biểu hiện của lòng từ bi và là phương tiện dẫn dắt chúng sinh đến giác ngộ. Thực hành bố-thí vô trụ, tức là không khởi lên tâm chấp ngã, chấp pháp, nghĩa là bố thí mà không khởi lên tư tưởng "tôi" và "của tôi" là có thật. Người đời bố thí mong cầu quả báo về hình tướng, Bồ tát đã thực hành đến tam luân (người thí, người nhận, vật thí) đều trống rỗng (không tịch), không còn sự vướng mắc nơi hình tướng, vượt *ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả tướng*. Như trong *Kinh Đại bát-nhã*: *"Các đại Bồ tát nên lấy vô trụ làm phương tiện, để an trụ bát-nhã-ba-la-mật-đa; vì sở trụ, năng trụ đều không thể nắm bắt được. Các đại Bồ tát nên lấy vô xả làm phương tiện, để hoàn thành bố thí ba-la-mật-đa; vì người cho, kẻ nhận và vật cho, đều không thể nắm bắt được"* [16]. Bố thí đúng nghĩa, tức là rời mọi chấp thủ, khi đó Bồ tát thành tựu mục têu tự giác và giác tha, đạt được vô lượng công đức cao quý.

Có ba loại bố-thí: tài thí, pháp thí và vô úy thí. Tài thí, tức là sự san sẻ tất cả của cải vật chất, tiền tài, cho đến vợ con, thân thể, tay chân, như trong các câu chuyện Jataka về tiền thân của Đức Phật, khi ngài còn là một vị Bồ tát. Với lý tưởng phụng sự

nhân sinh, đem ánh sáng chân lý vào đời, vị Bồ tát không xa lánh, bỏ rơi cuộc đời, mà ngược lại, vận dụng hết mọi phương tiện về vật chất tài lực cùng với trí lực, góp phần xây dựng phát triển xã hội, đó mới là ý nghĩa chân chính mà Bồ tát đạo hướng đến, dung thông cả chơn đế và tục đế. Pháp thí, tức là sự chia sẻ giáo pháp hoàn hảo ở đoạn đầu và đoạn cuối, giáo pháp tức chỉ cho kho tàng trí tuệ của Đức Phật, là phương pháp để cắt đứt mọi vô minh phiền não. Vô úy thí, tức là ban cho chúng sanh sự không sợ hãi, thực hành theo đúng với chánh pháp sẽ khiến an trụ tâm, do đó tâm sẽ không còn dao động bất an. Đối với những vị xuất gia, thì dễ thực hành pháp thí và vô úy thí, ngược lại, đối với những vị cư sĩ tại gia thì tài thí là một thế mạnh và thường được Đức Phật khen ngợi sự bố thí trong sạch của các vị thanh tín cư sĩ. Tuy nhiên, sự phân định này cũng chỉ mang tính tương đối, bởi vì Bồ tát biểu hiện qua nhiều hình tướng, phương tiện thiện xảo khác nhau, do đó cư sĩ Bồ tát cũng có khả năng hoằng pháp, biện tài vô ngại, điển hình như ngài Duy-ma-cật.

Kinh Kim Cương tuy không liệt kê đầy đủ sáu hạnh ba-la-mật, mà ta chỉ thấy kinh văn đề cập xoay quanh *trí tuệ* và *bố thí ba-la-mật*. Tuy nhiên, chúng ta nhận thấy rằng, nếu như Bồ tát thực hành bố thí đồng thời cũng thực hành các pháp ba-la-mật còn lại. Khi thực hành bố thí, Bồ tát phát xuất từ nhận thức chân chính, muốn đem lại an vui lợi ích cho mình và cho người, động cơ thúc đẩy hành động tạo thành một sức mạnh nuôi dưỡng tâm bồ-đề giúp cho Bồ tát tinh tấn nỗ lực thực hành các chí nguyện cao cả, tức là tinh tấn ba-la-mật. Đức Phật dạy rằng, người phá giới sẽ khiến tài sản bị tiêu hao và danh tiếng của bản thân bị tổn giảm,… Do đó, Bồ tát muốn có được tài sản chân chánh, được thuận lợi đồng hành cùng mọi người, bắt buộc vị ấy phải là người trì giới, một vị mẫu mực, mô phạm, đó chính là trì giới ba-la-mật. Trong khi bố thí, Bồ tát không thấy có tôi và cái của tôi tạo ra, chấp nhận và chuyển hóa những điều bất như ý xảy ra từ những người khác mà tiếp tục chí nguyện cao thượng, đó chính là nhẫn nhục ba-la-mật. Vị ấy khi thực hành các hạnh Bồ tát một cách tinh tấn, xây dựng kiến thiết một xã hội thực tế, hòa bình, an lạc, bên cạnh đó Bồ tát không quên phần "tự độ", tức là làm bất cứ thiện pháp nào điều đặt dưới nền tảng của vô ngã, vô sở trụ, quán sát các pháp như đúng bản chất của nó mà không sanh khởi những vọng niệm: *"Tất cả các pháp hữu vi như giấc mộng, huyễn, bọt nước, ảo ảnh, như sương cũng như điện chớp, cần phải thường tác ý quán sát như vậy"* [17], tức là hành thiền định ba-la-mật. Mục đích cứu cánh của Bồ tát là sự đạt đến trí tuệ viên mãn, đó chính là trí tuệ bát-nhã, là kết quả của sự thực hành các công hạnh trước đó, đó chính là kim cương báu, cắt đứt những chấp thủ, khái niệm bám víu, Bồ tát thành tựu tất cả các độ, nhưng không thấy mình có sự chứng đắc, cho đến Tứ quả, cả Phật quả, đó mới thực sự là Bồ tát vô sở trụ, vượt lên tất cả các ý niệm về pháp (pháp tưởng, dharmasaṃjñā), *"bởi vì cái gọi là ý niệm về pháp được dạy bởi Như lai, thì không phải ý niệm, nó chỉ là cái gọi là ý niệm về pháp mà thôi, do đó được gọi là ý niệm về pháp"* [18], siêu việt cả pháp và phi pháp; [19] đến đây Bồ tát không còn sự chấp ngã, chấp pháp và đạt đến trạng thái tâm an trụ trong vô trụ xứ. Tức là thành tựu tự độ và độ tha, đạt đến trí tuệ ba-la-mật, mà tất cả sơ khởi từ việc bố thí vô chấp.

BỒ TÁT – NGƯỜI GIEO HẠT MẦM XUÂN VÀO CUỘC ĐỜI

Lý tưởng Bồ tát, tinh thần nhập thế hành Bồ tát đạo chính là một trong những chủ đề xuyên suốt và quan trọng nhất trong suốt quá trình hình thành phát triển của Phật giáo. Tìm hiểu về hạnh nguyện của một vị Bồ tát đi vào đời cứu khổ độ sinh, thực hành tự độ và độ tha là một việc làm hết sức ý nghĩa và thiết thực. Nếu như nói rằng, đạo Phật lấy con người làm trung tâm, lấy hạnh nguyện từ bi truyền bá Phật Pháp, đem đến niềm vui cho nhân loại, thì Bồ tát chính là một trong những người làm công việc quan trọng đó. Kinh Kim Cương đã mở ra một khung trời bao la, vô tận của trí tuệ bát-nhã, một thứ ngôn ngữ ly niệm. Xuyên suốt nội dung chủ đạo của kinh, đó là sự khai phóng cá nhân ra khỏi tù ngục của mọi ảo tưởng về ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả tướng; tức là giải phóng tư tưởng con người trần tục thoát ly những ảo tưởng vấy bẩn sự an tĩnh, vắng lặng của tâm và đưa tâm trở về với trạng thái an tịnh, rỗng rang mà sáng suốt vô ngại.

Kinh Kim Cương hoạch định một lộ trình tu tập theo lý tưởng của một vị Bồ tát vô sở trụ, theo đó lục độ ba-la-mật được ngầm ẩn định trong kinh, đó cũng là đạo lộ mà mỗi Bồ tát phải trải qua. Tu tập chuyển hóa nội tâm và thực hành các công hạnh cứu độ tha nhân (tự độ và độ tha), không đồng nghĩa với việc Bồ tát lấy đó làm tự mãn, chấp trước, hay kiêu

ngạo về những gì mình đã tạo dựng. Hành trình vô trụ xứ hay đạt đến Niết-bàn vô ngã siêu việt giữa có và không, thoát ra khỏi mọi ảo tưởng về ngã chấp và pháp chấp.

Bồ tát khi đi vào thực hành trí tuệ bát-nhã, quán sát các pháp như thật tướng của nó mà không sanh khởi vọng tâm. Trí tuệ quán chiếu về ngũ uẩn là vô thường, duyên sanh, vô ngã, do đó phá trừ ngã chấp (tứ tướng). Tiến lên một bậc, Bồ tát nhìn sâu vào bản chất của các pháp phương tiện, bởi vì pháp được xem như là một chiếc bè dùng để qua sông, qua rồi thì để lại bờ, không có sự chấp thủ cả pháp học cho đến sự thành tựu của việc học pháp (pháp thành). Chân lý chỉ có một, nhưng đường đến đó có thể nhìn nhận và phán xét khác nhau, do đó không nên có chấp vào các kiến giải cá nhân, mà phát sanh những tư tưởng cống cao, ngã mạn, tự làm chướng ngại cho mình. Trong đời sống thường nhật, vị Bồ tát thực hành lục độ vạn hạnh, bốn nhiếp sự chính là phương tiện để Bồ tát gần gũi và khuyến dạy tha nhân. Trí tuệ vô ngã, luôn luôn khiêm hạ mình và tôn trọng người khác, bởi lẽ mọi người điều là Phật trong tương lai. Do đó, Bồ tát không có thái độ khinh thường, kiêu căng, xem mình hơn người, như thế mới thực là Bồ tát vì lợi ích cho nhân quần xã hội.



Bằng những hành động thực tế cùng với lý tưởng giải thoát cao thượng, Bồ tát đi vào hành trình vô trụ xứ, bắt tay vào xây dựng một tịnh độ, một cõi Phật cõi xuân bất tận giữa nhân gian, tinh cần ngày đêm gieo những hạt mầm xuân (trí tuệ, từ bi, vô ngã, vị tha,…) vào mảnh đất tâm của chúng sanh.

Bồ tát đi vào đời, dùng phương tiện thiện xảo mà hóa độ chúng sanh, do đó, sự nỗ lực xây dựng một môi trường sống lành mạnh là một điều thiết thực và cần thiết. Phật giáo không bi quan, yếm thế, trái lại dùng trí tuệ để kiến thiết cõi tịnh độ nhân gian. Ngoài việc thực hành các công tác an sinh phúc lợi xã hội, Bồ tát còn phải vận dụng trí tuệ để truyền bá chánh pháp, khiến cho mọi người điều được an vui, giải thoát. Với tấm lòng từ bi và trí tuệ cao cả, Bồ tát mở rộng tứ vô lượng tâm hướng về tất cả sanh chúng; thực hành nuôi dưỡng, bảo ban và sách tấn chúng sanh trên con đường tu tập. Với tâm từ bi rộng lớn, Bồ tát không làm thương tổn đến tất cả sanh loại, trái lại, dùng mọi phương tiện thực hành sự phòng hộ, bảo vệ và phát triển môi sinh, góp phần thiết thực vào công cuộc cách mạng xanh của trái đất. Bởi vì môi trường sống được trong lành, cây cối, sông ngòi trong sạch thì các loài sinh vật mới có thể sinh sống và phát triển một cách an bình, con người được khỏe mạnh và có môi trường trong sạch thuận lợi cho việc thực hành thiền quán, phát triển thiền định.

KẾT LUẬN

Hạnh nguyện Bồ tát theo tinh thần Kinh Kim Cương tức là con đường lý tưởng, là đạo lộ mà mỗi *"chúng hữu tình hướng đến sự Giác ngộ"* (Bồ tát) phải đi qua để đến với Phật quả. Tự độ và độ tha chính là hai phương diện không thể tách rời của Bồ tát. Bằng sự rung cảm của trái tim từ bi trước nỗi khổ của tha nhân, Bồ tát tự phát nguyện tự cứu độ mình và cứu độ cho muôn loài vượt qua khổ cảnh. Bằng những hành động thực tế cùng với lý tưởng giải thoát cao thượng, Bồ tát đi vào hành trình vô trụ xứ, bắt tay vào xây dựng một tịnh độ, một cõi Phật cõi xuân bất tận giữa nhân gian, tinh cần ngày đêm gieo những hạt mầm xuân (trí tuệ, từ bi, vô ngã, vị tha,…) vào mảnh đất tâm của chúng sanh./.

Chú thích:

[1] *Vajra, Vajrā*: 48 definitions, nguồn: https://www.wisdomlib.org/definition/vajra, truy cập 09/11/2022
[2]《金剛般若波羅蜜經》(CBETA 2022.Q4, T08, no. 235, p. 748c26-29)
[3] Bản dịch của ngài Huyền Trang
[4] Bản dịch của ngài Huyền Trang
[5] Kathaṃ bhagavan bodhisattvayānasaṃprasthitena sthātavyam | kathaṃ pratipattavyam | kathaṃ cittaṃ pratigṛhītavyam |
[6] Mahāprajñāpāramitāśāstra, nguồn: https://www.wisdomlib.org/buddhism/book/maha-prajnaparamita-sastra/d/doc82327.html
[7] Bodhisattvayānasaṃprasthitena sthātavyam | yathā pratipattavyam | yathā cittaṃ pratigṛhītavyam |
[8]《金剛般若波羅蜜經》：(CBETA 2022.Q4, T08, no. 235, p. 749a5-10)
[9]《金剛般若波羅蜜經》：(CBETA 2022.Q4, T08, no. 235, p. 749a10-11)
[10]《大般若波羅蜜多經》: (CBETA 2022.Q4, T07, no. 220, p. 980b8-13)
[11]《大乘入楞伽經》: (CBETA 2022.Q4, T16, no. 672, p. 620b6-11)
[12]《雜阿含經》: (CBETA 2022.Q4, T02, no. 99, p. 87c26-29)
[13] Xem thêm S,XII,35
[14]《金剛般若波羅蜜經》：(CBETA 2022.Q4, T08, no. 235, p. 750b24-27)
[15]《金剛般若波羅蜜經》：(CBETA 2022.Q4, T08, no. 235, p. 749a12-16)
[16]《大般若波羅蜜多經》: (CBETA 2022.Q4, T05, no. 220, p. 11c15-19)
[17]《金剛般若波羅蜜經》：(CBETA 2022.Q4, T08, no. 235, p. 752b28-29)
[18]《金剛般若波羅蜜經》：(CBETA 2022.Q4, T08, no. 235, p. 752b22-23)
[19]《金剛般若波羅蜜經》：(CBETA 2022.Q4, T08, no. 235, p. 749b10-11)

Tài liệu tham khảo:

1. Majjhimanikāya, *Kinh Trung Bộ*, Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2020
2. Saṃyuttanikāya, *Kinh Tương Ưng Bộ*, Thích Minh Châu dịch, Nxb. Hồng Đức, 2021
3. *Kinh Tạp A-hàm* I,II,III, Tiểu Tạng Kinh, Việt dịch Thích Đức Thắng, Hiệu chỉnh & chú thích Tuệ Sỹ, Nxb. Hồng Đức, Hương Tích, 2019
4. *Kim Cương gươm báu cắt đứt phiền não*, Thích Nhất Hạnh, Nxb. Thời Đại, 2011
5. *Kinh Kim Cương Phạn – Việt*, Lê Tự Hỷ dịch và chú, Nxb. Hồng Đức, 2020
6. *Ấn Thuận, Lịch Sử Tư Tưởng Phật Giáo Ấn Độ*, Thích Hạnh Bình & Thích Huệ Hải dịch Việt, Nxb. Hồng Đức, 2021
7. Kimura Taiken, *Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận*, Thích Quảng Độ dịch, Nxb. Hồng Đức, 2021
8. Kimura Taiken, *Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận*, Thích Quảng Độ dịch, Nxb. Hồng Đức, 2021
9. Kimura Taiken, *Nguyên thủy Phật giáo tư tưởng luận*, Thích Quảng Độ dịch, Nxb. Hồng Đức, 2021
10. Kimura Taiken, *Tiểu thừa Phật giáo tư tưởng luận*, Thích Quảng Độ dịch, Nxb. Hồng Đức, 2021
11. Nalinaksha Dutt, *Đại thừa và sự liên hệ với Tiểu Thừa*, HT Thích Minh Châu dịch,Nxb. Tôn giáo, 2015
12. Śāntideva, *Bồ tát hạnh* (Bodhicaryāvatāra), Thích Trí Siêu dịch, Nxb. Phương Đông, 2008
13. *Tư tưởng Kinh Kim Cương và Bát-nhã*, HT Thích Chơn Thiện, Nxb. Phương Đông, 2012
14. CBETA, https://cbetaonline.dila.edu
15. *Vajracchedikā Prajñāpāramitā*, https://www2.hf.uio.no/polyglotta/index.php?page=fulltext&view=fulltext&vid=1176
16. *Kinh Kim Cang*, HT Thích Thanh Từ dịch và chú giải, nguồn: thuvienpdf.com/kinh-kim-cang.

MÙA XUÂN VÀ ĐIỆU KỲ DIỆU TỪ



TRÁI TIM BIẾT ƠN

Thông Bảo

Tích tắc một năm với bao nhiêu biến cố và thăng trầm thênh thang trong tâm khảm mỗi người đã qua đi. Ngoài kia, hoa mai, hoa đào hé nở đón nắng ấm, tất cả người con đất Việt cũng vừa đón mùa xuân về trên đất mẹ. Nhân dịp này, hãy một lần quay đầu nhìn lại để bày tỏ lòng biết ơn, biết ơn ông bà, cha mẹ, biết ơn những người đã giúp đỡ mình, biết những khó khăn nghịch cảnh đã giúp ta hoàn thiện… và biết ơn nhiều hơn nữa. Bởi cái mới sẽ không thể tiếp tục sinh ra nếu nó không liên kết với cái cũ, sẽ không có một tương lai tươi đẹp nếu không có quá khứ huy hoàng, sẽ không có đất nước hòa bình nếu không được các bậc cha ông gầy dựng. Vì vậy, thay vì chúng ta hướng ra bên ngoài để thỏa mãn thú vui, thì nay hãy ngẫm về lòng biết ơn, bởi chính từ trái tim biết ơn sẽ mở ra cho chúng ta những cánh cửa kỳ diệu để sống một đời có ý nghĩa.

Lòng biết ơn được hiểu là tình cảm biết trân trọng, ghi nhớ công ơn của người khác dành cho mình, giúp đỡ mình vượt qua cơn hoạn nạn, khó khăn. Chính lòng biết ơn đã trở thành chuẩn mực nền tảng của đạo đức con người, thể hiện lối sống văn hóa, tình nghĩa, đoàn kết, gắn bó của dân tộc, con người Việt Nam từ bao đời nay. Từ đó, làm cho các mối quan hệ xã hội trở nên hiền hòa, ngày càng khăng khít, tốt đẹp hơn.

Chúng ta chỉ thể hiện lòng biết ơn khi có một ai đó cho mình thứ mình cần, đa số thuộc về vật chất mà chúng ta thường bỏ qua sự biết ơn về giá trị tinh thần, hay những khía cạnh đơn giản nhưng có giá trị sâu sắc trong cuộc sống. Hãy thử ngẫm lại, trong năm qua, ta đã nghĩ về tình thương cha mẹ bao nhiêu lần, bao nhiêu lần ta bày tỏ lời cảm ơn đến các cô chú đang ngày đêm đội nắng dầm sương để chống dịch. Chúng ta có bao giờ nghĩ lại tại sao cuộc sống vẫn yên bình, trong khi ngoài kia còn nhiều người kém may mắn hơn mình? Cứ như thế, chúng ta bỏ qua những điều giản đơn nhưng đầy mầu nhiệm ấy, rồi chẳng bao lâu nữa, chẳng mấy ai nhìn thấy sự kỳ diệu của trái tim biết ơn, nhân loại sẽ sống trong sự khô cằn của trái tim vô cảm.

> Chính lòng biết ơn đã trở thành chuẩn mực nền tảng của đạo đức con người Việt Nam từ bao đời nay.

BIẾT ƠN TỔ TIÊN

Đất nước hòa bình, cuộc sống bình yên ngày hôm nay đánh đổi bằng biết bao xương máu của ông cha ta. Vì vậy, trong từng tế bào của ta không chỉ là tiếp nối từ cha, mẹ mà còn là phần tiếp nối tâm thức, sứ mạng, tinh anh của Tổ tiên ngàn đời. Cho nên, Tết không chỉ là niềm vui đối với những thú vui bên ngoài, mà ẩn sâu bên trong là thời gian để chúng ta hướng về nguồn cội, về nơi chôn rau cắt rốn. Bởi người xưa đã dạy:

"Cây có cội mới đâm chồi nảy lộc
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu".

Trong tâm thức người Việt, Tết dù ở xa đến mấy cũng phải trở về nơi chôn nhau cắt rốn, trở về báo đền công ơn của ông bà tổ tiên. Tục lệ "chạp mả" hay tảo mộ là một trong trong những tục lệ không thể thiếu của hàng hậu bối trong dịp Tết Nguyên đán của người Việt. Đây là dịp con cháu từ khắp nơi tập trung về thể hiện lòng thành kính với tổ tiên bằng hành động nhỏ cỏ, làm sạch và sửa sang lại mồ mả của các vị trong gia tộc. Thông qua phong tục này nhằm gắn kết con cháu trong gia đình, họ hàng và quê hương bản quán, giáo dục truyền thống cho con cháu trong dòng tộc nhớ về nguồn cội, ông bà, tổ tiên. Nhờ vậy mà bồi đắp cho tình cảm sâu nặng, thấy Tết càng thêm nhiều ý nghĩa. Dù ngàn xưa hay đến tận ngàn sau, chính đạo hiếu ấy sẽ là thước đo về "tính dân tộc" trong mỗi người con đất Việt.

Tết là dịp để gia đình sum họp và báo cáo với ông bà tổ tiên về công việc trong suốt một năm qua nên sau "chạp mã", các gia đình Việt dù bận rộn cách mấy, cũng lo cho gian thờ tổ tiên tươm tất để thỉnh chư vị về đón xuân cùng con cháu. Đêm giao thừa, nhìn lên bàn thờ tổ tiên, phảng phất trầm hương quyện tỏa trong không gian ấm cúng, con

cháu gửi những lời ước mong chân thành, mong một năm mới bình an, lắng đọng giữa thế sự nhiễu nhương này. Cho nên ngày đầu năm, chắp tay khấn nguyện trước gian thờ trang nghiêm, ta như cảm được nguồn năng lượng tâm linh từ tổ tiên nhiều đời, như cơn mưa tưới lên mảnh đất khô cằn. Tuy mơ hồ nhưng nó gửi gắm cho hàng hậu bối động lực để bước tiếp qua những giông tố của cuộc đời. Như lời thơ:

"... Tâm linh một thoáng bừng giao cảm,
lặng hết bao nhiêu lớp sóng cồn" [1].

Nhờ ý thức được tầm quan trọng của sứ mạng tổ tiên trao truyền, mà mỗi hành động, lời nói, ý nghĩ của ta đều hướng đến nhân loại, không làm khổ mình, khổ người. Chúng ta hôm nay cũng sẽ là một phần gốc rễ của con cháu tiếp nối mãi về tương lai. Đó chính là sự diệu kỳ khi mỗi con người đều ý thức được việc biết ơn tổ tiên mỗi khi xuân về.

Mỗi người con trong gia đình, nếu hằng năm được ông bà, cha mẹ dạy bảo về lòng biết ơn nguồn cội của mình, đây chính là nguồn mạch để phát triển văn hóa dân tộc, là chất liệu nuôi dưỡng tâm thức con người trong mỗi dịp năm mới tết đến. Bởi lớp bụi mờ của thời gian có thể làm con người lãng quên đi những phong tục tập quán đẹp, nhưng chính sự biết ơn này sẽ nuôi dưỡng sức mạnh tâm thức dân tộc và có giá trị cốt lõi làm nên tinh hoa văn hoá Việt.

BIẾT ƠN NHỮNG NGƯỜI ĐÃ GIÚP ĐỠ MÌNH TRONG NĂM QUA

Trong hành trình của năm qua, chúng ta đã sống trong sức mạnh của sự đoàn kết, quan tâm, giúp đỡ của tình yêu thương và lòng nhân ái từ lãnh đạo Chính phủ, từ các lực lượng quân đội, công an, ngành y tế, các ngành nghề khác nhau trong xã hội, và sự đồng hành của hàng chục triệu trái tim người Việt khắp mọi miền của Tổ quốc, trong và ngoài nước.

Cảm ơn cha, mẹ đã luôn bên cạnh khi những đứa con khờ dại, khó khăn và vất vả nhất. Khi còn bé, từng bữa ăn, giấc ngủ, ta đều được cha mẹ quan tâm, nhắc nhở, chúng ta thường cho đó là điều hiển nhiên và ta trở nên thờ ơ với cha mẹ, cáu gắt với những lời quan tâm, quay mặt với sự nhắc nhở. Lớn lên rồi mới biết, ra đời sống và làm việc mới thấy cuộc đời khắc nghiệt đến nhường nào, ta mới nhận ra: chỉ có cha mẹ là người yêu thương ta vô điều kiện. Không ai nhịn đói cho ta no, không ai chịu bất hạnh cho ta hạnh phúc, ngoài hai người họ. Cha, mẹ là những người luôn cho ta những thứ tốt đẹp nhất mà không bao giờ cần chúng ta đền đáp. Vì vậy, hãy cảm thấy mình còn may mắn và hạnh phúc khi còn cha, mẹ cùng đồng hành bên mình và dịp Tết về, đừng quên nói một lời cảm ơn đến họ.

Ngoài tình thương yêu từ gia đình, cuộc sống của ta được ghép lên từ những mảnh ghép của tình bạn, của tình thầy trò gắn bó, tình đồng nghiệp, tình làng, nghĩa xóm,... đã quan tâm và giúp đỡ để ta có một cuộc sống trọn vẹn. Không ai trong cuộc đời có thể vượt qua tất cả mọi thứ mà không nhờ sự động viên, sự giúp đỡ từ người khác. Hãy cảm ơn họ đã không bỏ mình trong lúc tuyệt vọng. Trong đại dịch COVID-19 vừa qua mới thấy, tình tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam thắm thiết đến nhường nào. Có những con người dẫu không ruột thịt, thậm chí còn không quen biết vẫn yêu thương, giúp đỡ ta, chăm lo từng suất ăn cho những người mắc kẹt vì dịch, góp phần làm nên một cuộc sống văn minh và nồng ấm tình người. Hoặc có những người thầy, người bạn đã cùng sát cánh bên cạnh giúp đỡ mình, lôi mình ra khỏi vũng lầy của tội lỗi, hướng mình đến tương lai tươi sáng. Hay những người không may xảy ra tai nạn trên đường, được người khác cứu giúp kịp thời... và nhiều sự giúp đỡ mầu nhiệm trong cuộc sống đời thường này hơn nữa... Hãy một lần ngẫm lại để thấu hiểu nếu không có họ tận tâm tận lực giúp đỡ thì ta có vượt qua khó khăn, thành công như hôm nay không.

Còn nhiều lời cảm ơn đến những người đã và đang hy sinh thầm lặng, ngày đêm miệt mài lao động để đem lại cuộc sống yên bình, ấm no trên mảnh đất quê hương. Hãy thầm biết ơn họ bằng chính trái tim của mình, bởi khi chúng ta sống giữa một xã hội biết ơn, chính sự biết ơn đó sẽ là sự diệu kỳ gia tăng sự gắn kết giữa mọi người với nhau.





BIẾT ƠN VẠN VẬT

Con người từ khi sinh ra cho đến khi nhắm mắt lìa đời luôn có sự đồng hành, che chở của thiên nhiên. Bởi sự sống của loài người đều được duy trì bằng những thứ dinh dưỡng đến từ thiên nhiên, cho nên thiên nhiên như người mẹ chở che và bao dung chúng ta. Nhưng con người mấy ai hiểu được ý nghĩa cao quý đó. Vì vậy, nhân dịp xuân về, hãy cùng lấy hoa mai làm ví dụ điển hình để thấy thiên nhiên đã ban tặng cho con người những gì?

Ai cũng biết rằng hoa mai là loài hoa tượng trưng rõ nét và đầy đủ nhất cho cái đẹp và ý nghĩa của mùa xuân. Nhưng mấy ai biết sự kiêu dũng của nó giữa cái lạnh buốt của trời đông, để kịp đến mùa xuân nở từng chùm hoa, tỏa mùi hương dịu dặt, phải trải qua một khoảng thời gian khắc nghiệt đến nhường nào. Thiền sư Hoàng Bá - Hy Vận [2] có bài thơ như sau:

"Trần lao quýnh thoát sự phi thường
Hệ bã thằng đầu tổ nhất trường
Bất thị nhất phiên hàn triệt cốt
Tranh đắc hoa mai phốc tỷ hương".

Dịch:

"Vượt cõi trần lao việc chẳng thường
Đầu dây nắm chặt giữ lập trường
Chẳng phải một phen xương lạnh buốt
Hoa mai đâu dễ ngát mùi hương".

Để đổi lấy một cánh mai vàng tươm trong sắc xuân, chúng đã trải qua một mùa giá rét, chịu đựng cái lạnh buốt thấu xương qua mưa bão của mùa đông dài dặc đen tối. Sau đó, những cành mai lại đua nhau nở rộ để làm đẹp cho cuộc đời, khoe sắc diễm kiều phô diễn hết vẻ đẹp của màu hoa trong ngày tết. Những chùm hoa vàng tinh khiết, mầu nhiệm kia như được tích tụ từ nỗi giá lạnh, giông bão vùi dập mà không hề nao núng; để mở sáng một mùa xuân ấm áp, hạnh phúc cho muôn loài. Nếu cây mai không chống chọi được một mùa đông giá lạnh thì làm sao kết được những cánh hoa mới lạ tinh anh kia. Sự nhiệm mầu vô tận mà thiên nhiên đã lặng thầm ban tặng cho con người là thế đó. Nếu hiểu được như vậy, chúng ta sẽ càng trân quý muôn hoa cây cỏ biết bao nhiêu.

Chỉ một ví dụ về hoa mai thôi, cũng đã thấy sự kiên trì của nó như vậy, huống hồ cả thiên nhiên này đều đang ra sức để bảo vệ chở che cho con người chúng ta. Sau một năm trải qua nhiều thăng trầm dâu bể, đôi lúc chúng ta quên đi dù mình có đối xử với thiên nhiên như thế nào đi chăng nữa, mẹ thiên nhiên vẫn luôn ở đó để làm đẹp cho cuộc

đời của mình. Một năm đã vội vã rồi, mỗi người hãy dành cho nhau những ngày xuân về để tập sống chậm lại, chậm lại để lắng nghe từng hơi thở của mình được ban tặng bởi khí trời, chậm lại để nghe tiếng chân đang bước trên mảnh đất quê hương, chậm lại để thầm cảm ơn sự kỳ diệu của muôn vật.

BIẾT ƠN NGHỊCH CẢNH

Khi nói đến mùa xuân là nói đến sự tươi đẹp, an lành. Thế nhân thường mượn mùa xuân để nói đến cuộc sống tươi vui đầy sức sống vươn lên. Nhưng không phải lúc nào mọi việc đều xảy ra một cách thuận lợi như chúng ta hằng mong đợi, mà luôn đầy sự thử thách với những trái ý nghịch cảnh. Có thể thấy được, chúng ta ngày nay đang sống trong một thế giới có quá nhiều biến động, chiến tranh, dịch bệnh, cháy rừng, biến đổi thời tiết,… xảy ra triền miên. Lòng người không khỏi xốn xang trước bao cảnh thương tâm. Nhưng tại sao ta lại phải biết ơn nghịch cảnh?

Bản chất của cuộc đời luôn xoay chuyển theo quy luật biến đổi, giông bão cũng có ngày lặng yên, sau cơn mưa trời sẽ lại sáng. Người chưa trải qua một lần thăng trầm sẽ không thể thấu được ý nghĩa của cuộc đời. Cũng vậy, nghịch cảnh không chỉ khiến cho nhân loại bị ảnh hưởng về kinh tế, sức khỏe, mà còn giúp cho con người mở ra những điều kỳ diệu mà bấy lâu nay đã đi vào quên lãng. Ví dụ, qua nỗ lực chúng tay chống đại dịch và phục hồi, phát triển kinh tế mà sự gắn kết của con người với nhau thắm thiết hơn. Chúng ta quý trọng từng hơi thở, tình thân trong gia đình, bỏ qua mọi hơn thua, ganh tỵ, sống chan hòa với mọi người.

Chính nghịch cảnh sẽ là bước đệm cho chúng ta thay đổi. Cũng như khi cơn lũ đi qua sẽ để lại phù sa nuôi cây cối xanh tốt và phát triển. Đức Phật trước khi giác ngộ cũng phải trải qua sáu năm thực hành khổ hạnh, suýt nữa phải đánh đổi mạng sống của mình, nhưng nhờ vậy mà Ngài mới tìm ra được con đường đạt đến đạo quả giác ngộ trên thế gian, lưu truyền ngàn đời. Vì vậy, khi gặp những điều làm trái ý nghịch lòng, chúng ta hãy biến đau thương thành động lực để có những suy nghĩ tích cực, chính sự cùng cực của khổ đau, sự ngăn cản bởi chướng duyên đôi khi cũng giúp cho chính mình nâng cao giá trị.

Khi được tôi luyện giữa phong ba bão tố, trải qua nhiều nhọc nhằn hay môi trường khắc nghiệt thì như một viên ngọc lấp lánh, nhờ được mài dũa chăm chút mà tỏa sáng. Vì vậy, ngay lúc này, hãy thay đổi suy nghĩ tích cực hơn, hãy xem nghịch cảnh như là động lực chinh phục và bước gần hơn đến mục tiêu của mình.



SỐNG ĐỜI AN NHIÊN

Thời gian trôi qua, mọi thứ đều vô thường biến đổi, chỉ còn lại niềm vui khi nhìn lại một chặng đường đã qua, ta đã bỏ đi những tánh bất thiện và học thêm nhiều bài học để yêu người, yêu đời. Hãy để:

"Tháng năm thênh thang còn lại
Vẫn tươi một cành hoa mai". [3]

Nhìn vào thế sự ngổn ngang, ta cảm thấy thế giới chỉ biến động khi tâm con người biến động. Chúng ta thường buồn khi đông đến và hân hoan khi xuân về. Bởi thường bám chặt vào những suy nghĩ giới hạn, cho nên tự ràng buộc mình vào những quy luật cứng nhắc mà đưa đến biết bao hệ lụy. Không biết rằng tất cả con người và sự vật trên thế gian này đều bị chi phối bởi quy luật vô thường. Thiền sư Mãn Giác có thơ rằng:

"Xuân đi trăm hoa rụng,
Xuân đến trăm hoa nở,
Trước mắt việc đi mãi,
Trên đầu già đến rồi…".

Cái nhìn về sự vô thường của Thiền sư vô cùng sâu sắc. Vì thế sự đổi thay, nếu chúng ta không giác ngộ ra điều đó, thì ta sẽ vì sự biến hoại đó mà khổ. Con người tự mình đẩy chính mình vào những nỗi bất an, là nguyên nhân chính đưa đến các xung đột. Vì vậy, dù trước một mùa đông giá lạnh hay một mùa xuân ấm áp cũng nằm trong dòng sanh diệt, ta vẫn an nhiên thưởng thức vẻ đẹp của riêng chúng, chớ có bận lòng mà sanh tâm luyến ái. Cho nên, Ngài căn dặn:

"Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua, sân trước một nhành mai".

Các vị Thiền sư sống an lạc, tự tại giữa cuộc đời đầy dẫy biến động là như thế. Các Ngài không phải là những người vô cảm với cảnh quan thiên nhiên như đất đá mà người đời sau đã gán ghép. Dù vẫn cảm nhận sâu sắc và thưởng thức cảnh đẹp, nhưng khác với hạng phàm phu, các Ngài biết mùa xuân đến mùa xuân lại đi, mùa xuân đi mùa xuân lại về, nên vẫn giữ nội tâm thanh tịnh, an lạc không có sự quyến luyến mà khổ đau. Đây chính là tinh thần *"Tùy duyên bất biến, bất biến mà tùy duyên".*

Chúng ta bởi chưa thấu rõ sự vận hành của vũ trụ nhân sinh cho nên vẫn lo âu và tiếc nuối khi mùa xuân đến. Bởi như vậy nên dù đang trong mùa xuân ta vẫn sống trong sợ lo sợ, khổ đau. Khi thấy được lẽ thật cuộc đời, chúng ta sẽ không còn bận rộn trong hình tướng giả dối ấy nữa. Lòng không hồi tưởng về quá khứ, không mơ mộng đến tương lai, ta không cần làm một điều gì quá lớn lao, quá to tác chỉ cần có mặt, đem năng lượng yên bình hiến tặng cho người thương thì đó chính là mùa xuân miên viễn. Do đó, nhìn lại một năm qua, những hạt giống xấu nào đã sinh ra thì ta cần loại bỏ, những hạt giống lành thì cần tưới tẩm nuôi lớn.

Qua một năm, ai cũng trải qua biết bao nỗi vui buồn, vinh nhục, khen chê. Hãy gói ghém lại như một phần kinh nghiệm trong đời sống. Để chuẩn bị cho hành trình một năm mới, ta hãy cần chế tác hạnh phúc bằng cách học hạnh Đức Phật Di Lặc, một vị Phật đến với thế gian bằng nụ cười hoan hỷ, vui vẻ, tha thứ và bao dung. Hãy làm cho mỗi người khi gặp nhau với nụ cười rạng rỡ như ánh dương chứ không mang dáng dấp của những lo lắng, ồn ào. Hãy cùng nhau chế tác hạnh phúc, cùng giúp nhau vượt qua giông bão, ngày càng đầy ắp tiếng cười, cả những con người đang bị khổ đau đang còn trong góc khuất của mùa xuân.

Nếu mùa xuân là cái gì tươi đẹp nhất thì đó phải là vẻ đẹp từ sự biết ơn trong tâm hồn của mỗi người. Hãy cùng mở ra điều kỳ diệu của mùa xuân bằng cách sống biết ơn, sẵn sàng xóa bỏ những tị hiềm, xích mích, mà độ lượng, trân trọng với tất cả, mở lòng mình để cảm thông, chia sẻ, làm lợi lạc cho mọi người, mọi vật. Đây mới chính là ý nghĩa kỳ diệu cao quý nhất mà trái tim biết ơn đem lại trong mùa xuân.

Chú thích:

[1] Thơ Thiền sư Thích Nhất Hạnh.

[2] *Ngài Hoàng Bá là đệ tử của ngài Bá Trượng. Bá Trượng là đệ tử của ngài Mã Tổ. Mã Tổ là đệ tử ngài Hoài Nhượng, Hoài Nhượng là đệ tử của ngài Lục Tổ Huệ Năng. Khoảng niên hiệu Đại Trung đời Đường (847-860), Ngài tịch ở núi Hoàng Bá. Nhà vua sắc thụy là Đoạn Tế Thiền sư, tháp hiệu là Quảng Nghiệp, do vậy có nơi gọi Ngài là Đoạn Tế, có nơi gọi Hoàng Bá hoặc Hy Vận.*

[3] Kinh Từ Bi Sám Hối, Thiền Tôn Phật Quang.

VẠN THỌ GỌI XUÂN

Lê Thị Ngọc Nữ

Gió mơn man nắng thanh xuân
Cõi tôi chợt tỉnh, bâng khuâng nhẹ nhàng
Rung rinh đóa vạn thọ vàng
Lá xanh xao xuyến nồng nàn hương quê.

Đất trời quyện ánh xuân về
Phù sa vương nhớ triền đê thuở nào
Thoảng mùi vạn thọ nao nao
Công ba vun tưới đượm bao ân tình.

Giấc mơ tôi mãi giữ gìn
Bến sông loang nắng bình minh dịu dàng
Chuông chùa ngân tiếng xa vang
Giao thừa khấn nguyện an khang cho đời.

Tuổi thơ tựa ánh sao trời
Vô tư, mơ mộng, tuyệt vời cuộc vui...
Cuối năm, lọn khói bùi ngùi
Thèm nghe gió chướng, ngược xuôi mái chèo.

Bếp hồng lửa tí tách reo
Chờ nồi bánh tét đang theo mùa về
Đâu đây vạn thọ chân quê
Tỏa hương ngào ngạt, bốn bề gọi xuân.



THẢ DÒNG LỤC BÁT VÀO XUÂN

Nguyễn An Bình

Giêng hai thả nắng qua đồng
Ta thương con sáo qua sông lụy đò
Khi thèm điên điển mắm kho
Quê người bậu chắc khó lo chu toàn.

Ngại chi một chuyến đò ngang
Để ta xa bậu đồng làng càng xa
Kiến leo đỏ ngọn trâm già
Sợ mưa bong bóng đường xa lên chiều.

Nhà ai nhả khói đìu hiu
Vàng mùa hoa cải chắt chiu phận người
Bốn mùa nắng bụi rong chơi
Bậu thương nhớ mẹ đất trời cũng mong.

Thả bè trôi lạc giữa dòng
Tội con cá lội long đong sông dài
Cái xanh bẹ trắng thương hoài
Mướp ơi thắp nắng cho dài khổ qua.

Bậu đừng dõi mắt trông nhà
Chiều ba mươi tết có là xuân chưa
Thả dòng lục bát theo mưa
Chờ ba ngày tết ta đưa bậu về.



PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

Vị trí và vai trò của người cư sĩ, Phật tử

trong thời đại đất nước hội nhập, phát triển

Việc hướng dẫn cư sĩ Phật tử biết tu tập tâm linh và hoạt động Phật sự đóng góp cho đạo, cho đời để có cuộc sống hạnh phúc an lạc là nhiệm vụ, là trách nhiệm mà Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương được Giáo hội Phật giáo Việt Nam giao phó.



Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương
Giáo hội Phật giáo Việt Nam

LTS: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng trích đăng bài viết *Vị trí và vai trò của người cư sĩ, Phật tử trong thời đại đất nước hội nhập, phát triển* của Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đây là bài tham luận trình bày tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022-2027, tổ chức tại Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt-Xô (Hà Nội), tháng 11/2022.

DẪN NHẬP

Ban Hướng dẫn Phật tử là một trong 6 ban được thành lập ngay từ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập vào năm 1981, chứng tỏ chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội thời bấy giờ đã xác lập vai trò và vị trí của giới cư sĩ và Phật tử rất quan trọng trong tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Bởi lẽ, sau khi Đức Phật thành đạo thuyết pháp độ sinh, Ngài đã khẳng định trong Hội chúng của Ngài có hai hội chúng cốt lõi làm cho Chánh pháp trường tồn và đem lại sự hạnh phúc, sự an lạc và giải thoát cho mọi chúng sinh: *"Này các Tỳ kheo, Ta nói rằng có hai hội chúng lớn trong đạo giải thoát, Hội chúng xuất gia là hội chúng từ bỏ gia đình, sống không gia đình, hành trì phạm hạnh đi đến giải thoát, chính các Tỳ kheo là những người làm cho Chánh pháp được sáng tỏ, được duy trì ở đời lâu dài, các vị ấy cũng là người thầy tâm linh hướng dẫn hàng tại gia tu tập giải thoát như họ. Còn Hội chúng tại gia là những người cận sự nam, cận sự nữ, thực thi đời sống hướng thiện, chính họ là những người nương tựa hội chúng xuất gia mà hộ trì chánh pháp được duy trì lâu dài" (Kinh Tăng Chi).*

Ngày nay, Ban Hướng dẫn Phật tử là một trong 13 ban viện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Theo quy luật vận động lịch sử, Ban Hướng dẫn Phật tử còn có cấu tạo thêm 5 Phân ban: 1. Phân ban Cư sĩ. 2. Phân ban Gia Đình Phật tử. 3. Phân ban Thanh Thiếu Nhi. 4. Phân ban Phật tử dân tộc. 5. Phân ban Phật tử hải ngoại. Mục đích là đáp ứng nhu cầu tu tập và đóng góp của giới cư sĩ, Phật tử trong ngôi nhà Giáo hội của một đất nước Việt Nam phát triển thịnh vượng. Bài tham luận này chỉ tập trung bàn về ***"Vị trí và Vai trò của người cư sĩ, Phật tử trong thời đại Đất nước hội nhập phát triển"*** trong bối cảnh đất nước ta hội nhập và phát triển trong thời đại 4.0 như là quy luật vận động tất yếu của lịch sử phát triển Phật giáo Việt Nam.



Phật tử là những người thọ trì tam quy ngũ giới (3 ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng và 5 giới: Không sát sinh, Không lấy của không cho, Không tà dâm, Không vọng ngữ), thực thi đời sống hướng thiện qua sự hành trì giáo pháp đức Phật giảng dạy. *(Ảnh: sưu tầm)*

KHÁI NIỆM CƯ SĨ VÀ PHẬT TỬ TRONG PHẬT GIÁO.

Khái niệm cư sĩ

Theo Hòa thượng Thánh Nghiêm, tác giả Phật giáo Chánh Tín thì từ cư sĩ xuất hiện lần đầu tiên trong *Kinh Duy Ma Cật*, trong kinh, Ngài Duy Ma Cật được gọi bằng ba danh hiệu: Một là Trưởng giả trong phẩm *"Phương tiện"*, hai là Thượng nhân hay Đại sĩ trong phẩm *"Văn Thù thăm bệnh"*, ba là cư sĩ trong phẩm *"Bồ tát"*.

Theo các ngài Cưu Ma La Thập, Huyền Trang, Trí Khải thì ngài Duy Ma Cật nguyên là một vị bổ xứ Bồ tát (vị Bồ tát sắp chứng quả Phật) trên cõi Phật A Thiềm ở phương Đông. Để hỗ trợ cho sự nghiệp giáo hóa của Đức Phật

Thích Ca, Ngài Duy Ma Cật đã thị hiện thành một vị tại gia mà trình độ giác ngộ, giải thoát của Ngài khiến cho một vị đại Bồ tát trí tuệ hàng đầu như ngài Văn Thù cũng phải nể phục. Trong *Kinh Duy Ma*, từ cư sĩ đồng nghĩa với từ đại Bồ tát. Trong *Kinh Trường A Hàm* có từ *"Cư sĩ báu"*, chỉ cho vị quan đại thần trông coi kho vàng bạc của vua Chuyển Luân Vương. Rõ ràng từ cư sĩ ở đây chỉ cho nhà quản lý được vua trọng dụng. Ở Ấn Độ ngày xưa, đẳng cấp thứ ba sau hai đẳng cấp Bà la môn và Sát đế lỵ là đẳng cấp Vệ xá (vaisyas) bao gồm các công thương gia, các nhà doanh nghiệp. Từ Cư sĩ báu nói trên chỉ các công thương gia, các nhà doanh nghiệp thuộc đẳng cấp Vệ xá này.

Vào thời Phật Thích Ca, từ cư sĩ được dùng rộng rãi để chỉ các gia chủ có thể là Phật tử hay không phải là Phật tử. Trong *Kinh Giáo thọ thi Ca la việt* (Trường A Hàm). Từ Ca la việt chỉ cho cư sĩ. Kinh này ở tạng Pali, có tên gọi là Singalovada, dịch ra chữ Hán là *Kinh Thiện Sinh*. Như vậy, từ cư sĩ trong *Kinh Singalovada* đồng nghĩa với từ gia chủ.

Khái niệm Phật tử

Phật tử là những người thọ trì tam quy ngũ giới (3 ngôi báu: Phật, Pháp, Tăng và 5 giới: Không sát sinh, Không lấy của không cho, Không tà dâm, Không vọng ngữ), thực thi đời sống hướng thiện qua sự hành trì giáo pháp đức Phật giảng dạy. Đối với Phật giáo Việt Nam, trong nghĩa rộng, cư sĩ vẫn là Phật tử, chính những người có đóng góp lớn cho Phật giáo, hay cho Giáo hội thì được tôn vinh là cư sĩ. Tuy nhiên, những người dù chưa có quy y Tam bảo, thọ trì 5 giới dành cho giới tại gia, do điều kiện khách quan, hoặc chưa thuận duyên, nhưng có niềm tin, tín ngưỡng với Phật Pháp Tăng, họ vẫn đi chùa lễ Phật, tụng kinh bái sám ngồi thiền, sống thiện với Chánh pháp vẫn được nhìn nhận là Phật tử, là tín đồ của Phật giáo. Như vậy, cư sĩ và Phật tử vẫn là thành phần số đông và đóng góp rất lớn cho sự thành tựu Phật sự trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ xưa đến nay.

Vai trò của cư sĩ, Phật tử trong lịch sử Phật giáo Việt Nam

Ngay từ buổi đầu Phật giáo du nhập vào nước ta, đạo Phật đã được nhân dân ta tiếp nhận và thực thi hành đạo. Không phải ngẫu nhiên, các thiền sư đã xác lập cho Phật tử về vai trò của người tại gia tu hành theo chính đạo: *"Ở trong nhà hiếu thảo với mẹ cha, ra ngoài xã hội giúp nước hộ dân, khi ngồi một mình phải biết tu thân"*. Có thể nói đây là phương thức dành cho các cư sĩ, Phật tử tu tập tâm linh, vừa tạo nên sức mạnh nội tại nhằm chống lại sự đồng hóa phương Bắc bằng cả tấm lòng phụng đạo yêu nước.

Khi nước nhà độc lập tự chủ, vào thời Lý - Trần, các vị vua Phật tử như Lý Thái Tổ, Lý Thánh Tông… là những người lãnh đạo quốc gia, nhưng cũng là cư sĩ Phật tử trung kiên chứng đạo. Tuy các vua quan không xuất gia nhưng họ vẫn là những Thiền gia lỗi lạc, nổi tiếng, những nhà Phật học uyên bác như Lý Thái Tông, vua thứ hai đời Lý, đệ tử đắc đạo của Thiền sư Thiền Lão, được cuốn *Thiền Uyển tập anh* xếp làm một Tổ thuộc thế hệ thứ 9 của phái thiền Vô Ngôn Thông. Vua Lý Thánh Tông, vua thứ ba đời Lý, được công nhận là Tổ thứ hai của phái Thiền Thảo Đường (Phái thiền thứ ba của Việt Nam). Vợ vua là thái phi Ỷ Lan được nhân dân tôn xưng là Quan Âm nữ cũng là một cư sĩ xuất sắc có một bài thơ thiền được lưu lại trong sách *Thiền Uyển*. Nhìn chung, các vua chúa cư sĩ Phật tử là những người có công xây dựng nước Đại Việt thấm nhuần tư tưởng Phật giáo, phổ hóa đạo Phật trở thành Quốc giáo. Cho nên, các nhà sử học mới tôn vinh *"Vương triều nhà Lý là nhà nước thuần từ nhất trong lịch sử phong kiến nước ta, tồn tại hơn 200 năm"*.

Tiếp nối nhà Lý, các vua đời Trần đã thừa tự pháp theo sự chỉ dạy của Quốc sư Viên Chứng, để hộ trì Chính pháp dài lâu. Cho nên trong *Khóa hư lục*, vua Trần Thái Tông vị vua đầu tiên triều đại nhà Trần đã tuyên bố: *"Bất luận là tướng nam, tướng nữ, đàn ông, đàn bà, già hay trẻ chỉ cần biện tâm, tu tâm là thấy tánh thành Phật"*. Còn vua Trần Nhân Tông, sau khi từ bỏ ngai vàng, xuất gia chứng đạo, đã tuyên bố trong bài *Cư trần lạc đạo phú* có câu: *"Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tất"*. Ngài muốn nói bất cứ ai dù sống giữa cõi đời nếu nỗ lực tu hành, thực tập về đời sống tâm linh thì sẽ được giải thoát. Đó chính là niềm hạnh lớn lao, tột bậc mà con người có khả năng thành tựu. Ngoại trừ những bậc xuất gia tu hành, ở trong chùa, số còn lại là cư sĩ, Phật tử tại gia, sống với gia đình, thì thành phần này chiếm số đông trong giới Phật giáo.



Ngày nay, Ban Hướng dẫn Phật tử là một trong 13 ban viện của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Theo quy luật vận động lịch sử, Ban Hướng dẫn Phật tử còn có cấu tạo thêm 5 Phân ban: 1. Phân ban Cư sĩ. 2. Phân ban Gia Đình Phật tử. 3. Phân ban Thanh Thiếu Nhi. 4. Phân ban Phật tử dân tộc. 5. Phân ban Phật tử hải ngoại. Mục đích là đáp ứng nhu cầu tu tập và đóng góp của giới cư sĩ, Phật tử trong ngôi nhà Giáo hội của một đất nước Việt Nam phát triển thịnh vượng. *(Ảnh: Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương GHPGVN tổng kết công tác Phật sự nhiệm kỳ 2017-2022 - internet)*

Nếu cư sĩ, Phật tử nào có chánh kiến, nỗ lực tu học và sống theo đúng theo Chánh pháp thì chắc chắn cũng thành tựu giải thoát tự thân, góp phần làm cho Phật giáo sẽ thêm hưng thịnh, trường tồn. Đời Trần, vua Trần Thái Tông và Tuệ Trung thượng sĩ đều là những cư sĩ nổi tiếng mà ngay các tu sĩ cũng tôn xưng họ là những bậc thầy trong đạo. Vua Trần Nhân Tông sau này xuất gia lập ra phái thiền Yên Tử cũng tôn xưng Tuệ Trung thượng sĩ là đạo sư của mình. Kết quả, với sức mạnh đoàn kết toàn dân, đồng nghĩa là sức mạnh của quần chúng Phật tử, dưới sự lãnh đạo của các nhà lãnh đạo quốc gia, cũng là lãnh đạo Phật giáo đã hoàn thành sứ mệnh 3 lần đánh tan quân Nguyên Mông và xây dựng quốc gia Đại Việt hưng thịnh.

Trong quá trình tồn tại và phát triển của Phật giáo Việt Nam, các hoạt động cuả Phật giáo thời Lê - Nguyễn cho đến đầu thế kỷ XX với sự ra đời phong trào chấn hưng Phật giáo, vai trò quan trọng của các cư sĩ Phật tử đã thể hiện nổi bật trong việc Chấn hưng Phật giáo. Đặc biệt là sự thành lập các hội Phật học khắp ba miền Nam Trung và Bắc sự thành công của ba hội này, có sự góp phần quan trọng của các thành phần cư sĩ Phật tử. Cụ thể: Tại Nam kỳ, Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học ra đời năm 1931, khởi đầu là tại miền Nam (1920-1929), cùng với sự vận động chấn hưng Phật giáo của Hòa thượng Khánh Hòa, HT. Từ Phong, HT. Huệ Quang HT. Khánh Anh, Sư Thiện Chiếu, HT. Pháp Hải, Từ Nhẫn, Chơn Huệ… còn có nhiều cư sĩ Phật tử tham gia như: Phạm Ngọc Vinh, Nguyễn Văn Nhơn, Nguyễn Văn Cần, Huỳnh Văn Quyền, Trần Văn Khuê, Trần Nguyễn Chấn... tiến đến việc thành lập Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học. Người đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển của hội sau này, nhất là truyền bá Chánh pháp cùng với chư Tôn đức là cư sĩ Chánh Trí - Mai Thọ Truyền, về phía GĐPT có Tâm Bửu - Tống Hồ Cầm, Nhật Minh - Nguyễn Hữu Huỳnh.

Trong khi đó tại Trung kỳ, Hội An Nam Phật Học ra đời vào năm 1932 do cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám làm chủ xướng. Khởi đầu, Hội có 5 vị Hòa thượng Chứng minh (như ngài Giác Tiên, Giác Nhiên,...) và 11 Cư sĩ, trong đó cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám làm Chánh Hội trưởng. Đặc biệt, cư sĩ Lê Đình Thám là người sáng lập Gia Đình Phật Tử Việt Nam cùng với sự tham gia của các cư sĩ tiền bối Đinh Văn Nam (HT Thích Minh Châu), Đinh Văn Vinh, Võ Đình Cường, Hoàng Thị Kim Cúc, Phan Cảnh Tuân, Tráng Thông, Lê Cảnh Đạm… là thành viên ban sáng lập GĐPT Việt Nam.

Hội Phật giáo Bắc kỳ thành lập vào năm 1934, với danh hiệu Bắc Kỳ Phật Giáo hội, chủ xướng là cụ Nguyễn Năng Quốc. Ban sáng lập gồm 32 vị cư sĩ, Tổ Vĩnh Nghiêm được thỉnh làm Tùng Lâm Pháp chủ, chỉ có một số Thượng Tọa trẻ tuổi đứng ra tổ chức như thầy Thái Hòa và thầy Trí Hải… Phía cư sĩ thì ủng hộ rất đông, nhất là cụ Hoàng Trọng Phu và cụ Nguyễn Năng Quốc cộng với sự hợp tác của cư sĩ Lê Toại, Trần Văn Giác, Nguyễn Hữu Kha (Thiều Chửu), Vũ Đình Chung… tiến hành vận động chấn hưng thành lập hội.

Tất cả những hoạt động của các hội đưa đến thành công trong sự thiết lập Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam năm 1951 tại Từ Đàm, Huế. Tổ chức Gia đình Phật tử ra đời trên nền tảng Gia đình Phật hoá phổ, rồi đến *"Gia đình Phật tử"*. Từ đó về sau, qua bao cuộc đấu tranh bảo tồn Phật pháp, cư sĩ Phật tử luôn là thành viên trung thành của Giáo hội.

Và như thế, tất cả mọi tổ chức sinh hoạt của nam nữ cư sĩ, Phật tử phải thống nhất từ trong quan điểm cho đến hành động theo tinh thần đại gia đình Phật giáo, đúng như lời dạy của Hòa thượng Thích Trí Quang, nguyên Chánh hội trưởng Tổng trị sự Hội Việt Nam Phật học huấn từ trong lễ trao cấp hiệu đầu tiên cho Huynh trưởng GĐPT tại chùa Từ Đàm Huế, ngày 23/7/1956, đã huấn từ: *"Hội chúng ta vốn là một tổ chức có thầy có trò, có chú có bác, có anh có em, một tổ chức có tính chất đại gia đình được điều khiển bởi chính đức Phật và những lời giáo huấn thanh tịnh của Ngài. Sống trong tổ chức đó, anh chị em có một sứ mạng rõ rệt, ấy là thay hội dìu dắt đàn em của mình bước từng bước vững vàng theo dấu chân của đức Từ Phụ"*.

VAI TRÒ CỦA CƯ SĨ, PHẬT TỬ TRONG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Các thành tựu hoạt động Phật sự thể hiện vai trò của Cư sĩ và Phật tử trong thời đại đất nước hội nhập và phát triển.

Đến năm 1981 khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập, cư sĩ Phật tử đã tích cực tham gia vào Ban Hướng dẫn Phật tử, Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Tuy nhiên, trong các thời kỳ khác nhau của Phật giáo, vai trò của cư sĩ Phật tử có phát huy công đức tác dụng đến đâu cũng đều do sự quan tâm giúp đỡ chỉ đạo của chư Tôn đức Tăng Ni trong Giáo hội và quý thầy trụ trì chùa.

Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương nhiệm kỳ VIII (2017 - 2022) đã thể hiện vị trí và vai trò của người cư sĩ Phật tử trong thời hội nhập và phát triển là vô cùng quan trọng. Có thể nói đây là một nhiệm kỳ, Ban Hướng dẫn hoạt động trong bối cảnh chung là cả thế giới có nhiều biến động, nhất đại dịch Covid-19, thiên tai bão lụt miền Trung, tác động biến đổi khí hậu, kinh tế bị suy yếu, khủng hoảng tâm lý đạo đức… Tuy nhiên, càng khó khăn, lãnh đạo Ban đã quyết tâm hướng dẫn quần chúng Phật tử thực thi hành pháp, tu tập tâm linh, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng cho đồng bào, tạo nên niềm tin bất động đối với ba ngôi Tam Bảo, sẵn sàng đối diện và thích nghi vượt qua chướng duyên bằng cách thay đổi phương thức hoằng pháp qua việc ứng dụng công nghệ số, tích cực đóng góp vào công tác từ thiện an sinh xã hội, chia sẻ nỗi đau mất mát, hay niềm vui khi sống với đạo. Những thành tựu nổi bật đó đã thể hiện qua bản tổng kết công tác Phật sự của Ban Nhiệm kỳ VIII, cụ thể là những khóa bồi dưỡng và khóa tu được tổ chức ở Kon Tum hay Cần Thơ, khoá tu mùa hè, hội trại, hội thi tìm hiểu giáo lý của Đức Phật, tổ chức tư vấn mùa thi, trao học bổng cho các em học sinh nghèo vượt khó...

Những hoạt động nêu trên đã khơi dậy lòng yêu kính Tam Bảo của các Phật tử, đặc biệt là giới trẻ. Các *khóa tu Một ngày An lạc, Khóa tu Bát Quan Trai, Khóa tu Phật thất* được tổ chức thường xuyên, thu hút đông đảo Phật tử đến tu tập. Tổ chức các khóa tu học, các hoạt động Phật sự nhân dịp các ngày lễ kỷ niệm như: dịp Tết Nguyên đán, Phật đản, Vu lan báo hiếu, Quốc tế thiếu nhi, Tết Trung thu,… đã thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân Phật tử tham dự. Tổ chức thành công các sự kiện Phật sự

quan trọng như: *"Tôi yêu Tổ quốc tôi"* nhân ngày thành lập QĐNDVN; Hội thi giáo lý dành cho thanh thiếu niên Phật tử 29 tỉnh, thành khu vực phía Bắc; Tổ chức giao lưu văn nghệ với chủ đề: *"Tôi yêu Tổ quốc tôi"*; Hội trại *"Tuổi trẻ và Phật giáo"* chủ đề *"Hào khí Thăng Long"*; Tổ chức Hội thảo khoa học Quốc gia với chủ đề *"Hoạt động của tín đồ Phật tử với sự phát triển bền vững đất nước"* tại Hà Nội; Tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: *"Phật giáo với hoạt động đảm bảo an sinh xã hội cho người dân trong thời kỳ phát triển và hội nhập quốc tế"* tại Lào Cai; Hội thảo khoa học *"Hoạt động đảm bảo an sinh xã hội cho người dân của GHPGVN tỉnh Hòa Bình: Thực trạng và giải pháp"*. Đặc biệt, công tác an sinh xã hội với thành tựu đóng góp đến 663.192.864.000đ *(sáu trăm sáu mươi ba tỷ đồng một trăm chín hai triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)*. Các phân ban cũng có những thành nổi bật thể hiện vai trò và vị trí của mình trong bối cảnh đất nước phát triển, đạo Phật được xiển dương trong đời sống thực tiễn của đồng bào Phật tử.

Phân ban cư sĩ Phật tử Trung ương đã tổ chức các đạo tràng tu tập Đạo tràng Bát quan trai: 1.242 đơn vị, có 81.265 Phật tử tham dự. Đạo tràng tu thiền: 35 đơn vị, có 7.750 Phật tử tham dự. Đạo tràng niệm Phật, Phật thất: 698 đơn vị, có 131.365 Phật tử tham dự. Đạo tràng Pháp Hoa: 80 đơn vị, có 13.280 Phật tử tham dự. Đạo tràng Dược Sư: 40 đơn vị, có 6.080 Phật tử tham dự. Đạo tràng Đại Bi: 81 đơn vị, có 4.602 Phật tử tham dự. Các mô hình tu học khác như: Mật tông, Địa Tạng, Lương Hoàng Sám,… có 103 đơn vị, 9.370 Phật tử tham dự. Tổng số Đạo tràng sinh hoạt: 2.725 đơn vị, tổng số Phật tử sinh hoạt tu học: 311.960 người.

Phân ban Gia đình Phật tử Trung ương với mục đích đào tạo con em Phật tử sống tu học trên nền tảng theo chương trình biên soạn của tổ chức Gia đình Phật tử từ trước, việc chú trọng đào tạo Huynh trưởng cấp Trung ương và cấp tỉnh thành làm nòng cốt là nhiệm vụ quan trọng của Phân ban, hiện có 47 huynh trưởng cấp Trung ương, cấp tỉnh thành có 9.241 huynh trưởng trong đó: cấp dũng: 9 huynh trưởng, cấp tấn: 481 huynh trưởng, cấp tín: 1.781 huynh trưởng, cấp tập: 2.798 huynh trưởng, chưa có cấp: 4.172 huynh trưởng. Tổng số huynh trưởng và đoàn sinh: 62.958 đoàn viên. Phân ban đã tổ chức Trại huấn luyện Liên trại Lộc Uyển - A Dục - Huyền Trang cho các tỉnh, thành. Tổ chức thi và xét các cấp huynh trưởng trong Phân ban, tham gia các hội nghị, khóa bồi dưỡng và thực hiện các công tác an sinh xã hội….

Phân ban Thanh thiếu nhi Phật tử đã phát huy tinh thần tuổi trẻ nhiệt huyết trong tinh thần hộ đạo yêu nước. Phong trào hoạt động của các CLB thanh thiếu niên Phật tử đã đi vào nề nếp, đóng góp không nhỏ cho sự thành công trong các công tác Phật sự của Giáo hội như: tham gia đón các phái đoàn quốc tế, tham gia tích cực các phong trào thiện nguyện, hội trại, khóa tu mùa hè, tư vấn mùa thi... Giao lưu kết nối cùng Hội Chữ thập đỏ kỷ niệm ngày 1/6, thăm và tặng quà cho các em khuyết tật tại *"Trung tâm dạy nghề nhân đạo, tạo việc làm Việt Nam"*, hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, công quả làm vệ sinh quét dọn, thu gom rác thải tại các nơi công cộng.

Đặc biệt, chương trình tổ chức hội trại tuổi trẻ Phật giáo lần thứ 12 - chủ đề "Hào khí miền Đông" tại thiền viện Phước Sơn, tỉnh Đồng Nai, Hội trại có 3.500 trại sinh và 500 tình nguyện. Phân ban còn kết hợp với Ban Trị sự Cần Thơ tổ chức Hội trại tuổi trẻ và Phật giáo, chủ đề *"Tình đất phương Nam"* tại thiền viện Trúc Lâm Phương Nam (TP. Cần Thơ). Số lượng trại sinh của Hội trại là 1.500 bạn trẻ và 300 tình nguyện viên đến từ 13 tỉnh thành miền Tây Nam bộ và TP HCM. Những sự kiện hội trại, khóa tu dành cho giới trẻ tại nhiệm kỳ VIII, đã tạo nên hiệu ứng tích cực, lan tỏa mạnh mẽ trong toàn quốc. Điều này đã tạo nên điểm son trong ngành Thanh thiếu nhi Phật tử. Qua 5 năm thực hiện (2017-2022), phát huy tinh thần phụng sự Giáo hội, hướng dẫn thanh thiếu nhi tu tập, tính đến thời điểm này, cả nước có: 1.135 khóa tu, trại hè, hội trại… với 469.000 bạn trẻ tham gia.

Công tác tiếp sức mùa thi trong những năm qua tiếp tục được phát huy ở nhiều tỉnh thành khắp ba miền Bắc, Trung, Nam. Mỗi nơi phát hàng ngàn phần cơm chay, nước, bánh, miễn phí. Đồng thời hỗ trợ phương tiện cho các thí sinh tham dự các kỳ thi quốc gia. nhiều chương trình ý nghĩa của giới trẻ tiếp tục được nhân rộng như: hoa hồng xuống phố, hoa hồng vào làng,… Vào dịp tết Trung thu hàng năm, phân ban đã tổ chức, khuyến khích PBTTNPT tỉnh thành, CLB TTNPT các tự viện thực hiện chương trình vui tết Trung thu dành cho các em thiếu nhi trong toàn quốc như: *Lễ hội trăng rằm, Trung thu sum vầy, Trung thu*



Không phải ngẫu nhiên, các thiền sư đã xác lập cho Phật tử về vai trò của người tại gia tu hành theo chính đạo: "Ở trong nhà hiếu thảo với mẹ cha, ra ngoài xã hội giúp nước hộ dân, khi ngồi một mình phải biết tu thân". *(Ảnh: sưu tầm)*

trông trăng, Vui tết đoàn viên, Đêm hội trăng rằm, Trung Thu yêu thương, tổng trị giá cho hoạt động này là 4.333.600.000 đồng *(Bốn tỷ ba trăm ba mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng)*. Để thống nhất chương trình giảng dạy, các kiến thức cơ bản cho giới trẻ Phật tử trong toàn quốc, Phân ban đã biên soạn thành công bộ giáo trình Phật pháp vào đời, gồm 5 tập với những nội dung căn bản cho các bạn trẻ bước đầu học Phật. Bên cạnh đó, cuốn cẩm nang tổ chức khóa tu - hội trại dành cho chư Tôn đức Tăng Ni, nội dung trình bày về kỹ năng trong quá trình tổ chức khóa tu, hội trại trước nhu cầu nuôi dưỡng đời sống tâm linh của giới trẻ Phật giáo hiện nay.

Phân ban Phật tử dân tộc đã thực hiện hoạt động từ thiện được 18.010.000.000đ *(Mười tám tỷ không trăm mười triệu đồng)*. Các tỉnh miền núi phía Bắc trong thời gian qua đã thu hút đông đảo Phật tử tu học, đặc biệt là giới trẻ Phật tử tại các khóa tu mùa hè của tỉnh Lào Cai, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Yên Bái, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình… cũng thường xuyên tổ chức các khóa quy y Tam Bảo cho bà con nhân dân Phật tử các dân tộc thiểu số tại địa bàn tỉnh.

Phân ban Phật tử Hải ngoại là phân ban nối kết đồng bào Phật tử ở nước ngoài hướng về quê hương, tổ chức các chương trình tu học và tích cực hộ trì Chánh pháp, góp phần xây dựng quê hương xứ sở thêm giàu mạnh. Điểm nổi bật, phân ban đã ứng dụng công nghệ thời 4,0 để tổ chức khóa tu online đầu tiên dành cho Phật tử các nước châu Á với chủ đề *"Phật là Quê hương"* với sự tham dự gần 300 hành giả trong Zoom đến từ nhiều quốc gia khác nhau như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Lào, Campuchia, Việt Nam, Australia, Canada, Mỹ, Đức, Vương quốc Anh, Cộng hòa Séc, Ba Lan,… cùng tham dự. Đồng thời, khóa tu còn thu hút hơn 1.000 Phật tử cùng tu học và theo dõi trực tiếp trên Facebook, Youtube của kênh Phật sự Online và Sen vàng Online.



Phân ban còn tổ chức khóa tu Phật đản Online với chủ đề "Tỏa ngát hương đàm", kính mừng Đại lễ Phật đản PL.2566, kỷ niệm 2646 năm Đức Phật ra đời. Khóa tu đặt dưới sự chứng minh của Hòa thượng Trưởng ban và chư Tôn đức Thường trực BHDPT Trung ương. Tham dự hơn 250 hành giả trong Zoom đến từ nhiều châu lục như: châu Á (Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Campuchia, Việt Nam), châu Âu (Ba Lan, Cộng hòa Séc, Đức, Vương quốc Anh, Hungary), châu Mỹ (Mỹ, Canada) và châu Úc (Australia). Đồng thời, khóa tu còn thu hút hơn 1.700 Phật tử cùng tu học và theo dõi trực tiếp trên Facebook, Youtube của kênh Phật sự Online và Sen vàng Online. tổ chức khóa tu Vu lan Online với chủ đề "Bóng cả đời con", nhân mùa Vu lan Báo hiếu PL 2.566 cho 278 hành giả trong Zoom đến từ nhiều Châu lục như: châu Á (Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Việt Nam), châu Âu (Cộng hòa Séc, Đức, Hungary), châu Mỹ (Hòa Kỳ, Canada) và châu Úc (Australia). Đồng thời, khóa tu còn thu hút hơn 1.500 Phật tử cùng tu học và theo dõi trực tiếp trên Facebook, Youtube của kênh Phật sự Online và Sen vàng Online.

Trên hết, Phái đoàn Phân Ban Phật tử Hải ngoại Trung ương đã có chuyến công tác ở các nước Châu Âu như: Hungary, Pháp, Đức, Ý, Áo, Ba Lan, Tiệp Khắc,... tổ chức Chương trình *"Đạo Pháp và Quê Hương"* tại CHLB Đức. Chương trình "Quê Hương và Cội Nguồn" tại Cộng hòa Séc. Ngày 19/9 tham dự lễ khánh thành chùa Đại Bi tại Hungary, thuyết giảng cho đồng bào Phật tử tiêu biểu tại Hungary. tham dự lễ hội văn hóa các dân tộc tại Bruno ở Cộng hòa Séc. Ngoài ra, phái đoàn còn thăm viếng, giao lưu với các Đại sứ quán các nước, các tự viện và các hội Phật tử tại Pháp, Đức, Ý, Hungary,…

Phân ban cũng thường xuyên tổ chức các buổi thuyết giảng, khóa tu trực tuyến trên nền tảng mạng xã hội cho các đạo tràng tại một số nước Châu Âu trong thời gian dịch bệnh Covid-19. Đồng thời Phân ban lưu tâm tổ chức nhiều khóa tu, Xuất gia gieo duyên cho các du học sinh tại các nước sở tại như Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật, Singapore, Mỹ và một số nước khác lượt tham dự hàng trăm đến 1.000 hành giả tham dự. Thông qua kênh truyền thông Phật sự Online, Sen vàng Online, các trang mạng xã hội Facebook, Youtube, các phần mềm họp trực tuyến Zoom, Meet, nhiều thành viên thuộc Phân ban PTHNTW chia sẻ bài pháp thoại trong mùa dịch. Các khóa lễ tụng kinh trực tuyến, buổi học giáo lý online được đông đảo Phật tử ở các quốc gia tham dự. Từ những thành tựu nổi bật nói trên, chúng tôi xin có những kiến nghị đề xuất sau để thực thi công tác Phật sự của ban càng phát triển thích ứng thời đại, trong đó hạt nhân vẫn là phát huy vai trò vị trí cư sĩ Phật tử.

Những kiến nghị để phát huy vai trò của Cư sĩ, Phật tử trong thời đại - Kỷ nguyên số 4.0

Xây dựng lòng tin vững chắc đối với Tam bảo và tu tập tâm là cơ sở đầu tiên để phát huy vai trò và khẳng định vị trí người Cư sĩ, Phật tử trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam

Trong xu hướng hội nhập toàn cầu, thế giới phẳng, con người chịu sự tác động, biến đổi, vấn đề đặt ra theo thiển ý chúng tôi là Ban Hướng dẫn Phật tử cần xây dựng lòng tin bất động đối với 3 ngôi Tam bảo, hướng dẫn Phật tử nhận thức rõ về mình là Phật chân chính, thực thi đời sống hướng thiện,

hành trì pháp môn tu tập, để tâm trở nên kiên định, không bị dao động trước đời sống đầy biến động. Kinh nghiệm của của các cư sĩ ngộ đạo là phải thường xuyên biện tâm, tâm trong sạch, mới có trí tuệ sáng suốt, nhận thức đúng Chính kiến mới có hành động đúng cho bản thân để đóng góp cho Đạo, cho đất nước. Trần Thái Tông từng đề xuất việc tu tập không dành riêng bất cứ ai, Ngài nói: *"Không phân biệt là sống ở đời hay sống trong rừng, không phân biệt tại gia hay xuất gia, chỉ cốt yếu là biện tâm, vốn không nam nữ sao lại chấp tướng"*.

Chúng ta thấy rõ qua lời dạy của ngài Trần Thái Tông, người cư sĩ, Phật tử phải biết biện tâm. Biện tâm là phương thức chuyển hóa nội tâm, thanh lọc tâm cho đến khi nào tâm trở về sự thanh tịnh. Tuy nhiên, cuộc đời có rất nhiều bụi trần mà cư sĩ phải thường xuyên biện tâm bằng cách tẩy rửa bụi trần đem lại. Điều đó có nghĩa, sống trong thế giới đầy nhiễm ô của bụi trần, Trần Thái Tông khuyên mọi người hãy biện tâm bằng cách khởi chánh tư duy trong khi suy nghĩ, trong lúc thể hiện lời nói và hành động cụ thể để thực thi điều gì đối với mình, và cho người khác. Hay nói cách khác tức là tự tìm hiểu tâm mình, tự tu tập tâm mình trước các vấn đề mà mình chuẩn bị làm, đang làm, sẽ làm. Muốn tu tập tâm tất nhiên phải luôn luôn tỉnh giác quan sát tâm mình; trong tâm mình nảy sinh ra cảm thọ gì, ý nghĩ gì, quyết định gì chúng ta đều phải biết rõ. Đó là cảm thọ ý nghĩ quyết định đúng hay sai, tích cực hay tiêu cực, có lợi hay có hại cho mình và người để kịp thời điều chỉnh uốn nắn.

Theo lời dạy của chư Tổ thì cư sĩ tại gia mặc dù sống trần tục, mà biết biện tâm thì vẫn thành công trong sự tu tập, vượt thoát khổ đau, đó chính là niềm hạnh phúc lớn nhất, cái gọi là *"phúc ấy càng yêu hết tấc"*, đáng tán dương và trân trọng hơn bao giờ hết. Bởi vì không ai khác hơn, các cư sĩ tại gia, vừa có bổn phận thực thi vai trò và trách nhiệm của một công dân của đất nước, của một người lo gánh vác công việc của gia đình, của một Phật tử thuần thành hướng tâm tu tập, đem đạo vào đời.

Chính vì vậy, vai trò của cư sĩ rất quan trọng, họ là hình ảnh Phật giáo đi vào đời và làm cho đời sáng tươi như ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ. Có thể nói, đời sống người tại gia tạo ra cho họ nhiều cơ hội để hiểu biết tâm mình, rèn luyện tâm mình, bồi dưỡng những đức tính đáng quý như nhẫn nhục, kiên trì, tinh tấn. Đây chính là mục đích tối hậu mà vai trò của cư sĩ, Phật tử trong thời đại hội nhập và phát triển cần phải thực thi. Trong các mô hình tu tập như: *Khóa tu Bát Quan trai, Đạo tràng Tịnh độ, Khóa tu mùa hè, Khóa tu an lạc*, nội dung thuyết giảng phải có nội dung chuyển hóa nội tâm, thanh tịnh tâm mới giải quyết các vấn nạn cải đạo, hay không còn sự truyền cảm hứng đối với việc tu đạo, học đạo…

Cần Phổ cập hóa chương trình hoạt động Phật hoá gia đình là nhiệm vụ hàng đầu của Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương, sẽ góp phần đóng góp lớn cho sự phát triển Phật giáo Việt Nam. Bởi lẽ, tiềm lực của Phật giáo không chỉ ở trong giới xuất gia mà cả giới tại gia

Kinh nghiệm cho thấy, trong đời sống thực tiễn giới tại gia có rất nhiều thành phần hoạt động theo ngành nghề và tổ chức khác nhau. Vì thế, ban cũng cần chú trọng việc xây dựng các tổ chức các Đoàn Phật tử hoạt động và tu học theo ngành chuyên môn của họ như: *Đoàn Phật tử Doanh nghiệp, Đoàn Phật tử Tiểu thương, Đoàn Phật tử Y khoa, Đoàn Phật tử Giáo dục, Đoàn Phật tử Văn nghệ sĩ, Đoàn Phật tử Từ thiện, Đoàn Phật tử Nghi lễ*... Chính các Đoàn Phật tử có tính chất chuyên nghiệp này sẽ phát huy năng lực và hiệu quả trong tu học cũng như tham gia các Phật sự, khi mọi thành viên đều có chung một thế mạnh về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đây cũng chính là cơ sở để phổ cập hóa chương trình hoạt động Phật hoá gia đình. Nghĩa là đem giáo lý Phật đà để áp dụng vào trong từng gia đình của các thành viên, thiết lập một đời sống đạo đức hiền thiện, hướng tâm đến giải thoát. Trong ngôi nhà chung của Giáo hội thì hàng Phật tử tại gia là lực lượng đông đảo nhất trong cấu trúc *"tứ chúng đồng tu"*, là lực lượng hộ trì Tam Bảo, phụng sự Đạo pháp đắc lực nhất, là lực lượng hậu duệ, kế thừa truyền trì mạng mạch Phật giáo từ thế hệ này qua thế hệ khác.

Tuy nhiên, có trường hợp, trong một gia đình có khi ông bà theo đạo Phật nhưng con cháu thì không, hoặc cha đi chùa nhưng mẹ thì không và ngược lại, hoặc cha mẹ theo đạo Phật nhưng con cái thì lấy vợ gả chồng theo đạo khác… Có những hoàn cảnh đáng tiếc xảy ra cha làm Huynh trưởng vì thương con đi cưới con dâu là khác đạo… Do đó, chư Tôn

đức Ban Hướng dẫn Phật tử phải thường xuyên lồng ghép nội dung Phật hóa gia đình vào mỗi thời thuyết giảng của mình trên phương tiện truyền thông, báo chí như Tạp chí Văn hóa Phật giáo, Phật sự online, Giác Ngộ, Nội san Phật giáo tại các tỉnh thành… mở chuyên mục Phật hóa gia đình để con em có chánh kiến trong đời sống tu học, tránh những tình trạng đáng tiếc nói trên xảy ra.

Cụ thể, các cư sĩ lãnh đạo các Gia đình Phật tử, Niệm Phật đường thường xuyên động viên khuyến khích các bậc cha mẹ có con em từ 6 tuổi trở lên gia nhập Gia đình Phật tử, hoặc Đoàn thanh thiếu niên Phật tử của đơn vị. Đối với nam nữ Phật tử, đoàn sinh, huynh trưởng đến tuổi lập gia đình, các bậc cha mẹ thường xuyên nhắc nhở con em mình nên chọn người hôn phối cùng tín ngưỡng. Các vị trụ trì khuyến khích các bậc cha mẹ và nam nữ Phật tử tổ chức lễ Hằng thuận ở chùa khi đăng ký kết hôn và khi có con được ba tháng tuổi thì đưa cháu về chùa xin Thầy quy y đặt cho pháp danh để gieo hạt giống Bồ đề cho các cháu ngay từ lúc măng non.

Phát huy các mô hình tu tập truyền thống dành cho Cư sĩ Phật tử trước đây

Đồng thời xây dựng mô hình tu tập mới qua việc ứng dụng thành tựu công nghệ khoa học kỹ thuật số để thuyết giảng, thành lập các đạo tràng tu tập qua online, qua các mạng xã hội sẽ nối kết các cộng đồng Phật tử không chỉ ở trong nước mà lan tỏa cả nước ngoài, không còn hạn chế về thời gian, không gian địa lý. Theo đó, Ban cần chủ trương thực hiện việc nâng cao chất lượng, tăng cường tiện ích của website huongdanphattu.vn và tiếp tục mời sự cộng tác của Ban Hướng dẫn Phật, Ban Thông tin Truyền thông Phật giáo các tỉnh thành. Để tạo nguồn cảm hứng tu tập cho giới trẻ Phật tử, ban cần có kế hoạch chương trình gameshow Phật pháp, chia sẻ pháp thoại trực tuyến dành cho các giới trẻ trên các nền tảng xã hội. Qua đó, ban có định hướng kế hoạch hướng dẫn Thanh Thiếu nhi Phật tử tu học: thuận lợi, khó khăn và định hướng phát triển.

Việc soạn thảo và ban hành chương trình giảng dạy Giáo lý dành cho Phật tử tại gia, từ cấp thấp lên cao, để có trình độ kiến thức tương đồng. Nhất là đối Phật tử dân tộc, Ban cần chủ trương thực hiện việc soạn thảo, phiên dịch và ban hành Kinh nhựt tụng, chương trình giảng dạy giáo lý dành cho Phật tử dân tộc. Vận động các tỉnh có đồng bào dân tộc quy y, lập kế hoạch xây dựng tự viện phục vụ nhu cầu sinh hoạt tu học của đồng bào dân tộc xây theo kiến trúc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc.

Cuối cùng là công tác quản trị nhân sự và quản lý hành chánh của ban, ban cần được tu chỉnh và ứng dụng công nghệ kỹ thuật số để phát huy sức mạnh nội của Ban Hướng dẫn trung ương. Vấn đề này đòi hỏi trí tuệ và thời gian lâu dài. Vì vậy, nhiệm kỳ IX, ban cần cần tập trung nguồn nhân nhân lực để từng bước thực hiện để bồi dưỡng kiến thức kỹ năng: lãnh đạo, tổ chức, quản lý, điều hành cho mọi thành viên trong ban. Từ đó có chiến lược phát huy vai trò và trách nhiệm của mình trong việc hoằng dương Chánh pháp trong thời đại kỷ nguyên số 4.0.

KẾT LUẬN.

Tóm tại, chúng ta đang sống trong một thời đại mới - thời đại kỷ nguyên số mà đất nước ta cũng phải hòa nhập theo xu hướng phát triển của toàn cầu. Phật giáo với triết lý Duyên khởi mà đức Phật đã chỉ cho chúng ta phương thức triết lý sống tùy duyên thích ứng theo môi trường hoàn cảnh và cả thời đại. Do đó, Phật giáo không có lý do gì mà không chuyển hóa theo thời đại. Việc hướng dẫn cư sĩ Phật tử biết tu tập tâm linh và hoạt động Phật sự đóng góp cho đạo, cho đời để có cuộc sống hạnh phúc an lạc là nhiệm vụ, là trách nhiệm mà Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương được Giáo hội Phật giáo Việt Nam giao phó. Cho nên việc xác lập vai trò và vị trí của cư sĩ Phật tử trong thời đại mới được xem như là kim chỉ nam để Ban Hướng dẫn có cái tầm nhìn mới, chiến lược mới. Đó là niềm tin, hy vọng của chúng tôi trong sứ mệnh hoằng dương Phật pháp, đem lại những giá trị thiết thực cho hạnh phúc số đông.

Tài liệu tham khảo

1. Uỷ ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Văn học (1977), *Thơ văn Lý - Trần* (tập 1), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Mật thể (1960), *Việt Nam Phật giáo Sử lược*, Nxb. Minh Đức.
3. Hoàng Xuân Hãn (1996), *Lý Thường Kiệt*, Tu Thư Đại học Vạn Hạnh, tái bản lần thứ 1.
4. Nguyễn Đăng Thục (1965), *Khái quát tư tưởng thời đại nhà Lý*, Tạp chí Vạn Hạnh số 1, Phật Lịch 2509.
5. Nguyễn Lang (2000), *Việt Nam Phật giáo sử luận* (tập 2), tái bản, Hà Nội.

Truyền thông Phật giáo và xử lý khủng hoảng truyền thông Phật giáo

Hoa Niên

Bối cảnh truyền thông ngày nay vẫn thường xuất hiện những câu chuyện khủng hoảng truyền thông. Truyền thông Phật giáo hiện đại cũng khó lòng tránh khỏi các tình huống tương tự. Đâu là giải pháp khả dĩ để bảo vệ hình ảnh của Phật giáo? ThS. Trần Xuân Tiến – Phó Trưởng Bộ môn Truyền thông, Trường Đại học Văn Hiến đã dành thời gian trao đổi với Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo về vấn đề đang rất được quan tâm này.

Trước hết, như đã chia sẻ ở trên, công tác truyền thông Phật giáo, đồng thời, ở một góc độ nhất định, cũng có thể là xem là hoạt động hoằng truyền giáo pháp. Thế nên, mỗi Tăng, Ni, Phật tử đều cần giữ giới hạnh của người xuất gia, của người theo đạo, của cá nhân công dân, cần giữ giới luật, tôn trọng đạo đức, và chấp hành nghiêm túc pháp luật. Hình ảnh Phật giáo không đâu xa, chính là hình ảnh của mỗi người thực hành tôn giáo mà nên.

Thưa ông, đâu là cơ sở tồn tại và phát triển của hoạt động truyền thông Phật giáo? Có phải đến thời công nghệ 4.0, mới xuất hiện khái niệm này?

Truyền thông là quá trình truyền đạt, trao đổi, tương tác các thông tin trong mỗi cá nhân (truyền thông cá nhân), giữa các cá nhân (truyền thông liên cá nhân), các nhóm (truyền thông nhóm) hoặc rộng rãi đến mọi người trong xã hội. Mục đích của quá trình truyền thông nhằm hướng đến việc thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi sao cho phù hợp với nhu cầu phát triển của thực tiễn xã hội.

Hiểu theo cách tiếp cận vừa nêu, các nhà nghiên cứu có cơ sở để nhận định lịch sử của truyền thông Phật giáo đã phát nguồn và tồn tại hơn 2.500 năm, kể từ khi Đức Phật đem sự giác ngộ giáo hóa chúng sinh lúc Ngài chứng ngộ, chọn cách sống an nhiên, theo điều hay lẽ phải trên đời. Từ đó đến nay, hoạt động truyền thông Phật giáo là một thành tố cấu thành của Phật giáo, là một trong những phương tiện hữu dụng để thực hiện công cuộc hoằng pháp lợi sinh.

Ngày nay, truyền thông Phật giáo càng có đóng góp to lớn vào quá trình hiện đại hóa Phật giáo, nhất là khi chúng ta bước vào kỷ nguyên công nghệ số. Thông qua các loại hình truyền thông đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức (như: báo giấy; audio, video; kênh truyền hình; trang báo/trang tin điện tử; thư viện số, mạng xã hội, sự kiện hội thảo tọa đàm…), việc tuyên truyền chính pháp được thể hiện rõ ràng, hiệu quả.

Vậy cụ thể vai trò của hoạt động truyền thông Phật giáo là gì, thưa ông?

Chúng ta dễ nhận thấy rằng, vai trò hàng đầu, cũng là vai trò truyền thống từ xưa đến nay của truyền thông Phật giáo là hỗ trợ truyền bá tư tưởng đạo Phật đến với mọi người. Với sự phát triển của truyền thông đại chúng và bằng sức mạnh của trí tuệ, đức hạnh từ bi, việc hoằng pháp trở nên dễ dàng, tiện lợi. Phật tử, thiện nam tín nữ, và những ai quan tâm Phật giáo đều có thể tìm hiểu thông qua phong phú đa dạng các hình thức truyền thông đại chúng trăm hoa đua nở. Truyền thông Phật giáo giúp xiển dương, lan tỏa những hình ảnh tốt đẹp của Phật giáo trong các hoạt động hoằng pháp lợi sanh, các công tác xã hội, việc làm thiện nguyện.



Ngày nay, truyền thông Phật giáo càng có đóng góp to lớn vào quá trình hiện đại hóa Phật giáo, nhất là khi chúng ta bước vào kỷ nguyên công nghệ số. Thông qua các loại hình truyền thông đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức (như: báo giấy; audio, video; kênh truyền hình; trang báo/trang tin điện tử; thư viện số, mạng xã hội, sự kiện hội thảo tọa đàm…), việc tuyên truyền chính pháp được thể hiện rõ ràng, hiệu quả.
(Ảnh: internet)

Đặc biệt, công tác truyền thông Phật giáo cũng giúp xử lý khủng hoảng truyền thông về Phật giáo. Trong thời đại của bội thực thông tin, hình ảnh Phật giáo không thể tránh khỏi việc bị phản ánh qua lăng kính, góc nhìn tiêu cực xuất phát từ nhiều lý do chủ quan lẫn



Đặc biệt, công tác truyền thông Phật giáo cũng giúp xử lý khủng hoảng truyền thông về Phật giáo.

khách quan. Theo tâm niệm truyền thống thanh giả tự thanh, chúng ta thường lựa chọn lối ứng xử dĩ hòa vi quý, xem đó là phương pháp phù hợp với đặc thù tôn giáo. Tuy vậy, từ góc độ khoa học lý thuyết cũng như thực tiễn truyền thông chứng minh, cách xử lý này có thể dẫn đến tình trạng vấn đề khủng hoảng trở nên phức tạp khó lường, gây hệ lụy về sau đối với hình ảnh của Phật giáo, bởi sự thiếu hụt thông tin, khả năng leo thang và mất kiểm soát của vấn đề. Thế nên, thông qua các kênh truyền thông, công tác truyền thông Phật giáo trở nên có vai trò quan trọng, giúp giải tỏa dư luận, giải quyết khủng hoảng truyền thông.

Để phát huy những vai trò đó, hoạt động truyền thông Phật giáo cần những giải pháp gì, thưa ông?

Đã có nhiều giải pháp được các bên có liên quan quan tâm nghiên cứu và thảo luận trong những năm gần đây. Đầu tiên là cần tăng cường nhận thức vai trò, từ đó tạo điều kiện về chủ trương, cơ chế, nhân lực, vật lực, trang thiết bị công nghệ để công tác truyền thông Phật giáo được phát huy hiệu lực. Tư duy và cách thức truyền thông Phật giáo cũng cần phải thay đổi cho phù hợp với bối cảnh phát triển của xã hội, nhất là những đổi thay về công nghệ, văn hóa đại chúng.

Và điều quan trọng nhất là vấn đề nhân sự, nhân lực. Để nâng cao hiệu quả, những người thực hiện công tác truyền thông Phật giáo, ngoài việc am hiểu Phật pháp, cũng phải được bồi dưỡng bài bản, đào tạo chuyên nghiệp về kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ truyền thông. Và sản phẩm truyền thông Phật giáo ngày nay, không chỉ đơn thuần với hình thức bài viết, mà còn phải tích hợp đa phương tiện, lại càng đòi hỏi yêu cầu nghiệp vụ cao. Ngược lại, nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực truyền thông, nếu muốn tham gia công tác truyền thông Phật giáo, cũng cần ý thức và có trách nhiệm cao đối với việc tìm hiểu Phật giáo để có thể truyền thông Phật giáo một cách đúng đắn, chân thật.

Trở lại với câu chuyện khủng hoảng truyền thông Phật giáo mà ông đề cập ở câu trả lời trước, theo ông, đâu là phương thức khả dĩ trong hoàn cảnh hiện nay để bảo vệ hình ảnh Phật giáo?

Trước hết, như đã chia sẻ ở trên, công tác truyền thông Phật giáo, đồng thời, ở một góc độ nhất định, cũng có thể là xem là hoạt động hoằng truyền giáo pháp. Thế nên, mỗi Tăng, Ni, Phật tử đều cần giữ giới hạnh của người xuất gia, của người theo đạo, của cá nhân công dân, cần giữ giới luật, tôn trọng đạo đức, và chấp hành nghiêm túc pháp luật. Hình ảnh Phật giáo không đâu xa, chính là hình ảnh của mỗi người thực hành tôn giáo mà nên. Khủng hoảng truyền thông, dù cố ý hay vô tình, cũng sẽ bị đẩy lùi, trước những sức mạnh chân thiện mỹ mà tập thể những người thực hành tôn giáo đúng đắn mỗi ngày đóng góp dựng xây.

Bên cạnh đó, cần thực hiện công tác truyền thông Phật giáo một cách chuyên nghiệp, bài bản. Chúng ta cần có những buổi chia sẻ thông tin, gặp gỡ báo chí như bất kỳ tổ chức, thực thể đoàn thể nào khác trong xã hội. Đây là dịp để chia sẻ, để thông tin một cách cụ thể, kịp thời, chính xác và minh bạch những vấn đề phát sinh trong hoạt động Phật giáo. Khi gặp những trường hợp thiếu chuẩn mực trong một số cá thể ngoại lệ tu hành, chúng ta cần thẳng thắn phân tích, và sẵn sàng nêu rõ những lộ trình điều chỉnh xử lý (nếu có). Rõ ràng, chúng ta không thể áp dụng phương án "im lặng". Quy chế phát ngôn cần được thực thi, cần được thể hiện vai trò. Trên cơ sở đó, cần có một đội ngũ phát ngôn chuẩn mực. Đó là những người thực hiện công tác truyền thông Phật giáo có trình độ và chuyên môn về Phật giáo lẫn khả năng nghiệp vụ ứng biến truyền thông trong các tình huống.

Tất cả những gợi ý trên đều được các nhà nghiên cứu đề xuất, và đang được dần được hiện thực hóa trong hoạt động truyền thông Phật giáo thời gian gần đây. Tin rằng, với những khuyến nghị này, truyền thông Phật giáo sẽ tiếp tục có những đóng góp tích cực cho sự phát triển và hình ảnh của Phật giáo.

Cảm ơn ông về những chia sẻ vừa rồi.

Thực hiện: Hoa Niên



ThS. Trần Xuân Tiến – Phó Trưởng Bộ môn Truyền thông, Trường Đại học Văn Hiến. *(ảnh: Hữu Phúc)*



LÊN CHÙA LỄ TẠ

Chí Anh

Sáng nay, trời lất phất mưa
Con về lễ tạ nơi chùa quê hương
Xa nghe tiếng mõ, tiếng chuông
Khiến lòng cứ thấy vấn vương lạ kỳ

Nhẹ nhàng mỗi bước chân đi
Sợ làm động chốn từ bi Phật đài
Dâng lên lễ vật kính ngài
Cúi đầu sám hối trần ai lỗi lầm.

Nguyện cầu Tam Bảo chứng tâm
Giàu, nghèo xin nguyện mỗi năm đôi lần
Đầu năm, con đến cầu an
Cuối năm, lễ tạ tri ân quý ngài.

Trần gian lắm tội đúng sai
Vô minh là bởi đám mây che mờ
Con từ vô thỉ đến giờ
Chẳng hay có Phật độ trì cho con
Suốt đời con vẫn thầm mong
Chỉ xin ngài rủ tấm lòng từ bi.

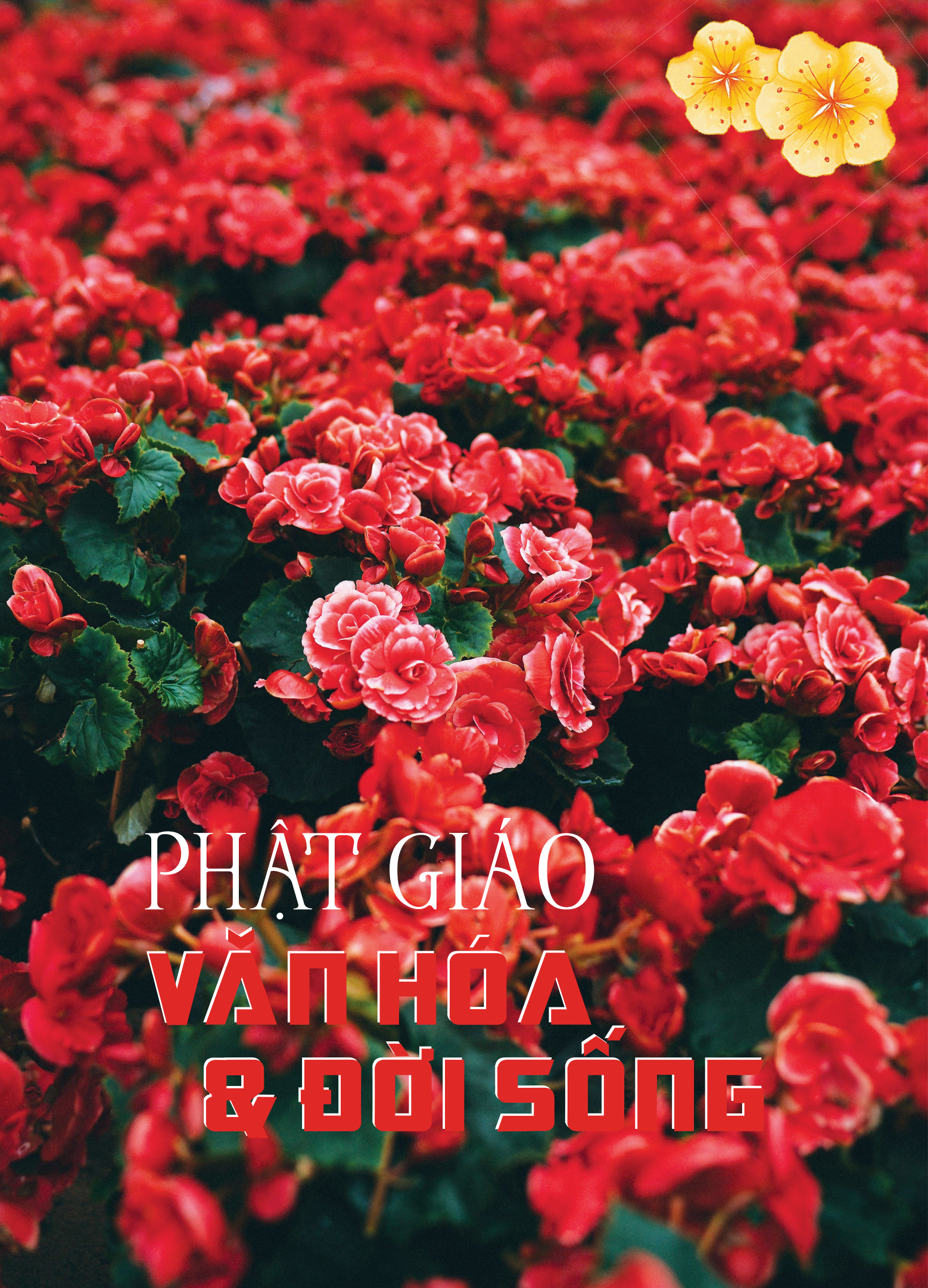
THEO HOA LÊN CHÙA

Nguyễn Ngọc Hưng

Đón xuân
Chim én gọi mùa
Đào mai cúc huệ lên chùa dâng hương
Chồi non lộc biếc bên đường
Long lanh gửi giọt tinh sương
Cúng dường.

Áo xanh
Áo đỏ
Áo hường
Liên miên dòng khách thập phương trẩy về
U trầm một kiếng chùa quê
Như người sực tỉnh cơn mê
Chuông rền...

Giật mình chim chóc bay lên
Ríu ran trong lá
Bồng bềnh trong sương
Lời kinh
Tiếng mõ
Mùi hương
Quyện thơm hơi gió vô thường
Đón xuân!


PHẬT GIÁO
VĂN HÓA
& ĐỜI SỐNG

NGÀY TẾT, GỠ RỐI... CHỮ NGHĨA

Nguyễn Quốc Dũng



Tháng Chạp do hai chữ Lạp Nguyệt 臘 月 biến thành. Người Việt đã đọc chệch chữ lạp thành chạp



Cái Tết của người Việt khởi đi từ Lễ tiễn đưa Ông Táo về trời, 23 Tháng Chạp Âm lịch. Nếu không phải thế, thì tại sao những ngày cuối Tháng Chạp, kể từ 23 trở đi, đều được gọi kèm theo với chữ Tết: 23 Tết, 24 Tết, 29, 30 Tết? Trước đó một ngày, không thể nói 22 Tết được!

Trần Tử Ngang, một nhà thơ thời Sơ Đường, đã từng tỏ bày tâm sự: "*Tiền bất kiến cổ nhân*" (nhìn về quá khứ, chẳng thấy người xưa đâu) [1], theo tôi nghĩ chưa hẳn thế. Trong ngôn ngữ dân tộc, với chữ nghĩa cổ nhân để lại, ta vẫn có thể tìm thấy bóng dáng của họ khuất đằng sau con chữ. W. Shakespeare, đại thi hào Anh, có lý khi ông cho rằng "*ngôn ngữ chính là hơi thở của tâm hồn*". Thật vậy, nghiên cứu ngôn ngữ, chúng ta có thể gặp lại những suy tư, nguyện vọng, tình cảm của bao lớp tiền nhân. Có điều, ngôn ngữ tuy luôn chắt lọc tinh hoa, đào thải những "cặn bã" đeo bám trên cơ thể mình, nhưng vẫn không tránh khỏi những áp đặt võ đoán, sai lầm của con người. Bởi thế, trong ngôn ngữ đây đó vẫn tồn tại những bất cập, rắc rối, thậm chí phi lý, không thể "sửa sai"! Sau đây là một số trường hợp.

TẠI SAO LẠI GỌI GIÊNG, CHẠP?

Việt Nam là một nước nông nghiệp nên từ xa xưa người Việt dùng Âm lịch để tiện tính toán mùa vụ cho hợp với thời tiết. Tên gọi các tháng trong năm chủ yếu đặt theo hệ số đếm: *Tháng Hai, Tháng Ba, Tháng Tư*… Nhưng, riêng hai tháng đầu và cuối năm bị "trật đường rây", thoát ra ngoài hệ số ấy (lỗi hệ thống): *Tháng Giêng, Tháng Chạp*. Tại sao lại có hiện tượng trật đường rây như vậy? Nghiên cứu tài liệu, đối chiếu với hệ tên gọi các tháng của người Trung Hoa, ta thấy chúng không khác. Cách định danh các tháng của người Trung Hoa (*Chính Nguyệt, Nhị Nguyệt, Tam Nguyệt, Tứ nguyệt,… Thập nhất nguyệt, Lạp Nguyệt*) cho thấy người Việt ta đã học hỏi theo cách định danh của người phương Bắc. Điều ấy thể hiện khá rõ ở cách



gọi tên theo số đếm, đặc biệt ở chỗ biến di ngữ âm và lỗi hệ thống của tên gọi.

Tháng Giêng, sở dĩ có tên gọi như thế là do người Việt đã chuyển âm dịch nghĩa từ Chính Nguyệt 正月 của người Hán: *Nguyệt* nghĩa là tháng, *Chính* đọc trại thành *Giêng*. Trong quá trình biến âm lịch sử của tiếng Việt, CH đã biến âm thành GI, tương tự như: *chủng* > *giống; chỉ* > *giấy; chi* > *gì*…

Tháng Chạp do hai chữ Lạp Nguyệt 臘月 biến thành. Người Việt đã đọc chệch chữ *lạp* thành *chạp*. *Lạp* vốn có nghĩa là "*thịt cá ướp muối*" [2]. Người Trung Hoa vốn rất sành ăn uống (tục ngữ ta có câu: ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhật); vào cử tháng 12 âm lịch, họ có thói quen ướp muối thịt cá để cúng tất niên và ăn Tết, nên tháng này được gọi là *Lạp nguyệt*. Theo *Từ điển Thiều Chửu*, từ thời nhà Chu (Trung Quốc), đã có tập tục bày lễ cúng tế cuối năm (tất niên) được gọi là Đại lạp 大臘. Chữ *lạp* hiện nay vẫn còn lưu giữ trong kho từ vựng tiếng Việt qua từ *lạp xưởng*, *"một món ăn làm bằng thịt trộn với diêm tiêu, nhồi vào ruột lợn rồi phơi hoặc sấy khô"* [3], hay từ *bạch lạp* (đèn sáp, đèn cầy). Sau khi nhập tịch tiếng ta, từ *Chạp* đã tạo nên những từ ngữ thông dụng như *giỗ chạp, ăn chạp, chạp mồ, chạp mả.* Đây là những từ ngữ dùng để chỉ các sự việc thiêng liêng diễn ra trong Tháng Chạp: Lễ cúng tổ tiên (giỗ chạp); hoạt động thăm, sửa sang lại mồ mả (chạp mả, chạp mồ). Ở một số tỉnh miền Trung như Quảng Nam, Quảng Ngãi…, từ Chạp có ý nghĩa mở rộng uyển chuyển hơn: Ở những địa phương này, việc tế lễ và thăm nom



Tháng Giêng, sở dĩ có tên gọi như thế là do người Việt đã chuyển âm dịch nghĩa từ Chính Nguyệt 正月 của người Hán: Nguyệt nghĩa là tháng, Chính đọc trại thành Giêng.

sửa sang lại mồ mả được tổ chức vào dịp "*Thanh Minh trong tiết tháng ba*" cho nên từ Chạp mất đi nét nghĩa *"tháng 12 âm lịch"* hay *"cuối năm"*.

Thực ra, cớ sự "tréo cẳng ngỗng" như trên đâu phải chỉ trong tiếng ta! Ở các ngôn ngữ khác cũng có, chẳng hạn tiếng Pháp, tiếng Anh. Duyệt lại hệ thống tên gọi các tháng trong hai ngôn ngữ này, ta bắt gặp những bất cập còn đáng phàn nàn hơn. Các tháng 9, 10, 11, 12 được định danh một cách khá phi lý: *Septembre, Octobre, Novembre, Décembre* (Pháp); *September, October, November, December* (Anh).

Một cách chính xác, các từ này từ xa xưa vốn được dùng để chỉ lần lượt các tháng 7, 8, 9, 10! Bởi vì bản lai diện mục của chúng xuất phát từ gốc Latinh với các căn tố có nghĩa như sau: *septem* (7), *octo* (8), *novem* (9), *decem* (10). Có hiện tượng chướng tai gai mắt như vậy là do sự điều chỉnh lịch pháp của chính quyền La Mã thời xưa. Trước đó, người La Mã quy định một năm 12 tháng và bắt đầu từ Tháng Mars/March (tức là Tháng Một; ngày nay có nghĩa là Tháng Ba, tính lùi về sau hai tháng). Từ lai lịch ấy, có thể dễ dàng suy ra tính hợp lý ngữ nghĩa ban đầu của tên gọi các tháng đã nêu trên: Septembre/September (Tháng 7), Octobre/October (Tháng 8), vv… Sự điều chỉnh lịch pháp như thế ở ta cũng có. Tính theo hệ can chi, người Việt và người Trung Quốc đã từng xem tháng 11 là tháng đầu năm (tháng *Kiến Tý*) [4], mở đầu bằng cầm tinh Con Chuột, và Tháng Giêng thực chất là tháng thứ ba cầm tinh Con Cọp (*Kiến Dần*)!

MỘT TUẦN CÓ TÁM NGÀY?

Thời gian tự nhiên [5] được con người phân chia thành *năm, tháng, tuần, ngày, giờ*… Theo Âm lịch, *tuần* là thời gian 10 ngày (một tháng có ba tuần: thượng tuần, trung tuần, hạ tuần), cũng có thể hiểu là thời gian 10 năm (vd. tuổi *lục tuần* là tuổi 60).

Theo Dương lịch, một *tuần* (còn gọi *tuần lễ*) có bảy ngày. Căn cứ trên nhận thức thông thường của người Việt, tuần bắt đầu từ ngày Thứ Hai. Lời một bài hát thiếu nhi xác nhận: "*Thứ Hai là ngày đầu tuần*…". Vậy, xin hỏi các cô bác ngày Thứ Nhất trốn đi đâu? Đây là câu hỏi ngây thơ và khá bất ngờ của trẻ nhỏ mà lắm khi nhiều bậc cha mẹ, phụ huynh, những bậc trưởng thượng không khỏi "ngớ" ra vì lúng túng, mơ hồ. Thật ra, câu trả lời không khó, nếu ta chịu suy nghĩ một chút thôi: Một tuần có bảy ngày thì trong chuỗi ngày của tuần, tất nhiên Thứ Bảy là ngày cuối tuần. Từ đó, suy ra Chủ Nhật phải được hiểu là ngày Thứ Nhất, ngày mở đầu một tuần lễ. Truy cứu từ nguyên theo lịch pháp phương Tây, Từ điển Larousse của Pháp cho biết, Chủ Nhật (còn gọi Chúa Nhật, Dimanche) là Ngày của Chúa (*Jour du Seigneur*, Latinh: *Dies Dominicus*), và đó "*là ngày đầu tiên trong tuần dành để nghỉ ngơi*". Điều thú vị là ngày nay, theo thói quen lao động và tâm lý cộng đồng (và ngay cả quy định nhà nước), Thứ Bảy và Chủ Nhật được chúng ta xem là "*những ngày cuối tuần*"! Thói quen và quy định ấy khiến mọi người có cảm giác *một tuần lễ có tám ngày*! Người Trung Quốc cũng xếp Chủ Nhật vào ngày cuối tuần như ta, nhưng một cách hợp lý, họ đã gọi ngày Thứ Hai là *Tinh kỳ nhất*, tức ngày

Thứ Nhất của tuần. Sự chuyển đổi tâm lý ngôn ngữ của người Việt vô tình làm tiếng Việt thêm trúc trắc [6].

TẾT CÓ BAO NHIÊU NGÀY?

Thông thường, rõ như ban ngày, ta nói: "*Ba ngày Tết*". Nhưng thật ra có đúng như vậy hay không? Về mặt chính sách hiện tại, điều đó đúng trăm phần trăm. Tuy nhiên, về mặt tâm lý, tâm linh dân tộc, người Việt đã bắt đầu cái Tết rất sớm và kết thúc cũng khá muộn. Cái Tết của người Việt khởi đi từ Lễ tiễn đưa Ông Táo về trời, 23 Tháng Chạp Âm lịch. Nếu không phải thế, thì tại sao những ngày cuối Tháng Chạp, kể từ 23 trở đi, đều được gọi kèm theo với chữ Tết: 23 Tết, 24 Tết, 29, 30 Tết? Trước đó một ngày, không thể nói 22 Tết được! Bước qua Giao Thừa, người Việt thực sự hưởng ba ngày Tết đúng nghĩa với lễ nghi tập quán của mình. Ngày xưa, lễ nghi tập quán ấy là: *Mồng một tết Cha, mồng hai tết Mẹ, mồng ba tết Thầy*. Cứ nghĩ sau lễ cúng tiễn tổ tiên ông bà vào chiều mồng ba Tháng Giêng là hết Tết, nhưng thực ra "vậy mà không phải vậy". Là "vậy", khi theo quy định nhà nước, Mồng bốn là ngày khởi sự của năm mới, chính thức trở về với công việc ngày thường. Nhưng, không phải là "vậy", khi trong tâm thức người Việt, chữ Tết vẫn còn cặp kè dây dưa đến tận mồng 9! Sự dây dưa ấy được ghi dấu rất chi là rõ ràng trong cách nói "đậm đà sắc xuân, hạnh phúc bất tận", như thể không dừng được: *Mồng bốn Tết, Mồng năm Tết… Mồng tám, Mồng chín Tết*! Đã thế, người Việt ta dường như còn muốn chèo kéo thêm hơn thế nữa: *Tháng Giêng là tháng ăn chơi*! Thật là:

Hết ba ngày Tết vừa chưa?
Hay anh lại muốn lưa dưa hết Mồng?
Hết Mồng còn muốn ngồi không,
Hay anh lại muốn sang Mồng tháng sau?

Tính nhẩm lại, Tết ta có bao nhiêu ngày? Tuỳ theo Tháng Chạp thiếu hay đủ, trước và sau Tết vị chi người Việt có tất cả đến 16 hoặc 17 ngày [7] để đã đời sắm sửa và ăn chơi Tết một cách thoải mái! Cái sự ăn Tết của người Việt sở dĩ kéo dài lê thê như thế, bởi lẽ nước ta vốn là một nước nông nghiệp; Chạp và Giêng là hai tháng nông nhàn, mọi người (và ngay cả trâu bò phục vụ cấy cày) đều được nghỉ ngơi, bồi dưỡng, chuẩn bị sức lực cho vụ mùa sắp tới.

Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội, cho nên sự biến đổi của ngôn ngữ là một lẽ thường. Ngôn ngữ do con người tạo ra, nên con người hiểu lầm rằng họ có quyền áp đặt lên ngôn ngữ những "sai trái", có khi "phi lý", bất chấp sự phá vỡ trật tự vốn có của hệ thống ngôn ngữ. Các vua chúa phong kiến thời trước, triều Nguyễn chẳng hạn, đã tự ý, tự quyền tạo nên những "từ ngữ kiêng kỵ" làm thay đổi diện mạo nhiều từ ngữ dân tộc, gây khốn khổ cho biết bao sĩ tử trong các cuộc sát hạch thi cử tuyển chọn nhân tài! Trong thời đại khoa học tiến bộ ngày nay, không phải không có những "sai lệch", "lỗi hệ thống". Bởi vậy, ngôn ngữ luôn cần được chuẩn hoá để nó phát triển đúng quy luật, hợp lý, đáp ứng tốt nhất nhu cầu diễn đạt và tư duy của con người.



Ngày xưa, lễ nghi tập quán ấy là: Mồng một tết Cha, mồng hai tết Mẹ, mồng ba tết Thầy.

Chú thích:

[1] Trích bài thơ *Đăng U Châu đài ca* của Trần Tử Ngang.
[2] Theo Lạc Thiên, 1200 chữ Hán thông dụng, Hội ngôn ngữ học TP Hồ Chí Minh, 1992, tr.93. Hoặc: Thiều Chửu, *Hán Việt từ điển*, Hà Nội, 1942.
[3] Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, ĐN, 1992.
[4] Bởi lẽ đó, lịch biểu hằng năm của ta có khi ghi tháng 11 âm lịch là Tháng Một.
[5] Khác với thời gian tâm lý (vd. Nhất niên tại tù, thiên thu tại ngoại: một năm trong tù bằng ngàn năm ngoài tù).
[6] Tiếng Anh, tiếng Pháp thừa hưởng cái may mắn của La Mã khi gọi tên các ngày trong tuần lễ theo tên Thánh hay sự vật nên Chủ Nhật có thể xem như ngày đầu hay cuối tuần đều được.
[7] Trước Tết, có 7 hoặc 8 ngày (từ ngày 23 đến 29 hoặc 30 Tết) + 9 ngày sau Tết = 17 hoặc 18 ngày.

ẢNH HƯỞNG của PHẬT GIÁO đối với tục "Thí giàn" ở Nam bộ

SC. Thích Nữ Thánh Nhã*



Tóm tắt: *Phật giáo theo chân những di dân khẩn hoang miền Nam từ thế kỷ XVII đến vùng đất Nam bộ ngày nay. Do đó, ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống văn hóa và tín ngưỡng của người dân Nam bộ khá rõ nét, trong đó có tục Thí giàn của người dân Nam bộ. Qua việc khảo cứu về tục Thí giàn và văn hóa Phật giáo dân gian, tác giả cho thấy những nét tiếp biến văn hóa của Phật giáo trong tục lệ này.*
Từ khóa: *Nam bộ, thí giàn, Phật giáo Nam bộ*

Là một vùng đất đa tộc người, nơi đất lành chim đậu của di dân người Việt, người Khmer, người Hoa, người Chăm và các tộc người khác, Nam bộ được xem là vùng đất có

Thí giàn là một lễ tục lâu đời, thường được tổ chức vào dịp giữa tháng Bảy âm lịch (vào ngày 14, 15,16 tháng Bảy) và phổ biến nhiều ở các tỉnh thành Nam bộ như: Đồng Nai, Sài Gòn, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Trà Vinh,… *(Ảnh: sưu tầm)*

nhiều tín ngưỡng phong phú, đa dạng nhất của Việt Nam. Trong đó, tục Thí giàn gắn liền với Phật giáo được đánh giá như một ngày hội lớn của người dân Nam bộ.

ĐÔI NÉT VỀ TỤC THÍ GIÀN Ở NAM BỘ

Thí giàn là một lễ tục lâu đời, thường được tổ chức vào dịp giữa tháng Bảy âm lịch (vào ngày 14, 15,16 tháng Bảy) và phổ biến nhiều ở các tỉnh thành Nam bộ như: Đồng Nai, Sài Gòn, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Trà Vinh,… Dân gian còn gọi tục thí giàn là ngày *"xá tội vong nhân"* hay lễ *"cúng cô hồn"*. Tiến sĩ Trần Thuận trong *Vài nét Nam bộ lịch sử văn hóa* [1] cho rằng tục này gắn liền với hai tích truyện có trong Phật giáo Đại thừa: Chuyện ngài Mục Kiền Liên cứu mẹ và chuyện ngài Anan gặp quỷ đói. Đặc biệt, trong câu chuyện ngài Anan gặp quỷ đói có chi tiết ngài Anan thỉnh ý Đức Phật cho quỷ đói ăn và được Phật cho bài chú *"cứu bạt diệm khẩu ngạ quỷ Đà La Ni"* nên tục cúng cô hồn còn gọi là *"thả quỷ miệng lửa"* hay *"phóng diệm khẩu"*. Dần dần, theo sự chuyển biến của thời gian, câu chuyện cũng được hiểu theo một nghĩa khác thành tha tội cho những người đã chết (xá tội vong nhân) hay bá thí cho những vong hồn không nơi nương tựa (cô hồn) [2].

Cũng từ ảnh hưởng Phật giáo trong hai câu chuyện trên mà vào dịp rằm tháng bảy, hầu hết các gia đình người Việt Nam luôn có hai mâm cơm, một cho ông bà và người thân đã mất tại bàn thờ gia tiên, một cho những người khuất mặt được bày biện ở ngoài sân nhà hay trước cửa nhà. Mâm cơm cúng ông bà được người Việt quan niệm rằng thân bằng, quyến thuộc đã mất của gia đình sẽ trở về trong ngày này nên ngoài hương, đăng, hoa quả thì lễ vật còn nhiều thứ làm bằng giấy (đồ mã) tượng trưng cho quần áo, nhà, xe, tiền… theo cách hiểu người cõi dương cần gì thì người âm cũng cần như thế (Âm – Dương nhất lý). Theo đó, mâm lễ cúng cô hồn cũng được bày biện các lễ vật tương tự và được miêu tả như sau: *"Họ bày cúng ở trước cửa nhà. Đồ lễ đặt trên một các mẹt, hoặc cái nong tùy theo nhiều hay ít và thường gồm có cháo hoa […] Đồ mã thường là những quần áo cắt nhỏ, thành từng xấp. Quần áo tuy cắt nhỏ, nhưng tục tin rằng, xuống cõi âm, sẽ biến để các "âm hồn" vừa mặc"* [3]. Sau khi cúng tế, khấn vái xong đồ cúng sẽ được gia chủ bá thí cho người khác, thường là trẻ con để tượng trưng cho những cô hồn đến lấy. Riêng vàng mã sẽ được đốt cho người chết được hưởng. Vì hình thức đốt vàng mã giống với Trung Hoa nên nhiều người cho rằng ngày lễ này ảnh hưởng từ văn hóa Trung Hoa nhưng thực chất phong tục này thuộc về nền văn hiến Việt [4].

Tục thí giàn không chỉ diễn ra tại tư gia, các cơ sở kinh doanh, xí nghiệp, chợ… mà lớn nhất là trong các đình, chùa, miếu với cúng đình, cúng chùa. Ở miền Nam, đặc biệt ở Sài Gòn (trước đây) còn gọi là lễ Tống ôn, lễ cúng dành riêng cho cô hồn ở miếu thờ cô hồn, ngôi miếu mà đối tượng được thờ ở chính điện là Tiêu Diện Đại sĩ [5]. Ở các lễ này thường quy tụ số lượng lớn người tham gia nên



Phật giáo luôn khích lệ văn hóa đền ơn và biết ơn, con người làm việc thiện để đền trả "tứ ân" trong đời, đó là: hiếu đạo với chư tăng; hiếu kính với cha mẹ, thầy cô; ơn Tổ quốc; ơn đồng loại, chứ không phải là những kiêng kỵ trong tháng cô hồn.

phẩm vật và các nghi lễ cũng vì vậy mà được chuẩn bị bài bản, quy mô hơn. Điều này được miêu tả như sau: *"Lễ cúng tại đình, chùa, cầu, quán tổ chức có quy mô hơn, có khi cũng đặt đàn làm chay như lễ Kỳ an lúc cuối xuân đầu hạ [...] Khi cúng xong, những người nghèo đem liễn tới xin cháo, các mục đồng và trẻ con xô nhau vào cướp những hoa quả bánh trái, tục gọi là cướp cháo"* [6]. Sau khi cúng xong, các phẩm vật sẽ bá thí cho mọi người. Và vì đông người lấy phẩm vật nên thường xảy ra hiện tượng chen lấn, xô đẩy, tranh phần nhau ngay trên mâm cúng. Hiện tượng này diễn ra khá phổ biến trên mọi miền đất nước nhưng trong Nam thường gắn với giàn lễ, nên gọi là *Thí giàn* hay *Giựt giàn.*

Ở đây, từ **"Giàn"** trong "Thí giàn" hay "Giựt giàn" cần được hiểu rằng không phải là lễ cúng "Giàng" như đồng bào các dân tộc miền cao như một số nguồn giải thích. Bởi lẽ mục đích, nội dung cũng như cách thức thể hiện không liên quan gì đến Giàng, một vị thần được tôn sùng của người dân bản cao. Thật ra, từ "Giàn" (tháp hay cộ, cỗ) xuất phát từ việc người ta sắp xếp các lễ vật cúng dường lên các giàn cây thay cho tháp nhỏ trong các buổi cúng thí lớn tại chùa hay đình miếu. Và "Giựt giàn" diễn ra sau khi cúng xong mọi người sẽ tự giành phẩm vật cho mình, phần nhiều là trẻ con sẽ tranh nhau giành giựt lấy các món như bánh, kẹo, trái cây,… Vì lẽ đó mà tục này còn gọi là "cướp giàn".

Tương tự, từ **"Vàng"** trong "Giựt vàng" cũng xuất phát từ thực tế là chiếc thẻ màu vàng làm từ gỗ hoặc tre được sơn màu vàng do ban tổ chức của chùa hay đình miếu chuẩn bị, không phải là vàng bằng giấy (vàng mã) bày biện trên mâm cúng. Bởi, trên mỗi chiếc thẻ vàng ban tổ chức sẽ đánh số tương ứng với số được ghi trên tháp, trên giàn. Và thay vì tranh vật cúng, mọi người sẽ cố gắng mà tranh lấy thẻ vàng, thẻ đụn (thẻ đặc biệt dành cho người may mắn nhất) để đổi lấy phần phẩm vật trên tháp hoặc trên giàn tương xứng với thẻ mà mình giật được. Gọi tục *"Giựt vàng"* là do đây vậy.

Từ sự phân tích trên, ta thấy tục "thí giàn" hay "giựt giàn" vẫn được dùng để chỉ một loại hình tín ngưỡng dân gian của người dân Nam bộ đã có từ rất lâu. Do đó, tục "thí giàn" luôn được xem là một nét văn hóa đặc sắc, đầy tính nhân văn của người Việt nói chung và người dân Nam bộ nói riêng.

TỤC THÍ GIÀN VÀ LỄ HỘI VU LAN

Tục thí giàn (lễ Xá tội vong nhân hay lễ cúng cô hồn) thường tổ chức trùng với lễ Vu lan Thắng hội của Phật giáo (ngày rằm tháng bảy âm lịch) nên thường bị nhầm lẫn hai lễ này là một. Sự nhầm lẫn này theo các chuyên gia văn hóa là *"do sự giao thoa giữa các nền văn hóa, sự pha trộn giữa đông tây, giữa tín ngưỡng và phong tục truyền thống"* [7]. Thực ra, lễ Thí giàn và lễ Vu lan tuy có một số tương đồng về mặt ý nghĩa nhưng lại khác nhau về nguồn gốc, xuất xứ của phong tục, nghi lễ.

Theo nghiên cứu thì lễ hội Vu lan đã tồn tại đến 1500 năm tại Trung Quốc [8] và được biết đến qua hai bản kinh *"Vu Lan"* và *"Báo hiếu công ơn cha mẹ"* với nội dung nhắc đến công sanh thành dưỡng dục của cha mẹ và phương cách đền đáp công ơn cha mẹ theo quan điểm của Phật giáo Bắc tông. Hòa thượng Thích Trí Quảng giải thích thêm rằng: *"ngày rằm tháng Bảy là ngày mưa dầm gió bấc khiến người ta dễ liên tưởng đến tất cả vong linh đang bị đói lạnh, hoặc khổ đau trong những cảnh giới siêu hình. Vì thế, Phật giáo Trung Hoa đã khéo kết hợp ngày rằm tháng 7 với mùa Vu lan theo Kinh Vu lan bồn và cũng là ngày Tự tứ của chư Tăng Phật giáo Bắc tông"* [9]. Từ đây, việc cầu siêu bạt độ cho hương linh vào ngày rằm tháng 7 ở các chùa Việt Nam được dân chúng chấp nhận, tin theo và lưu truyền cho đến tận ngày nay.

Như vậy có thể thấy ngày rằm tháng bảy xá tội vong nhân, lễ Vu Lan báo hiếu và lễ cúng cô hồn trong văn hóa dân gian đã có mối quan hệ mật thiết với nhau. Cả ba đều mang màu sắc tín ngưỡng Phật giáo của người dân Việt trong đời sống sinh hoạt tâm linh. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, Phật giáo không ghi nhận có lễ cúng cô hồn hay tháng cô hồn như một số nhận xét chưa chính xác.

LỄ THÍ GIÀN VÀ CÁCH THỨC THỂ HIỆN

Lễ thí giàn là một trong những lễ hội mang giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt, và cũng như nhiều lễ hội khác, bao gồm phần lễ và phần hội. Phần "Lễ" luôn gắn với nhu cầu tâm linh như: cầu, cúng, rước, tụng, lạy,… bằng sự trang trọng mang tính suy nghiệm, hướng về những người đã mất và cầu cho họ được siêu thoát, không chịu cảnh thiếu thốn, khổ đau. Phần "Hội" trong "thí giàn" thường tổ chức rất đông vui với những cảnh giành phần lễ

phẩm trên các tháp, các giàn để giải tỏa tâm lý, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt trong cộng đồng [10]. Tục thí giàn thường được diễn ra khá đa dạng và phong phú về loại hình cũng như quy mô tổ chức. Nói theo nhà nghiên cứu văn hóa Trịnh Sinh thì lễ cúng cô hồn (lễ thí giàn) là tín ngưỡng được truyền miệng nên không có quy định hay quy tắc cụ thể nào về cách thức thực hiện [11]. Do vậy, tục thí giàn có nhiều dị bản, áp dụng cho nhiều vùng miền với các phong tục khác nhau. Từ quy mô nhỏ như gia đình, cơ sở kinh doanh, buôn bán… chỉ cần vài mâm, khay, thậm chí tấm giấy báo cũng có thể bày biện lễ phẩm mang ra cúng. Cho đến quy mô lớn như: Đình, chùa, am, miếu, nhà thờ tổ nghề… được tổ chức bài bản, chu đáo hơn. Chẳng hạn như Lễ hội Miếu Ông Bổn ở Bình Dương thường diễn ra vào mùa xuân (ngày 2 tháng Giêng âm lịch) và mùa thu (ngày 4 tháng 7 âm lịch). Với ý nghĩa mang lòng biết ơn đến cội nguồn (Ông Bổn), tôn trọng vùng đất mình sinh sống cũng như mong được các vị tổ nghề phù hộ nên người dân thường tổ chức rất long trọng, thu hút hàng trăm người tham dự được miêu tả lại như sau: *"Chương trình lễ hội bao gồm có các nghi thức cúng tế theo Đạo giáo do các thầy pháp chuyên nghiệp đảm trách. Kế đó là lễ rước kiệu các vị thần, kéo dài suốt đêm với hàng chục cây số bao quanh khu vực dân cư, không khí hết sức tưng bừng, náo nhiệt và hoành tráng. Trong lễ hội còn có hát Hồ Quảng, múa cù, múa lân sư rồng, đặc biệt là múa hầu thu hút đông đảo người xem"* [12]. Như vậy, tục thí giàn sẽ được bắt đầu sau nghi thức cầu cúng với lời cầu nguyện xin cho mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu.

Trong *Vài nét Nam bộ lịch sử và văn hóa* [13] cũng kể lại nhiều lễ thí giàn và cách thức thực hiện ở nhiều nơi như: Nhà máy, xí nghiệp, xưởng hiệu thì đổ nhiều tấn khoai, sắn, bánh trái,… trước cửa hiệu để cúng và cho mọi người "giựt giàn". Các tiểu thương ở chợ buôn bán nhỏ lẻ thì không đợi đến rằm tháng Bảy mới cúng mà có thể là trước hoặc sau đó vài hôm. Hay các chủ tàu, xe với quan niệm các oan hồn lẩn quẩn nơi họ xảy ra tai nạn (thường là ngã ba, ngã tư đường) cho nên họ thường bày cúng long trọng vào ngày rằm tháng bảy nhằm khấn vái, xin các oan hồn đừng quấy phá công việc làm ăn của họ. Ở một số địa phương Nam Bộ, lễ thí giàn còn gắn liền với lễ cúng "cháo ghẻ" [14] như sau: *"Mọi người khi cúng cháo tin rằng các cô hồn những cô nhi yêu vong, những người chết đường chết chợ, những người chết không ai biết, không ai cúng giỗ sẽ tới phối hưởng lễ cúng làm phúc trong ngày "xá tội vong nhân" này"* [15]. Qua đây, có thể thấy, dân gian quan niệm bên cạnh việc cúng dường cho người thân đã khuất thì người dân còn tưởng đến các vong hồn không siêu thoát. Họ thành tâm mong những vong hồn côi cút, không chốn được thoát cảnh đói khát.

Tóm lại, lễ thí giàn và cách thức thực hiện tuy đa dạng, phong phú nhưng đều mang ý nghĩa tâm linh và giá trị nhân văn của người Việt Nam. Đây là truyền thống tốt đẹp cần được giữ gìn và phát huy các mặt tích cực trong việc thể hiện ra đời sống xã hội ngày nay.

TỤC THÍ GIÀN – TÍNH NHÂN VĂN VÀ GIÁ TRỊ TÂM LINH PHẬT GIÁO

Đề cao báo Hiếu và làm phúc bố thí

Từ sự phân tích trên ta thấy, tục Thí giàn không những mang đậm màu sắc tín ngưỡng Phật giáo của người Việt mà còn thể hiện tính nhân văn trong việc đề cao hiếu đạo và làm phúc bố thí. Với xuất phát điểm là sự thành tâm hướng về nguồn cội, ông bà tổ tiên nên thí giàn được xem như sợi dây vô hình gắn kết sự giao cảm giữa người sống và người đã khuất. Niềm tin vào sự hiếu thảo, năng lượng tu tập của sự thiện lành sẽ tạo ra phước báo gửi đến người thân thoát khỏi cảnh khổ đau, đói lạnh. Thế nên, trong những ngày tháng Bảy các gia đình thường đến chùa tổ chức trai Tăng, trai phạn hoặc sắm sanh lễ vật rồi thỉnh chư Tăng đến nhà tụng kinh, cầu nguyện với quan niệm rằng năng lực của mười phương Tăng có thể cứu độ vong linh của người thân đã mất. Trong *Tìm hiểu phong tục Việt Nam qua Tết lễ hội hè* cũng ghi lại rằng: *"Theo tín ngưỡng, ta thường cho ngày rằm tháng Bảy là ngày "vong nhân xá tội" […] những gia đình có người mới mất, cũng nhân dịp này mời tăng ni tới làm chay tụng kinh "* [16]. Đây được xem là một trong những hành động thể hiện lòng tri ân và báo ân của người con hiếu đạo đúng như lời Phật dạy trong *Kinh Trung bộ* về việc cúng tế cho người đã khuất như sau: *"Và này các Tỳ kheo, thế nào là chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y? Có bố thí, có cúng dường, có tế tự, có quả báo các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, có các loài hóa sanh ... là chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y"* [17].



Tục Thí giàn không những mang đậm màu sắc tín ngưỡng Phật giáo của người Việt mà còn thể hiện tính nhân văn trong việc đề cao hiếu đạo và làm phúc bố thí.

Tinh thần hiếu đạo của Phật giáo được thể hiện trên cả hai phương diện: vật chất và tinh thần. Khi sanh tiền thì người con hiếu phải biết phụng dưỡng và hướng cha mẹ làm những điều thiện lành. Đến khi thác, sự hiếu đễ của con cháu nằm nơi việc tu dưỡng, vun bồi phước đức cho chính mình và hồi hướng công đức cho cửu huyền thất tổ nương nhờ. Điều này được ghi lại trong kinh như sau: *"Nhưng này các Tỳ kheo, ai đối với mẹ cha không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỳ kheo là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha"* [18a]. Vậy nên, việc cúng tế, thí giàn được Phật giáo xem như nét đẹp của văn hóa truyền thống và được vận dụng như phương tiện chuyển tải những thông điệp mang tính xây dựng nhân cách con người về chữ hiếu và làm phúc bố thí. Bởi, nếu giáo lý Phật về mặt triết học, giáo lý và lý luận tâm linh giúp con người giác ngộ thì nghi lễ các khoa cúng thí thực, và đàn chẩn tế cô hồn có thể được xem là con đường tôn giáo tín ngưỡng, một sự quan tâm thiết thực cho sự khổ đau và mất mát của con người trong đời sống hằng ngày. Điều này luôn phù hợp với tâm tư nguyện vọng của quần chúng người Việt khi thấm nhuần tinh thần báo ân và tri ân của Phật giáo, nhất là những bậc có công sinh thành dưỡng dục.

Từ quan điểm Phật giáo cho rằng mang thân người thì chắc hẳn luôn có những mối liên hệ về nguồn cội của mình như trong *Kinh Trung Bộ* [18b] nói muốn có thân người cần phải có ba sự hòa hợp, hai trong ba yếu tố đó chính là của cha và của mẹ. Đức Phật còn khẳng định như sau: *"Này các Tỳ kheo, có rất ít chúng sanh được tái sanh làm người! Có rất nhiều chúng sanh phải tái sanh ra ngoài loài người"* [19]. Thế nên, để có được địa vị của bậc chân nhân thì phải biết ơn và nhớ ơn bậc sanh thành dưỡng dục. Do vậy mà tục thí giàn theo quan điểm của Phật giáo trong việc đề cao hiếu đạo luôn được tiếp nhận một cách tự nhiên và trở thành lễ hội tâm linh của đại đa số người Việt.

Phật giáo luôn khích lệ văn hóa đền ơn và biết ơn, con người làm việc thiện để đền trả "tứ ân" trong

đời, đó là: hiếu đạo với chư tăng; hiếu kính với cha mẹ, thầy cô; ơn Tổ quốc; ơn đồng loại, chứ không phải là những kiêng kỵ trong tháng cô hồn. Đối với các Phật tử tại gia, ngày này được xem như biểu tượng của đạo hiếu. Đạo hiếu phải được áp dụng hàng ngày, hàng giờ nhưng để lấy biểu tượng và cho mọi người nhớ thì Phật giáo Đại thừa nhấn mạnh vào ngày rằm tháng 7. Cho nên 2 ngày này không nên gọi nhầm là ngày cô hồn hay ngày cúng cô hồn. Đó là ngày Phật tử nhắc nhở, đánh giá mình về hạnh hiếu, phụng dưỡng vật chất, phụng dưỡng tinh thần, phát triển đạo đức, lập nghiệp chân chính, quan tâm đến cha mẹ, biết chăm lo cho gia đình, góp phần phát triển xã hội.

Bên cạnh đó, những tác phẩm văn hoá nghệ thuật diễn xướng dân gian truyền thống như vở Chèo: Mục Liên báo ân, Tuồng: *Ban sắc xá cách, Cải lương: Mục Liên - Thanh Đề,* v.v… Đặc biệt "đàn tràng" hay "đàn trai" của phong tục "Tháng Bảy ngày rằm xá tội vong nhân" của người Việt với "Đàn tràng Vu lan" trong Phật giáo ngoài ý nghĩa giá trị trong kho tàng văn hoá dân gian Việt Nam, mang tính tôn giáo và các sinh hoạt nghi lễ tâm linh của người Việt còn truyền tải nhiều giá trị đạo đức cần phải có của con người. Như thượng tọa Thích Minh Hiền nói: *"Tâm thức của người xem nằm trong vùng thăng hoa của nghệ thuật, cung kính chư Phật, chí hiếu Mẹ Cha, từ ái với chúng sinh, sửa mình quy thiện, tâm ấy*



Tình thương yêu của Phật giáo không dừng lại ở việc dạy con cháu hiếu thảo ông bà cha mẹ thông qua hình thức cúng thí mà còn dạy về tính chất và những phẩm vật dùng để cúng tế không nên chuyên chở sự khổ đau thêm cho các chúng sanh như: "Nhưng này Bà-la-môn, Ta không phải không tán thán tất cả loại tế đàn … này Ba-la-môn, Ta tán thán tế đàn không có sát sanh".

tức Phật tính, là tỉnh thức, là Giác..." [20]. Trong các tác phẩm như: *Bảo đường ca, Triệu linh thần, Văn thỉnh thập loại cô hồn, Kế hạnh thập ân, Chèo thuyền ca cách* v.v… cho ta thấy không chỉ về nét đẹp sinh hoạt văn hoá tâm linh nằm trong chuỗi các nghi thức hàng năm của tín ngưỡng Phật giáo mà còn cho ta phần nào cảm nhận được ý nghĩa nhân văn của phong tục từ thế hệ cha ông truyền đến tận ngày nay.

Tóm lại, mặc dù theo thời gian đã xuất hiện những "biến thể" và dị biệt trong câu chuyện gốc nhưng ý nghĩa trong việc thể hiện lòng kính trọng, biết ơn với ông bà cha mẹ, đề cao báo hiếu và làm phúc bố thí luôn được người Việt trân trọng, giữ gìn.

Tục thí giàn gắn với tinh thần từ, bi, hỷ, xả của Phật giáo

Từ giá trị nhân văn trong việc đề cao chữ hiếu và làm phúc bố thí ta thấy ý nghĩa tâm linh còn là tinh thần từ, bi, hỷ, xả của Phật giáo. Tinh thần này được thể hiện đối với người đang sống khi quan niệm rằng các linh hồn dù có gây ra lỗi lầm, phải chịu trừng phạt nơi âm ty địa ngục đi chăng nữa thì cũng cần có một ngày được xá tội. Vậy nên tục lệ thí đàn, xá tội vong nhân ở Việt Nam và các nước thuộc khu vực Á Đông đều xuất phát từ ý nghĩa thâm sâu của đạo Phật, với những mong cuộc đời càng thêm ý nghĩa tốt đẹp.

Tuy cơ sở đạo đức trong triết lý Phật giáo khởi nguồn từ lý thuyết nhân quả nghiệp báo, được hiểu là ai làm người ấy chịu, dù cho thâm tình máu mủ như cha mẹ với con cái cũng không thể gánh tội cho nhau *"cha không cứu được con/ Hay bà con cứu nhau"* [21]. Nhưng Phật giáo cũng chỉ ra rằng từ nhân đến quả là cả quá trình dài với sự tham gia của vô số nhân duyên chẳng hạn như trong *Thanh tịnh đạo* [22] đã chứng minh rằng nếu con người nỗ lực tạo ra nhiều duyên tốt đều có cơ hội chuyển hóa thay đổi quả xấu ở hiện tại và cả vị lai. Cho nên, cứu độ theo Phật giáo là chuyển hóa, khích lệ, cứu giúp một phần khổ đau của chúng sanh, trong đó có ông bà cha mẹ của mình bằng việc hồi hướng công đức là việc làm cần thiết của người con chí hiếu.

Từ việc nhớ tưởng và bày tỏ tấm lòng hiếu thảo thông qua việc tổ chức cúng dường, tế tự, làm phúc, bố thí,… được xem là trách nhiệm và nghĩa vụ cần làm. Điều này không chỉ phù hợp với đạo lý làm người mà hơn thế, Đức Phật còn nhắc nhớ đến muôn loài chúng sanh. Tình thương yêu của Phật giáo không dừng lại ở việc dạy con cháu hiếu thảo ông bà cha mẹ thông qua hình thức cúng thí mà còn dạy về tính chất và những phẩm vật dùng để cúng tế không nên chuyên chở sự khổ đau thêm cho các chúng sanh như: *"Nhưng này Bà-la-môn, Ta không phải không tán thán tất cả loại tế đàn ... này Ba-la-môn, Ta tán thán tế đàn không có sát sanh"* [23]. Từ đây, cho ta thấy vấn đề cúng cái gì? cúng như thế nào? để cả người sống lẫn người mất trọn vẹn công đức chính là mục đích mà đạo Phật hướng đến. Vậy nên, đạo Phật luôn nhấn mạnh đến hai phần lý và sự trong việc cúng tế, điều này được Hòa thượng Trí Quang ghi lại rất rõ trong tác phẩm *Để hiểu đàn chẩn tế* [24]. Vậy nên, việc cúng thí là điều cần thiết nhưng phải thật sự mang lại những giá trị an lạc, hạnh phúc và thể hiện được tính nhân văn của con người.

Tinh thần từ, bi, hỷ, xả của Phật giáo không chỉ ảnh hưởng đến việc thí giàn trong vấn đề giáo hóa con người về hiếu đạo mà còn hướng con người đến đạo lý tương thân, tương ái. Người dân Việt Nam không chỉ nghĩ đến ông bà, tổ tiên mình trong những ngày tháng Bảy mà còn thương tưởng đến những vong linh không nơi nương tựa nên luôn dành một mâm để cúng cho những "cô hồn". Trong tác phẩm *Sa Đéc xưa* còn miêu tả lại việc thí giàn như sau: *"Chẳng những dâng lễ cúng người đã khuất mặt, sau đàn chay có dàn thí thực, trên giàn cao có chư thiện tín đem dâng cúng nhiều cỗ bánh, trái cây, thực phẩm chưng bày rất đẹp, sau khi cúng xong thì hiến dâng bá tánh. Ban trị sự còn lo mặt xã hội, có tặng gạo cho những người nghèo. Đó cũng là điều đáng được tán dương"* [25]. Từ sự miêu tả này cho ta thấy tục thí giàn hay cúng thí còn mang tính giúp đỡ, sẻ chia; đậm chất nhân văn tương trợ lẫn nhau trong truyền thống văn hóa người Việt Nam. Cho nên lễ cúng thí diễn ra trong các nghi thức của Phật giáo, bao giờ cũng là chúc nguyện và hồi hướng cho cả tín chủ đến cúng lẫn tha nhân. Đây được xem là phương cách thể hiện lòng thương yêu đối với chúng sanh đang chịu cảnh đau khổ, đói khát mà không có nơi nương tựa. Đức Phật dạy rằng: *"có những lậu hoặc phải do thọ dụng đoạn trừ"* [26]. Sự đói khổ trong các cõi kém phước như cõi ngạ quỷ trong năm cảnh giới [27] là những lậu hoặc có thể được đoạn trừ bởi tế tự đúng pháp.

THAY LỜI KẾT

Từ đây có thể thấy tinh thần từ, bi, hỷ, xả của Phật giáo đã ảnh hưởng đến tục thí giàn của người dân Việt. Người Việt hiểu rằng thí giàn không chỉ là bá thí thức ăn cho người đang sống mà còn là sự ban bố tình thương yêu đến với muôn loài. Nói cách khác thì sự thấu cảm, chia sẻ thức ăn hay việc hồi hướng công đức để cứu độ người thân và các loài ngạ quỷ, cô hồn được xem là phương thức biểu đạt tình người của người dân Việt Nam. Và theo lời nhận định của Thượng tọa Thích Chúc Phú thì *"việc mở ra một phương cách tế tự vừa thanh khiết, vừa đơn sơ vừa mang tính bảo hộ sự sống, đã khẳng định tính nhân văn trong quan điểm tế tự của Đức Phật"* [28]. Làm được như vậy thì việc cúng thí càng thêm ý nghĩa bởi sự chuyên chở tinh thần từ, bi, hỷ, xả của Phật giáo.

Chú thích:

* SC. Thích Nữ Thánh Nhã - Thế danh là Đặng Huỳnh Mỹ Trang, Học viên Cao học khóa V tại Thiền viện Vạn Hạnh (TP. Hồ Chí Minh)

[1] Trần Thuận, *Vài nét Nam bộ lịch sử và văn hóa*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ TP HCM, TP. HCM, 2020, tr.258.

[2] Theo Tân Việt, *100 điều nên biết về phong tục Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2001, tr.198.

[3] Toan Ánh, *Tìm hiểu phong tục Việt Nam qua Tết lễ hội hè*, Nxb. Đồng Tháp, 1997, tr.141.

[4] Vũ Phượng, *Rằm tháng 7: Lễ Vu Lan và Xá tội vong nhân có phải là một?* Nguồn: https://thanhnien.vn.

[5] Huỳnh Ngọc trảng, *Sự hỗn dung văn hóa trong tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên ở Nam bộ*, nguồn: https://giacngo.vn.

[6] Sđd, tr.141.

[7] Vũ Phượng, *Rằm tháng 7: Lễ Vu Lan và Xá tội vong nhân có phải là một?* nguồn: https://thanhnien.vn.

[8] Thích Hạnh Chơn, *Vì sao lễ hội vu lan trở thành lễ hội trong cộng đồng người Việt?,* Báo *Giác Ngộ*, số 293, 2020.

[9] Thích Trí Quảng, *Cầu siêu bạt độ*, Báo Giác Ngộ, số 293, 2020.

[10] Huỳnh Quốc Thắng, *Lễ hội dân gian ở Nam bộ*, Nxb. Văn hóa thông tin, 2003, tr.44.

[11] Tuyết Liên, *Mâm cúng cô hồn đơn giản và nghi thức cúng đúng cách của người Việt*, nguồn: https://quavang.vn.

[12] http://dulichbinhduong.org.vn/du-lich/binh-duong-le-hoi-mieu-ong-bon/ct

[13] Trần Thuận, *Vài nét Nam bộ lịch sử và văn hóa*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ TP HCM, 2020, tr.267 - 275.

[14] Trần Thuận, *Vài nét Nam bộ lịch sử và văn hóa*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ TP HCM, 2020, tr.268.

[15] Toan Ánh (1997), *Tìm hiểu phong tục Việt Nam qua Tết lễ hội hè*, Nxb. Đồng Tháp, tr.141

[16] Toan Ánh, *Tìm hiểu phong tục Việt Nam qua Tết lễ hội hè*, Nxb. Đồng Tháp, 1997, tr.140.

[17] *Kinh Trung bộ*, tập 2, HT. Thích Minh Châu (dịch), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2012, tr.402.

[18a], [18b] *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu (dịch), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 1996, tr.236.

[19], [20] Bạch Tùng Lâm, *Tháng Bảy ngày rằm xá tội vong nhân - Lễ Vu lan & Lễ Cúng cô hồn*, nguồn: https://giacngo.vn.

[21] *Kinh Tiểu Bộ*, HT. Thích Minh Châu (dịch), Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, 2015, tr.455.

[22] Bhadanta Cariya Buddhaghosa, *Thanh Tịnh đạo*, tập 2, TN. Trí Hải (dịch), Nxb. Tôn Giáo, 2011, tr.895.

[23] *Kinh Tăng Chi Bộ*, HT. Thích Minh Châu (dịch), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 1996, tr.382 - 383.

[24] Trí Quang, *Để hiểu đàn chẩn tế*, Nxb. Tổng hợp TP HCM, 2013, tr.53.

[25] Huỳnh Minh, *Sa Đéc xưa*, Nxb. Thanh niên, TP HCM, 2001, tr.157.

[26] *Kinh Trung Bộ*, tập 1, HT. Thích Minh Châu (dịch), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2012, tr.25.

[27] *Kinh Trường Bộ*, HT. Thích Minh Châu (dịch), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2013, tr.661.

[28] Thích Chúc Phú, *Biện Chính Phật Học*, tập 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018, tr.72.

Tài liệu tham khảo:

1. *Kinh Trung bộ*, HT. Thích Minh Châu (dịch), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2012.

2. *Kinh Trường Bộ*, HT. Thích Minh Châu (dịch), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2013.

3. *Kinh Tiểu Bộ*, HT. Thích Minh Châu (dịch), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2015.

4. *Kinh Tăng Chi Bộ*, HT. Thích Minh Châu (dịch), Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 1996.

5. Bhadanta Cariya Buddhaghosa, *Thanh Tịnh đạo*, tập 2, TN. Trí Hải (dịch), Nxb. Tôn Giáo, 2011.

6. Bạch Tùng Lâm, *Tháng Bảy ngày rằm xá tội vong nhân - Lễ Vu lan & Lễ Cúng cô hồn*, nguồn: https://giacngo.vn.

7. Chúc Phú, *Biện Chính Phật Học*, tập 3, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, 2018.

8. Nguyễn Thanh Điệp, *Tháng cô hồn và những quan niệm sai lầm*, nguồn: http://news.zing.vn.

9. Huỳnh Minh, *Sa Đéc xưa*, Nxb. Thanh niên, TP HCM, 2001.

10. Huỳnh Ngọc Trảng, *Sự hỗn dung văn hóa trong tín ngưỡng thờ cúng Tổ tiên ở Nam bộ*, nguồn: https://giacngo.vn.

11. Huỳnh Quốc Thắng, *Lễ hội dân gian ở Nam bộ*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, 2003.

12. Tuyết Liên, *Mâm cúng cô hồn đơn giản và nghi thức cúng đúng cách của người Việt*, nguồn: https://quavang.vn.

13. Thích Hạnh Chơn, *Vì sao lễ hội vu lan trở thành lễ hội trong cộng đồng người Việt?* Báo *Giác Ngộ*, số 293, 2020.

14. Trí Quang, *Để hiểu đàn chẩn tế*, Nxb. Tổng hợp TP. HCM, 2013.

15. Toàn Ánh, *Tìm hiểu phong tục Việt Nam qua Tết lễ hội hè*, Nxb. Đồng Tháp, 1997.

16. Trần Thuận, *Vài nét Nam bộ lịch sử và văn hóa*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ TP HCM, 2020.

17. Tân Việt, *100 điều nên biết về phong tục Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2001.

18. Thích Trí Quảng, *Cầu siêu bạt độ*, Báo *Giác Ngộ*, số 293, 2020.

19. Vũ Phượng, *Rằm tháng 7: Lễ Vu Lan và Xá tội vong nhân có phải là một?* Nguồn: https://thanhnien.vn.

BÓNG TÙNG MÙA XUÂN

Nguyễn Thánh Ngã

Mùa xuân về lễ Phật
Dưới cội tùng tỏa bóng trăm năm
Tiếng suối reo như tiếng kinh rằm
Đá thiền tụng đôi dòng róc rách

Sóng lá kim giở từng trang sách
Ngọn viết lên trời mây trắng tâm nguyên
Giữa núi cao vách đá thiên niên
Thân chính trực gởi cùng vũ trụ

Hồn trượng phu bóng tùng cổ thụ
Chốn tôn nghiêm trầm mặc hư không
Trong gió thanh vọng tiếng chuông đồng
Hương giải thoát giữa núi non hùng vĩ

Kìa những tịnh xá
Những thiền am huyền bí
Bạn với lão tùng
Duyên kết trúc mai
Dù thời gian lẽ sinh tồn khắc nghiệt

Bóng tùng che
Và con đường bất tuyệt
Dẫn lối cuộc đời
Tìm dấu tích Thế Tôn
Nơi linh thiêng mạng mạch suối nguồn
Những mùa xuân nở hoa chiêm bái....

Cửa thiền
Nơi vượt qua khổ hải
Những mùa mưa vàng sắc áo Như Lai...

GIẤC MƠ ĐÊM GIAO THỪA

Nguyễn An Bình

Đã già sợi bấc mẹ ơi
Đêm ba mươi tết một thời rất xa
Đâu như vừa mới hôm qua
Hồn trăm năm cũ bỗng là chiêm bao.

Nhớ liếp trầu - nhớ hương cau
Dòng sông bến nước lao xao tiếng lòng
Mùa trăng ngày cũ còn không
Giao thừa bếp lửa má hồng ai khơi?

Nồi bánh thơm - củi đượm rồi
Thêm tràng pháo tết rợp trời tung tăng
Áo xưa mẹ sắm chơi xuân
Lên chùa hái lộc bâng khuâng một đời.

Năm tàn tiễn một mùa rơi
Qua thời giáp hạt hỡi người nhớ không
Chùm dâu chín mọng trong vườn
Ong non tìm mật vàng ươm nắng ngoài.

Con đường đất - cánh đồng khoai
Khói lam chiều tím ngậm ngùi hồn quê
Chìm trong nỗi nhớ bộn bề
Quẩn quanh lạc giữa ngựa xe thị thành.

Gieo neo góc bể đầu gành
Bài đồng dao cũ đã đành quên chưa?
Nhang trầm thơm ngát giao thừa
Lạy cha lạy mẹ ngày xưa tìm về

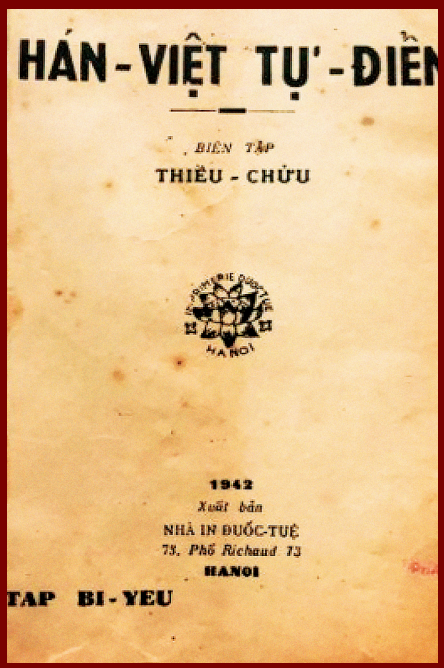
CƯ SĨ THIỀU CHỬU

và bộ sách Hán Việt Tự Điển

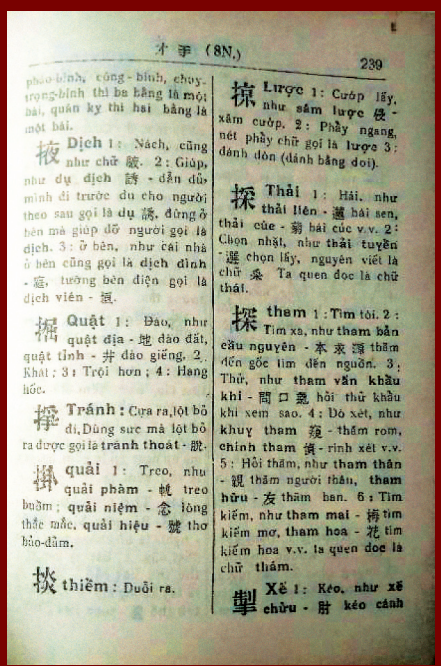
Tôn Thất Thọ



Cụ Thiều Chửu (1902-1954)



Hán Việt tự điển xuất bản năm 1942





Hán Việt tự điển của Thiều Chửu trong những lần tái bản gần đây

TIỂU SỬ

Cụ Thiều Chửu (1902–1954) là một cư sĩ Phật giáo, đồng thời cũng là nhà văn hóa, dịch giả nổi tiếng trong nửa đầu thế kỷ XX. Tên thật của cụ Thiều Chửu là Nguyễn Hữu Kha. Ông xuất thân trong một gia đình nhà Nho nghèo ở làng Trung Tự, phường Đông Tác cũ, nay thuộc quận Đống Đa, Hà Nội. Thân phụ ông là Nguyễn Hữu Cầu, quen gọi là cụ cử Đông Tác, từng tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục nên bị thực dân Pháp đày đi Côn Đảo. Cụ lấy tên *Thiều Chửu*, có nghĩa là cái chổi quét bụi vì tâm nguyện của cụ là *"cây chổi quét bụi ấy sẽ làm trong sáng giáo hội qua ngòi bút cải cách của mình"*. Ngoài ra, *"hàng ngày phải lau quét bụi trần tham nhiễm, đừng để gương lòng vẩn đục bởi phiền não vô minh che lấp"*.

Cụ giỏi chữ Hán và biết thêm một số ngoại ngữ khác như Pháp, Anh, Nhật. Từ năm 1921, cụ phát nguyện hoằng dương Phật pháp, dạy chữ Hán cho các Tăng Ni trong vùng và dành nhiều thời gian để tự học, dịch kinh, viết sách. Năm 1936, tham gia hoạt động cho Hội Phật giáo Bắc kỳ, trực tiếp quản lý báo Đuốc Tuệ, dịch nhiều kinh sách và viết các bài nghiên cứu, khảo luận về Phật giáo. Về sau, cụ còn tham gia thành lập Hội Truyền bá Quốc ngữ (1938), các hoạt động cứu tế và nuôi dạy trẻ mồ côi (1945).

HÁN VIỆT TỰ ĐIỂN

Bộ *Hán Việt tự điển* được biên soạn và xuất bản lần đầu vào năm 1942, sách do Nhà in Đuốc Tuệ xuất bản ở Hà Nội, nội dung giải thích nghĩa của 8.318 chữ Hán. Đến năm 1966, khi sách được nhà in Hưng Long (Sài Gòn) tái bản lần hai thì nhà xuất bản in thêm phần Mục lục dày 96 trang. Đây là bảng tra theo âm Hán Việt các chữ Hán nhằm giúp người đọc tra cứu dễ dàng hơn.

Trong *"Mấy nhời nói đầu"* của bản in đầu, cụ cho biết: *"Trong mười mấy năm trời nay, tôi theo đuổi công việc hoằng dương Phật pháp, các học giả vì xem kinh sách của tôi xuất bản mà tìm học chữ Nho, đến chỗ không hiểu được, tất lại nghĩ nhớ đến tôi nên bắt buộc tôi phải nghĩ làm sao cho giải được các chỗ mắc míu ấy. Tôi tự nghĩ rằng Hán học ngày nay ngày một mất dần, chỉ nhờ có học Phật, may mới duy trì được ít nhiều, nếu dùng cách nào mà giúp cho người đọc được*



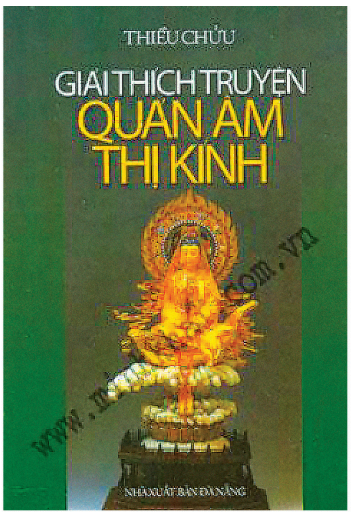
Hán Việt tự điển của Thiều Chửu trong những lần tái bản gần đây

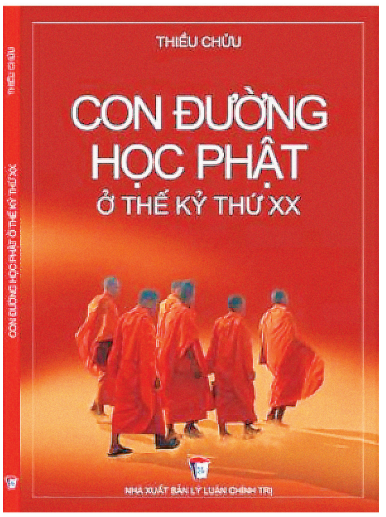
kinh, biết được chữ, tức là cái nền tảng để xây đắp lại cái lâu đài Nho giáo nguy nga tráng lệ, ai qua đó rồi, tức là làm trọn cái phần nhân thừa của Phật mà tiến lên Phật thừa, rất mau chóng kết quả, tức là hoằng dương được Phật pháp một cách chắc chắn...".

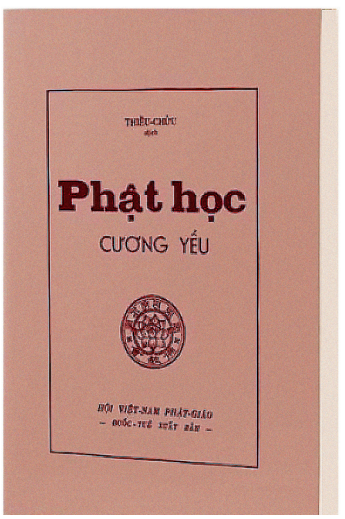
Có thể nhận thấy bộ tự điển này đã lấy đơn vị *Tự* (chữ Hán) làm trung tâm, mục đích là để tra cứu đọc, học, dịch chữ Hán, chủ yếu là chữ Hán cổ, mặc dù vẫn có tác dụng giúp bồi bổ Quốc văn trên cơ sở hiểu biết Hán văn tương tự từ điển của Đào Duy Anh, nhưng mục đích chính dùng học chữ thuần Hán qua phiên âm Hán Việt của nó lại có phần nổi trội rõ rệt hơn. Mặt khác, do soạn giả nói mục đích đóng góp cho cho công cuộc hoằng dương Phật pháp nên đối tượng phục vụ cũng đã được xác định ngay từ đầu, từ đó định ra đường lối biên tập theo hướng chủ yếu nhằm vào các hàng Phật tử cầu học nhưng không phải vì thế mà không thể phục vụ tốt luôn cho mọi đối tượng khác có quan tâm đến việc học tập, trau dồi Hán ngữ, như thực tế quyển tự điển này đã từng chứng tỏ trong suốt mấy mươi năm cho đến ngày nay.

Về cấu trúc, *Hán Việt tự điển* của cụ Thiều Chửu không xếp theo vần Quốc ngữ mà xếp theo trật tự 214 bộ thủ truyền thống của Hán ngữ. Muốn tra một chữ, người sử dụng trước hết xác định chữ đó thuộc bộ nào rồi dò trong Tổng mục để biết số trang cần theo dõi. Dưới tên mỗi bộ thủ là những chữ Hán thuộc cùng một bộ, xếp theo thứ tự số nét còn lại của chữ (sau khi trừ đi số nét của bộ). Nếu không nhận ra một chữ thuộc bộ nào (đối với dạng chữ khó nhận bộ) thì người sử dụng chỉ cần đếm kỹ số nét chữ rồi dò tìm trong Mục tra chữ đặt ở phần đầu sách.

Như đã nói ở trên, trong ấn bản đầu tiên *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu không có bảng tra chữ theo âm Hán Việt nên rất trở ngại cho việc tra cứu. Đến khi tái bản năm 1966, tuy có bổ sung được một bảng tra nhưng bảng tra này xếp theo thứ tự A, B, C… còn khá lộn xộn (như *Hoạt* đặt trước *Hoạch*; *Toánh* đạt trước *Toái*, *Tốt* đặt trước *Tha*, *Thiệu* đặt trước *Thiêm*...), do đó, vẫn chưa được coi là một bảng tra cứu tốt, chính xác. Tuy nhiên với kỹ thuật công nghệ hiện nay, những khuyết điểm quan trọng này đã được khắc phục qua việc chỉnh lý, bổ sung ở những lần tái bản sau này.







Một số sách về Phật giáo của Thiều Chửu

Mặc dù là một bộ sách quý rất hữu ích cho việc học chữ Hán, nhưng *Hán Việt tự điển* của cụ đã có thời gian tuyệt bản khá lâu, mãi đến năm 1992, có người đã in lại bằng kỹ thuật in lụa (chụp nguyên bản và dĩ nhiên là in lậu) khoảng 1000 bản để cung cấp chủ yếu cho các tự viện. Đến năm 1997, nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh mới chính thức in lại tốt hơn và 3 năm sau, năm 2000, soạn giả Khổng Đức có thêm một lần chỉnh sửa, bổ sung để làm thành một bản tra đầy đủ hơn, rất tiện dụng cho việc tra cứu. Trong bản bổ sung này, ngoài âm Hán Việt sẵn có đã ghi thêm âm Bắc Kinh (âm *pinyin*), cạnh bên chữ phồn thể lại ghi thêm vào các chữ giản thể và dị thể. Sau mỗi chữ, còn có phần hướng dẫn cách viết thuận bút (viết đúng thứ tự nét chữ Hán), đồng thời cũng sửa chữa luôn một số lỗi chính tả trong các lần in trước.

Những năm gần đây, tuy đã xuất hiện thêm vài từ điển của những soạn giả khác có công năng tra cứu tốt hơn tự điển của cụ Thiều Chửu về một số mặt, như số lượng từ lớn hơn, cách giải thích và trình bày khoa học hơn, song từ điển của cụ vẫn còn giữ được gần nguyên giá trị ban đầu, tiếp tục được tin dùng, một phần cũng nhờ ngắn gọn nhưng vẫn tương đối đủ dùng cho những mức độ, nhu cầu thông thường. Ngoài bộ *Hán Việt tự điển* có giá trị vượt thời gian nói trên, cụ Thiều Chửu còn dịch 14 bộ kinh căn bản của đạo Phật như: *Kinh Di Đà, Thủy Sám, Địa Tạng, Kim Cương Bát Nhã, Viên Giác, Pháp Hoa, Dược Sư, Phả Môn, Di Giáo, Tứ Thập Nhị Chương, Kinh Lễ Sáu Phương, Lục Tổ Đàn Kinh, Khóa Hư. Các sách dịch khác của ông có thể kể: Vì sao tôi tin Phật giáo, Phật học cương yếu, Tây du ký*... Cụ cũng là tác giả các sách về Phật học như: *Sự tích Phật tổ diễn ca, Nhòm qua cửa Phật, Cải tà quy chính, Khóa tụng hàng ngày, Con đường Phật học thế kỷ XX*...





HOẰNG PHÁP Online

Kênh Youtube chính thức của Hoằng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoằng Pháp Trung Ương GHPGVN"

Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp



NHỮNG MÙA XUÂN NGƯỜI LÍNH

Duy Hoàn

Mùa xuân - nơi gặp gỡ giao thoa của thiên nhiên, con người, nơi bắt đầu những hoài bão, ước mơ. Câu chuyện về những mùa xuân, người lính chúng tôi hôm qua - hôm nay cứ thao thức, rạo rực, tươi mới…

MÙA XUÂN CỦA CHA

Mùa xuân năm ấy chúng tôi lên đường nhập ngũ khi tiếng súng còn vang trên bầu trời biên giới phía Bắc. Lứa tân binh chúng tôi ngày ấy có người vừa tốt nghiệp cấp ba, có người còn đang dang dở, theo tiếng gọi của Tổ quốc tạm gác bút nghiên lên đường cầm súng. Tạm biệt trang sách tuổi học trò và những giấc mơ. Ngày lên đường, đêm ấy dường như mẹ, cha và tôi không ngủ. Thuở ấy cuộc sống còn nhiều khó khăn nhưng sao mà vui và ấm nồng đến thế. Đêm chia tay, bà con xóm làng ùa qua xôn xao bên ấm chè xanh hôi hổi, tay nắm bàn tay ai cùng chúc cho tôi lên đường mạnh giỏi, chân cứng đá mềm. Và, em cô gái láng giềng đứng đầu ngõ chờ cho mọi người về hết mới dám bước khẽ đến bên tôi, rụt rè, bẽn lẽn. Em dúi vội vào tay tôi món quà và vội vã chạy đi. Tôi đứng ngẩn ra, món quà em trao là chiếc khăn tay có thêu dòng chữ *"Tặng anh"* chỉ bấy nhiêu thôi mà sao xuyến xao, nhớ nhung đến lạ. Chiếc khăn nhỏ xinh xinh ấy là kỉ vật thiêng liêng

đã theo tôi suốt những tháng năm đời lính. Xúc động nhất là hình ảnh người thầy giáo trường làng. Thầy là thương binh trong chiến dịch Điện Biên, bàn tay với cánh tay còn lại của thầy cứ nắm chặt vai tôi như gửi gắm nhiều điều. Những ngày đóng quân trên chốt, sức trẻ và lòng khát khao cống hiến làm cho chúng tôi quên hết những khó khăn, thiếu thốn và bình thản những khi đối diện với cái chết. Mỗi dịp mùa xuân về, trên đường hành quân bắt gặp cảnh sắc xuân bừng lên giữa núi rừng Việt Bắc; đi qua những cánh rừng xuân bắt gặp mùa măng vầu nẻ đất lòng dạt dào, bâng khuâng da diết như câu thơ tôi đã viết: *"Người lính đón xuân trên đường hành quân/ Có phải hương xuân vương đầy áo lính/ Mà để lòng tôi cứ bồi hồi thương mến/ Hái bông hoa rừng muốn gửi tặng ai"*. Vất vả, gian lao, thiếu thốn và chứng kiến biết bao tấm gương hy sinh thầm lặng, nhưng những người lính chúng tôi vẫn luôn lạc quan, lãng mạn yêu đời. Nhớ lắm những cái Tết đầu tiên tại một điểm chốt trên mặt trận Vị Xuyên khốc liệt, chúng tôi đón xuân dưới cái rét tê người và chỉ có cơm nắm, lương khô. Trên chiến hào, mưa lạnh, ngồi ôm súng lòng rưng rưng nhớ cái tết quê nhà, lòng trào lên cảm xúc man mác, bâng khuâng…

MÙA XUÂN CỦA CON

Vậy mà thấm thoắt hơn 40 mùa xuân đã đi qua kể từ những ngày đầu đón xuân trên chiến hào biên giới. Chiều nay hạnh phúc nhất của tôi khi nhận được tin nhắn của vợ báo tin đứa con trai đầu đã sắp lên đường nhập ngũ. Cuộc đời người vợ, người mẹ ấy lặng thầm gánh vác cả phần chồng chăm mẹ già và nuôi các con khôn lớn. Mai con lên đường bố đang cùng đồng đội về thăm chiến trường xưa. Một lần nữa mẹ lại tiễn con đi như ngày nào tiễn chồng ra trận. Niềm vui và nỗi nhớ nhân đôi. Sau gần một tháng tôi lại nhận được thư và một tấm ảnh của con trai. Nhìn tấm hình của con chững chạc trong bộ quân phục của người lính Hải quân, tôi mừng cứ hôn lên tấm ảnh đến rơi nước mắt. Gần một tháng trong quân ngũ mà dường như con đã lớn hẳn lên, nước da có phần sạm đen và rắn rỏi hơn bởi các con bắt đầu làm quen, nếm vị mặn mòi của vùng thao trường đầy nắng và gió. Nơi con đóng quân là Đoàn M46 Hải quân, thư con viết kể miên man bao chuyện, từ bữa ăn, giấc ngủ, báo động, hành quân luyện tập... nhưng qua thư biết là con vui lắm bởi giấc mơ được làm chú Hải quân của con ngày nào đã thành sự thật.

Lại một mùa xuân mới lên đường! Sau hơn ba tháng huấn luyện tôi lại nhận được thư con, thư lần này con gửi có cả hình ảnh con tàu và đồng đội khi chia tay đất liền ra với đảo Trường Sa. Nhìn con và những người lính thuỷ trẻ trung, hồ hởi trước lúc lên đường nơi bán đảo tôi thật tự hào và xúc động. Thư con kể hôm chia tay dẫu không có bố mẹ đưa tiễn nhưng bên cạnh có rất nhiều người thân của đồng đội nắm tay ôm chầm lấy chúng con như anh em một mẹ sinh ra và xen lẫn giữa những hàng quân là những tà áo dài thướt tha duyên dáng làm xốn xang bao trái tim chàng lính trẻ. Nơi cầu tàu giữa xôn xao bao màu áo là những cành mai rừng vàng rực ấm áp cả một vùng bán đảo. Không khí cuộc chia tay thật nồng ấm, luyến lưu và bịn rịn. Các con đã vững vàng hành quân về phía mặt trời lòng tôi như ấm lại và càng tin yêu hơn lớp trẻ hôm nay và sức

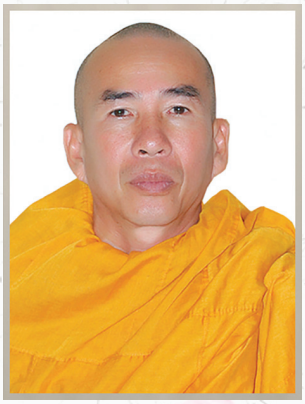


sống mạnh mẽ nơi đầu sóng. Nơi con đến, đất trời đã vào xuân. Trên đất liền quê Mẹ, nụ hồng đào phương Bắc tươi tắn cười môi đỏ, cánh mai vàng phương Nam rạo rực khát khao, mùa hoa ban thanh tao nở trắng rừng biên giới, trắng trong hoa phong ba kiêu hãnh giữa trùng khơi. Tiếng khèn, nhịp then níu lòng mùa hò hẹn, chim hải âu xôn xao gọi bạn dập dìu. Miền Trung thân yêu đã đi qua mùa bão giông thử thách, sức sống mới của con người, cây trái đang bật lên vời vợi. Đại ngàn Tây Nguyên rộn rã, hùng thiêng trong tiếng cồng chiêng giữa mùa cà phê thơm ngát, hoa Pơ Lang thơm thảo đợi người…

Đi qua những mùa xuân của cha, nối tiếp những mùa xuân của các con nơi đầu sóng, viết tiếp khúc quân hành cùng đất nước vào Xuân.

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.







Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biếu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

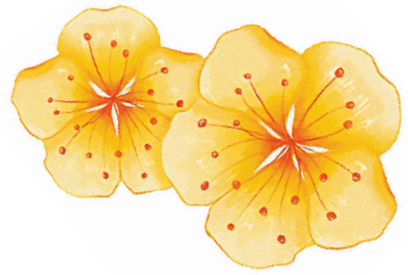
Chùa Thanh Lương
- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn**.
- Điện thoại: 0918316388
- Email: **chuathanhluong1@yahoo.com.vn**


PHẬT GIÁO
KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ

Một



Tứ nhiếp pháp hiểu là các phương pháp để nhiếp hoá, cảm hóa chúng sanh, hướng dẫn chúng sanh trên con đường phước thiện, đạo đức, sống để người khác thương yêu và mình cũng thương yêu người.



góc nhìn

đạo đức học Phật giáo từ Tứ Nhiếp pháp

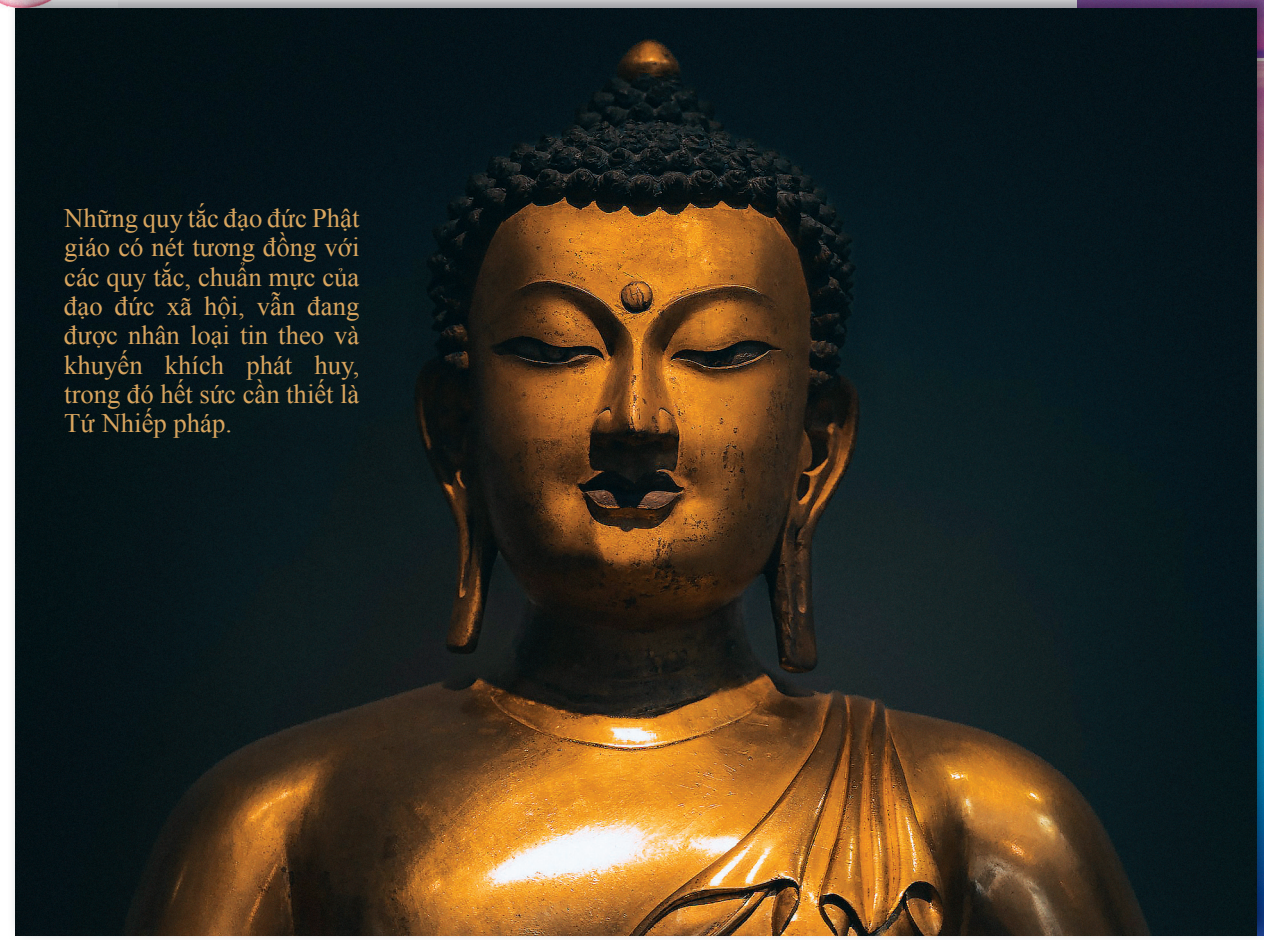
SC. Thích Nữ Huệ Thùy*

Tóm tắt: *Đạo đức học Phật giáo là một hệ giá trị bền vững cùng năm tháng, xuất phát từ tuệ nhãn của bậc Thiện Thệ hơn hai nghìn sáu trăm năm trước. Trong đó, Tứ Nhiếp pháp (Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự) quy định mẫu hình ứng xử giữa người với người trong xã hội. Tuân theo Tứ Nhiếp pháp, chúng ta sẽ gặt hái được mối quan hệ chân thành, bình đẳng và hướng thượng, giúp hóa giải nỗi đau khổ trong thế giới ngày nay.*

Từ khóa: *Tứ nhiếp pháp, đạo đức Phật giáo.*

DẪN NHẬP

Ngày nay, phương tiện truyền thông phát triển vừa giúp con người mở rộng khả năng nhận thức thế giới, tạo cơ hội giao tiếp, hợp tác lẫn nhau, vừa hàm chứa nguy cơ mối quan hệ cá nhân với cộng đồng trở nên lỏng lẻo hơn. Khi điều này suy yếu, tâm lý cô đơn hình thành trong con người, dần dần sinh ra thái độ thờ ơ, dửng dưng trước nỗi đau khổ hay hạnh phúc của người khác. Chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng đang làm tha hóa một số người. Thặng dư vật chất phát triển nhanh chóng còn sự thăng tiến tâm linh lại rất chậm chạp. Bên cạnh đó, còn xuất hiện thái độ đòi hỏi lợi ích hơn là hy sinh, muốn hưởng thụ hơn đóng góp. Rõ ràng, nguy cơ suy giảm đạo đức đã hiện hữu và chúng ta cần có trách nhiệm với nhân loại, hướng đến đời sống hòa bình, an lạc. Để thực hiện những sứ mệnh thiêng liêng ấy, không gì hơn chúng ta sống và hành theo lời Phật dạy, cụ thể là Tứ Nhiếp pháp. Lợi ích hành trì pháp này giúp ta tu dưỡng đạo đức, tâm linh trưởng dưỡng tinh



Những quy tắc đạo đức Phật giáo có nét tương đồng với các quy tắc, chuẩn mực của đạo đức xã hội, vẫn đang được nhân loại tin theo và khuyến khích phát huy, trong đó hết sức cần thiết là Tứ Nhiếp pháp.

thần từ bi, thương yêu và hướng đến chân giá trị cộng đồng.

NHÌN NHẬN CHUNG VỀ ĐẠO ĐỨC

Đạo đức là khái niệm dùng để chỉ nhân cách con người, những nguyên lý chế ngự và ảnh hưởng trực tiếp đến mỗi cá nhân, từ đó chúng ta biết hòa điệu giữa tự thân và tha nhân, gia đình và xã hội. Đạo đức hình thành trong quá trình phát triển lâu dài của cộng đồng nhằm duy trì trật tự, hướng cộng đồng đến chân thiện mỹ, bảo vệ sự sống và bản sắc. Theo Graw Hill Book, *"đạo đức là môn học đánh giá các hành vi thiện ác của con người biểu hiện qua thân lời và ý và được thực hiện bởi lí trí, tình cảm và ý chí"*.

Bài viết *Chuẩn mực đạo đức con người Việt Nam hiện nay* của *Viện Khoa học xã hội* định nghĩa như sau: *"Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội bao gồm: những nguyên tắc, quy tắc, và chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của mình và sự tiến bộ xã hội trong mối quan hệ giữa người và người"* [1]. Còn *Từ điển Đào Duy Anh* giải thích: *"Nguyên lý tự nhiên là đạo, được vào lòng người là đức. Cái pháp lý người ta nên noi theo"* [2].

Từ những định nghĩa trên, có thể nói, đạo đức là những khuynh hướng tốt phát xuất từ những lời nói hành vi bên ngoài khiến mọi người cảm thấy an lạc, lợi ích, là những vấn đề liên hệ đến giá trị tốt xấu, thiện ác của đời sống biểu hiện qua những hình thức khác nhau như: lương tâm, trách nhiệm, bổn phận… Đạo đức hình thành tự phát bởi nhu cầu và lợi ích xã hội được mọi người chấp nhận.

Đạo đức Phật giáo được xây dựng trên cơ sở hệ thống giáo lý, đó là mối quan hệ giữa Giới - Định - Tuệ đi đến hoàn thiện bản chất con người và đạt được giải thoát. Cuộc sống đang tồn tại vô vàn các mối liên hệ đan xen, mọi quan hệ xã hội nhân bản và bình đẳng đều có giá trị đạo đức. Ở đâu có đạo đức, ở đó có hạnh phúc. Đạo đức và hạnh phúc tồn tại song song, không thể tách rời. Tư tưởng từ,



Trong Tăng Chi bộ Kinh, Đức Phật dạy về Tứ nhiếp pháp gồm: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự. Bốn phương pháp này không chỉ áp dụng cho mỗi cá nhân mà còn đúng cho cả những tập thể.

bi, hỷ, xả, cứu khổ, cứu nạn của Phật giáo vẫn đang được nhân loại tiếp thu và phát huy trong đời sống xã hội. Những quy tắc đạo đức Phật giáo có nét tương đồng với các quy tắc, chuẩn mực của đạo đức xã hội, vẫn đang được nhân loại tin theo và khuyến khích phát huy, trong đó hết sức cần thiết là Tứ Nhiếp pháp.

TỨ NHIẾP PHÁP

Tứ nhiếp pháp hiểu là các phương pháp để nhiếp hoá, cảm hóa chúng sanh, hướng dẫn chúng sanh trên con đường phước thiện, đạo đức, sống để người khác thương yêu và mình cũng thương yêu người. Trong *Tăng Chi bộ Kinh*, Đức Phật dạy về *Tứ nhiếp pháp* gồm: Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành và Đồng sự. Bốn phương pháp này không chỉ áp dụng cho mỗi cá nhân mà còn đúng cho cả những tập thể.

Bố thí

Ngày nay việc bố thí là một nghĩa cử cao đẹp, nhằm hướng con người đến giá trị tối thượng. Bố thí không chỉ mang đến cho chúng ta niềm vui, mà còn giúp tha nhân vơi bớt đi nỗi khổ niềm đau. Ít nhiều họ sẽ cảm thấn an ủi, hơn nữa chính nhờ sự bố thí trong lúc cần thiết nhất đưa con người ra khỏi những hệ lụy, ngờ vực, làm tiền đề cho sự thành tựu sau này. Bố thí giúp chúng ta mỗi ngày tăng trưởng được tâm thiện lành, nhìn thấu cuộc đời và hiểu hơn về những thân phận bạt bèo trong kiếp nhân sinh.

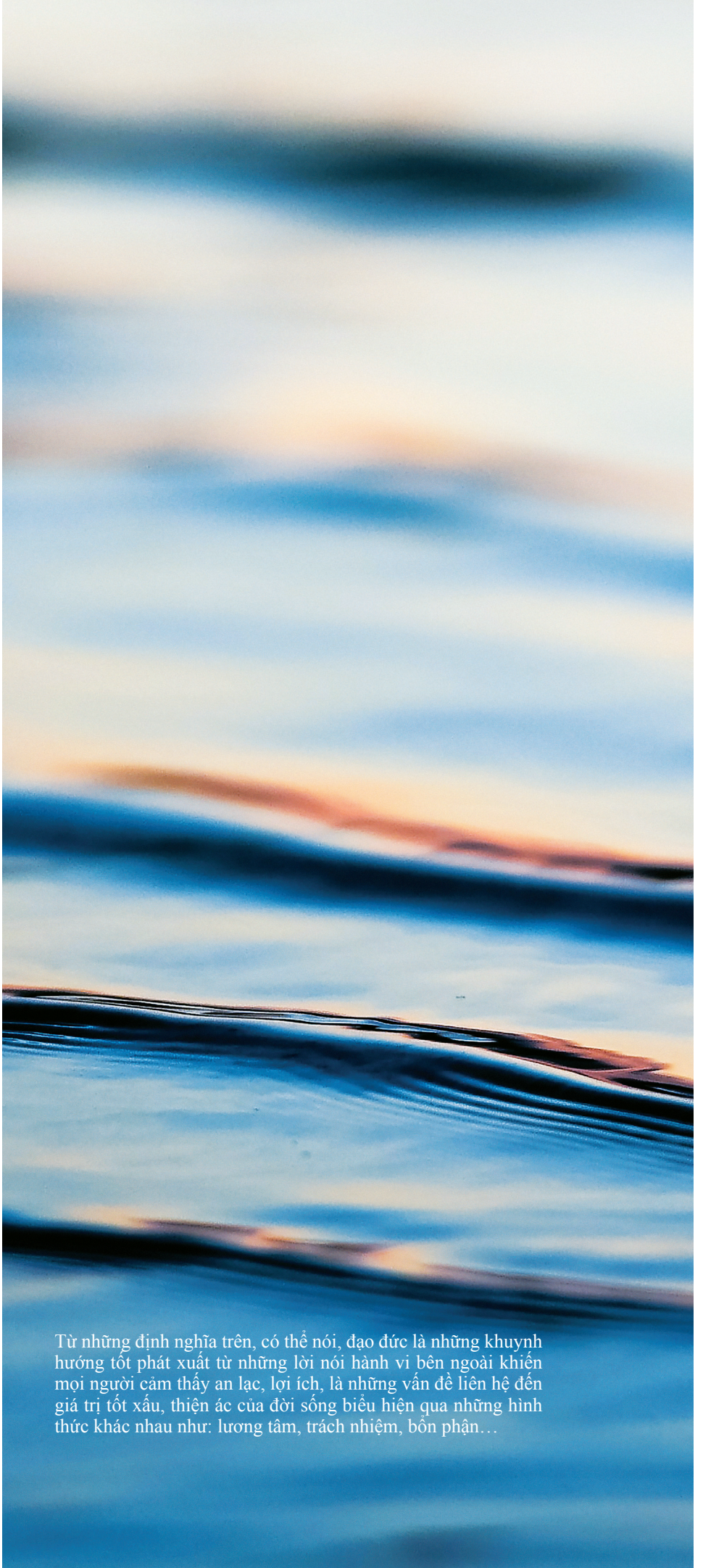
Bố thí không chỉ mang tặng vật chất trên hình thức mà hơn thế nữa chính là dẫn dắt tha nhân có được định hướng trong cuộc sống, thấy được sự mầu nhiệm trên đường đạo chơn chánh, lập chí nguyện về cứu cánh Vô thượng đạo Bồ đề, hiểu bản chất cuộc đời là huyễn hóa hư không. Bố thí còn là phương pháp truyền trao cho người thoát khổ, khi hiểu cuộc đời là vô thường, chúng ta tâm niệm rằng phải hoàn tất cuộc đời với một sự chân thành nhất, để hy sinh, phục vụ cho đời trọn vẹn. Vì vô úy thí, chính là sự kiên định, vững vàng của chính mình mà giúp tha nhân đi trên con đường một cách an nhiên, tự tại, hình thành nên nội lực mạnh mẽ vô úy. Điều đó cũng có công

năng như việc giữ giới trong sạch. Đấy là duy trì một lối sống đạo đức, thiện lành, nỗ lực kiêng tránh những điều bất thiện từ ý, khẩu, thân.

Ái ngữ và Lợi hành

Pháp Ái ngữ cũng chính là đem lại sự dễ chịu, nhẹ nhàng cho người khác. Ái ngữ là dùng những lời nói yêu thương, nhu hòa khiến người nghe luôn dễ chịu, an ổn, không đau buồn, thương tổn. Một lời nói ra tuy dễ dàng, nhưng có thể khiến người nghe lại đau thương suốt từng năm, từng tháng. Cổ nhân nhắc: *"Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói"* chính là nhắc nhở mình một khi nói ra lời nào cũng đều phải suy nghĩ thật kĩ, vì lời nói tuy nhẹ nhàng nhưng ẩn chứa biết bao thâm sâu, khiến người nghe khổ đau qua từng ngày từng tháng. Như khi chúng ta đi thăm bệnh, lúc họ đang đau đớn chiến đấu với cái đau thể xác, thì không nên trách họ là tại bạn ăn uống, thức khuya, hay nhịn ăn mà dẫn đến hậu quả thế này. Thay vào đó, bằng những lời ủi an, khuyến khích, mong cầu cho họ khỏe mạnh, bệnh tật sớm qua. Cùng là lời nói, ai trong chúng ta cũng thích người khác đối xử với mình dịu dàng, hòa nhã. Vậy chính mình cần làm thế nào để người khác cảm nhận lại như thế.

Bố thí chính là đem trao tặng niềm vui, sự ủi an, chia sẻ cho người khác. Ái ngữ là dùng lời nói dịu dàng, nhu hòa mà khiến cho người có được sự dễ chịu, tăng trưởng mối qua hệ và cùng nhau huân tập những giá trị cao thượng. Từ đó, giữa mình và người tăng trưởng được thiện căn, vì mình đem đến an lạc cho người và người cũng cảm thấy an lạc. *"Trên tất cả sự*



Từ những định nghĩa trên, có thể nói, đạo đức là những khuynh hướng tốt phát xuất từ những lời nói hành vi bên ngoài khiến mọi người cảm thấy an lạc, lợi ích, là những vấn đề liên hệ đến giá trị tốt xấu, thiện ác của đời sống biểu hiện qua những hình thức khác nhau như: lương tâm, trách nhiệm, bổn phận…

cứu giúp bằng lợi hành, là dẫn người ra khỏi đường ác, để không sa đọa vào cảnh khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Nói cách khác, người ít tịnh tín, ta khuyến khích tăng trưởng tín. Người hay phá giới, ta tìm phương tiện ngăn chặn không để người sa ngã. Người xan tham keo kiệt ta khuyến khích cho thấy ích lợi của thí xả" [3]. Chúng ta khi thực hành pháp này biểu hiện qua thân khẩu ý, hướng đến những gì không có tội, không có tội nghĩa là không có hại, không có hại nghĩa là có lạc báo. Có lạc báo nghĩa là hành động gì không đưa đến hại mình, hại người, hại cả hai, thuộc về lãnh vực tinh thần.

Đồng sự

Cuộc sống có nhiều khó khăn, bất như ý, ai trong chúng ta cũng cần cầu có được sự yêu thương, san sẻ để cuộc sống trở nên có ý nghĩa và giá trị hơn. Vì thế, việc luôn đặt mình vào suy nghĩ hay hoàn cảnh sống của người khác, chính là phần nào giúp họ có được sự cảm thông, yêu thương. Chúng ta mỗi ngày phải luôn trau dồi tâm từ bi, sự bao dung đi vào cuộc đời này với tất cả chí nguyện vì cứu độ chúng sanh, đem sự an lạc bình an đến mọi người trên tinh thần không phân biệt, thương và thấu cảm được với người. Trong kinh, Đức Phật dạy: *"A-nan, ông xem Như Lai, khi xưa tu hạnh lành, bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự; dùng căn lành này thâu giữ chúng sinh chẳng có phân biệt, đây là cha ta, đây là mẹ ta, anh em ta, chị em ta, bạn bè thân thích của ta. A-nan, ta đối với chúng sinh chỉ có một vị bình đẳng, tâm không phân biệt sai khác"* [4]. Việc chúng ta và người cùng bước đi trên hành trình hoàn thiện giá trị đạo đức, nhân cách của con người là để góp phần tạo nên sự phát triển cho nhân loại, mỗi người sống biết nghĩ về nhau, cảm thông chia sẻ. Có như vậy, cuộc sống mới thêm ý nghĩa hơn, mình và người cùng đạt được hạnh phúc, giúp ích cho xã hội này: *"Đồng sự cao cả nhất là cùng đồng đẳng mục đích"* [5].

Pháp tu Tứ nhiếp nhằm đem lại giá trị đạo đức trong mỗi người, hướng đến đời sống cao thượng, chánh đẳng chánh giác. Thực hành pháp này chính là chúng ta luôn tâm niệm ở ngay tại thân, khẩu, ý, luôn có sự tỉnh thức và vì nghĩ đến tha nhân. Như sứ mệnh của một vị Bồ tát, hành giả luôn biết lắng nghe, từ đó dùng trái tim yêu thương, từ bi của mình mà cứu giúp người thoát khỏi những khổ đau, ngờ vực. Thực hành bốn pháp ấy cũng chính là giúp chúng ta nuôi dưỡng tâm mình mỗi ngày thêm tăng trưởng thiện lành, như pháp Bố thí không chỉ phát triển lòng từ bi nơi chính mình mà còn giúp con người cảm thấy an lạc, không mặc cảm, thấy được sự san sẻ giữa người với người trong cuộc sống. Bốn pháp tu này có mối tương duyên lẫn nhau mà thành tựu được chí nguyện hướng đến giải thoát cho mình và người. Vì vậy, *Kinh Du Già Bồ tát Giới* (Bản dịch của HT. Tuệ Sỹ) có nói: *"Trong các đệ tử tại gia hành bốn nhiếp sự để duy trì đoàn kết đại chúng, không phải duy chỉ Thủ Trưởng giả, mà những đệ tử tại gia nổi tiếng như Cấp Cô Độc, Úc-già, Chất-đa, Pháp Dữ, và Tì-xá-khư; bảy vị này đều được nói là thủ chúng một chúng hội đông đảo và duy trì sự đoàn kết bằng bốn nhiếp sự"*, và *"Bốn nhiếp pháp là Tịnh độ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh nào được tiếp thọ bởi giải thoát sẽ tái sinh vào đó"*.

TẠM KẾT

Đạo đức Phật giáo hướng con người đến cuộc sống chân thiện mỹ bằng những triết lý đi vào đời sống mang tinh thần vị tha, bình đẳng, bác ái. Điều này minh chứng qua sự đóng góp tích cực trong việc xây dựng một nền tảng giá trị đạo đức truyền thống và tinh thần từ bi, hỷ, xả, cứu khổ, cứu nạn của Phật giáo. Quy tắc đạo đức Phật giáo có những nét tương đồng với các quy tắc, chuẩn mực của nền đạo đức xã hội, đang được nhiều người tin theo và khuyến khích phát huy. Đạo đức Phật giáo là những quy tắc mà xã hội nào cũng rất cần đến để duy trì một nền đạo đức, một nếp sống lành mạnh và hạnh phúc. Còn Tứ Nhiếp pháp chính là phương pháp khéo léo giúp mình và người hoàn thiện đạo đức một cách hiệu quả. Tình yêu thương hướng con người đến với chánh pháp mầu nhiệm, đạt được lợi lạc, chân thiện mỹ của đạo, xây dựng cuộc sống ấm áp.

Chú thích:

* SC. Thích Nữ Huệ Thùy, Học viên Cao học tại Học viện Phật giáo Việt Nam TP. Hồ Chí Minh.

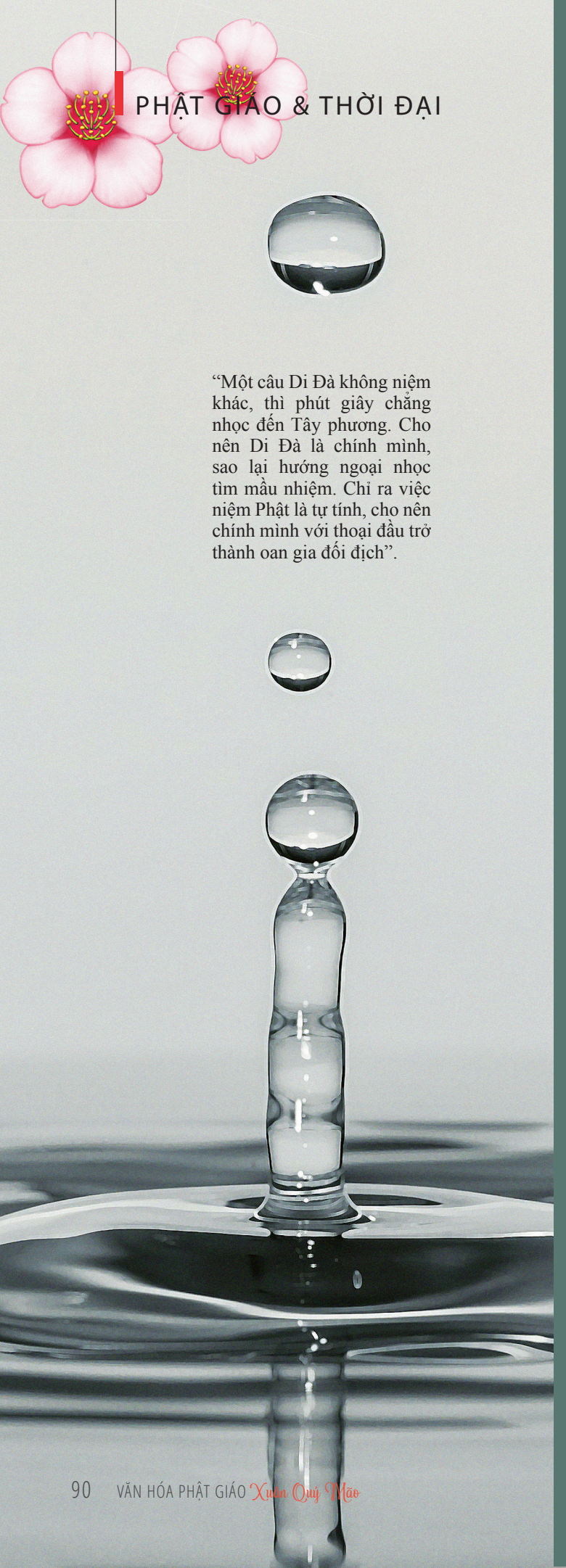
[1] Thích Viên Trí, Tài liệu tham khảo bài giảng *Đạo đức Phật giáo nguyên thủy*.

[2] Đào Duy Anh (1998), tr.251.

[3] Tuệ sỹ (2010), *Bodhisattvabhūmāv adhāre yogasthāne daśamaṁ Śīlapaṭalam*, Du Già Bồ-tát giới, Nxb. Phương Đông, tr.30.

[4] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh, *Đại Tập 49 - Bộ Niết Bàn III - Số 376 đến 396*, Kinh Đại Bi - Quyển V - Phẩm 13: Trồng Căn Lành, Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn (Đài Loan), 2000, tr. 488.

[5] Tuệ Sỹ (2010), *Bodhisattvabhūmāv adhāre yogasthāne daśamaṁ Śīlapaṭalam*, Du Già Bồ-tát giới, Nxb. Phương Đông, tr.30.



"Một câu Di Đà không niệm khác, thì phút giây chẳng nhọc đến Tây phương. Cho nên Di Đà là chính mình, sao lại hướng ngoại nhọc tìm mầu nhiệm. Chỉ ra việc niệm Phật là tự tính, cho nên chính mình với thoại đầu trở thành oan gia đối địch".

Tư tưởng pháp môn Tịnh độ trong Thiền tông Phật giáo thời Lê Trung hưng (1533-1789)

SC. Thích Nữ Nhuận Mỹ

Tóm tắt: *Thiền Tông và Tịnh độ Tông là hai tông phái lớn của Phật giáo Bắc truyền. Ở nước ta, tiến trình lịch sử Phật giáo chứng kiến sự phát triển song song và đồng thời có sự hòa hợp giữa Thiền và Tịnh tạo nên dòng chảy Thiền-Tịnh song tu. Đây là quá trình diễn ra vào thời kỳ nhà Lê Trung hưng (1533-1789) với đóng góp của chư Tổ sư suốt hàng trăm năm. Trong Thiền tông có hạt giống tư tưởng Tịnh độ và ngược lại. Sự dung hợp Thiền-Tịnh giúp Phật giáo phát triển rộng khắp nhân gian Đại Việt, xoa dịu nỗi đau vì chiến tranh loạn lạc của nhân dân, góp phần ổn định nhân tâm, an dân hộ quốc.*

Từ khóa: *Thiền-tịnh, Lê Trung hưng, Phật giáo Việt nam trung đại.*

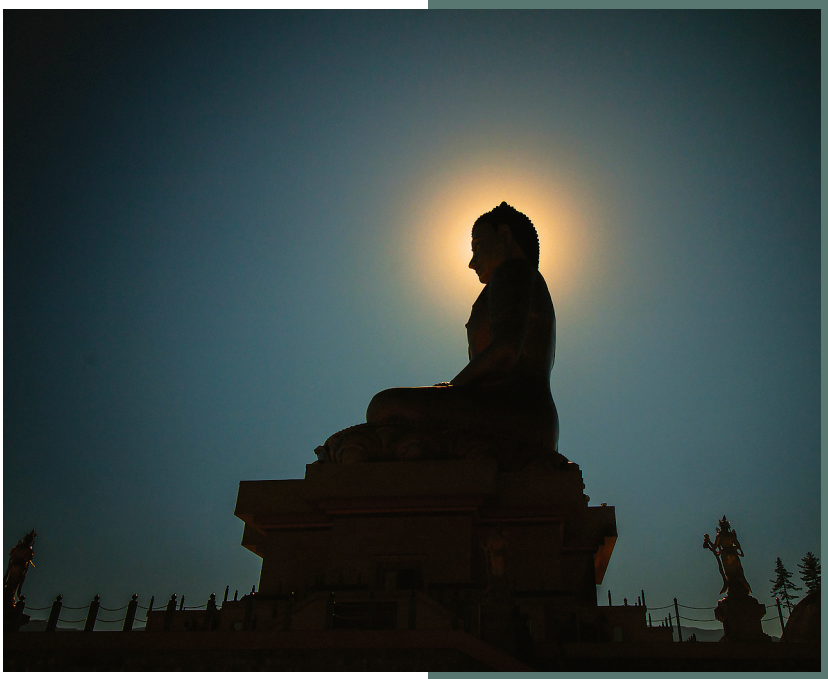
DẪN NHẬP

Thời Lê Trung hưng (1533-1789), đất nước ta bị các thế lực phong kiến chia cắt thành Đàng Trong - Đàng Ngoài. Trong hàng thế kỷ, thường xuyên xảy ra các cuộc giao tranh giữa các tập đoàn phong kiến Lê-Mạc, Trịnh-Nguyễn, các vua Lê không có thực quyền trong tay. Trong bối cảnh xã hội ấy, đối với chúa Trịnh và chúa Nguyễn, Phật giáo rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu tâm linh của số đông quần chúng, cũng nhờ tùy duyên ứng biến nên Phật giáo đã góp phần lớn vào việc *"hộ quốc an dân"*. Các thiền phái hoạt động tích cực và uyển chuyển phù hợp với hoàn cảnh thời đại. Điều đáng chú ý là tư tưởng Tịnh độ trong thiền tông Đại thừa Phật giáo hay Thiền-Tịnh song tu được các thiền sư, tổ sư bấy giờ khéo léo ứng dụng và hành trì trong công phu tu tập và hoằng dương Phật pháp.

KHỞI PHÁT THÂM NHẬP TƯ TƯỞNG TỊNH ĐỘ TRONG THIỀN TÔNG

Thiền tông Đại thừa Phật giáo, để phương tiện đạt đến không quán thực tiễn, đã dạy nhiều loại Tam Muội mà trong đó sự thanh tịnh hóa tâm về mặt biểu tượng, là Tam Muội có một nội dung tích cực. Đặc biệt một điểm rõ rệt là nhờ tư niệm các Đức Như Lai và các cõi Tịnh độ của các ngài mà tâm được vui mừng, diệt bỏ được phiền não, rồi dần dần tiến sâu vào không quán tự thân để tạo thành cái gọi là *"Bát chu Tam Muội Phật hiện tiền định"* hay là *"Quán Phật Tam Muội"* [1].

Trong Đại thừa, đứng trên lập trường thiền định, có thể nói đã theo Phật hiện tiền Tam Muội hoặc quán Phật Tam Muội này mà lập nên các thuyết về Phật đà. Điểm hữu hiệu nhất là tự niệm Phật A Di Đà và Tịnh độ của ngài là thế giới Cực lạc, hay nói theo một ý nghĩa khác là quán



Vô Lượng Thọ, đại khái là đại biểu cho quán Phật Tam Muội [2]. Vậy nên, trong Đại thừa lúc đầu, cái điều kiện tất nhiên để quán chư Phật là nhập thiền định, nói cách khác nếu xa lìa thiền quán thì không thể thấy được Phật. Điều đó đã được nói rõ trong *Kinh Bát Nhã, Kinh Pháp Hoa* và nhất là trong *Kinh Quán Phật Tam Muội, Kinh Bát Chu Tam Muội (Kinh Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội)*, và *Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật A Di Đà* và thế giới Cực lạc của ngài lúc đầu cũng đã do đối tượng của thiền quán mà được thành lập. Bởi thế, cái gọi là Như Lai (Di Đà) và Tịnh độ (Cực lạc) bản lai là sự tồn tại trong quan niệm, đây là một sự thật hiển nhiên trong giáo lý của Phật giáo [3].

Trong Đại thừa lúc đầu, cái điều kiện tất nhiên để quán chư Phật là nhập thiền định, nói cách khác nếu xa lìa thiền quán thì không thể thấy được Phật. Điều đó đã được nói rõ trong Kinh Bát Nhã, Kinh Pháp Hoa và nhất là trong Kinh Quán Phật Tam Muội, Kinh Bát Chu Tam Muội (Kinh Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội), và Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật A Di Đà và thế giới Cực lạc của ngài lúc đầu cũng đã do đối tượng của thiền quán mà được thành lập.

Ở Trung Hoa, từ đời Tống về sau, chư tôn túc như các ngài: Nhất Nguyên, Thiên Như, Ngẫu Ích, Triệt Ngộ, Liên Trì,… sau khi tham ngộ Thiền tông, quán xét thời cơ, vì lòng thương xót lợi sanh hết sức hoằng dương pháp môn Tịnh Độ. Sự lần lần chuyển hướng từ Thiền sang Tịnh khởi sanh từ lúc đó [4]. Ở Việt Nam, phương pháp niệm Phật đã được Phật tử biết đến khá sớm và đã được Lục độ tập Kinh do thiền sư Khương Tăng Hội dịch ở Giao Châu vào thế kỷ thứ ba đề cập [5].

Tịnh độ tông trong lịch sử Phật giáo thời Lý - Trần chịu ảnh hưởng sâu xa của Thiền tông. Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông thành lập thiền phái Trúc Lâm Yên Tử mang những nét đặc thù của Phật giáo Đại Việt. Trong đó sự kết hợp, dung hòa giữa Thiền tông và Tịnh độ tông trong thiền phái Trúc Lâm là một nét đặc thù. Tinh thần dung hợp này được đề cập trong các tác phẩm như: *Lý Hoặc Luận* (Mâu Tử), *Lục Độ Tập kinh* (Khương Tăng Hội), *Niệm Phật luận* (Trần Thái Tông),… Tư tưởng của dòng thiền Vô Ngôn Thông chủ trương kết hợp giữa thiền và niệm Phật, niệm Phật Tam Muội [6]. Vua Trần Nhân Tông trong tác phẩm *Cư Trần Lạc Đạo*, có đoạn: *"Di Đà là tự tánh sáng soi, Tịnh độ là cõi lòng trong sạch, chớ mựa cầu hỏi Tây phương"*. Bàn về "Phật", phái Trúc Lâm chủ trương *"Phật không có trong núi mà chỉ có trong lòng" (Thiền tông chỉ nam tự)*, nếu *"lòng lặng lẽ mà biết, chính là Phật vậy" (Thiền tông chỉ nam tự)*. Như vậy, theo Trúc Lâm, Phật chính là ta, là tâm. Nhờ quan điểm này mà thiền phái Trúc Lâm gần gũi với tư tưởng thiền Nguyên Thủy hơn. Dĩ nhiên thiền phái Trúc Lâm cũng có những kiến giải của riêng mình [7]. Vua Trần Nhân tông đã phát biểu: *"Chỉn Bụt là lòng, xá ướm hỏi đòi cơ Mã Tổ. Vậy mới hay: Bụt ở cong nhà, chẳng phải tìm xa. Nhân khuây bản nên ta tìm Bụt; đến cốc hay chỉn Bụt là ta"*. Phật là tâm. Niệm Phật là cách tự giáo dục để giữ miệng và tâm thanh tịnh [8].



Nguyễn Du (1766 - 1820), viết Văn tế thập loại chúng sanh mà trong đó ông nói niệm Phật nhất tâm là liền được siêu thoát: "Kiếp phù sinh như hình bào ảnh Có câu rằng: vạn cảnh giai không Ai ơi lấy Phật làm lòng Tự nhiên siêu thoát ở trong luân hồi".

PHÁT TRIỂN VÀO THỜI LÊ TRUNG HƯNG

Thời Lê Trung hưng (1533-1789), có các vị thiền sư phục hưng lại truyền thống của Thiền phái Trúc Lâm, trong đó cũng xiển dương tinh thần Tịnh độ trong Thiền tông với rất nhiều tác phẩm văn học Phật giáo. Ta có thể kể đến như: Thiền sư Hương Hải (1628-1715) với tác phẩm *Giải Di Đà Kinh, Kim Cương Kinh nghĩa lý.*

Khi thiền sư Minh Châu Hương Hải viết *Giải Di Đà Kinh*, dội dung *Giải Di Đà Kinh* tuy lấy nguồn tư liệu từ *A Di Đà Kinh sớ sao* của Châu Hoằng, nhưng thực chất về mặt tư tưởng, khi phân tích ta thấy nó nằm trong quỹ đạo chung của tư tưởng Thiền Tịnh độ của Phật giáo Việt Nam [9].

Thiền sư Chân Nguyên (1647-1726) có tác phẩm *Tịnh độ yếu nghĩa*. Trong tác phẩm, thiền sư Chân Nguyên chủ trương hoàn toàn sử dụng phương pháp Tịnh độ làm phương pháp tu thiền tốt nhất và hiệu quả nhất. Tác phẩm thể hiện sự nỗ lực của thiền sư để phục hồi và triển khai những nét độc đáo của nếp sống đặc thù Phật giáo Việt Nam; Tác phẩm *Long thư Tịnh độ văn tự* là bài tựa do thiền sư Chân Nguyên viết, nội dung giới thiệu Thái thượng hoàng triều Lê ban cho tòa thánh tượng Tây phương và ban hai tập *Long thư Tịnh độ, Niệm Phật bảo cảnh.* Thiền sư Chân Nguyên tỏ lòng cảm ơn đối với ân đức vua ban và khắc bản để lưu truyền cho hậu thế và hồi hướng công đức, đồng vãng sanh cực lạc. Trong tác phẩm *Kiến tánh thành Phật* của ngài có đoạn:

Pháp giới bao trùm Cực lạc đường,
Đến cùng biển giác sáng tròn chung.
Như như diệu trạm không thừa thiếu,
Bình đẳng Di-đà chiếu mười phương [10].

Pháp giới bao trùm Cực lạc đường, đến cùng biển giác sáng tròn chung. Quyển *Kiến tánh thành Phật* chủ yếu giảng về thiền, nhưng đến đây Ngài nói về Cực lạc. Cõi Cực lạc là đích nhắm của người tu Tịnh độ, tuy nhiên theo cái nhìn của thiền thì *"Tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ"*, Cực lạc ngài nói ở đây là lý Cực lạc, cho nên pháp giới bao trùm nhà Cực lạc, Cực lạc không rời pháp giới, đến chỗ cuối cùng thì chung một Giác tánh trong sáng chớ không có riêng. *"Như như diệu trạm không thừa thiếu, bình đẳng Di-đà chiếu mười phương"*. Pháp giới bao dung không thiếu không dư, Tự tánh Di-đà ai cũng có, và soi sáng khắp mười phương. Như vậy theo cái nhìn của thiền sư Chân Nguyên đứng về mặt lý tánh thì Thiền và Tịnh không hai, không khác [11].

Tổ sư Nguyên Thiều (1648-1728), cũng ứng dụng Tịnh độ trong thiền phái để làm phương pháp chánh niệm tu tập. Ngài sáng tác *Tổ sư huấn hối yếu tắc* (Tổ sư dạy bảo những quy tắc cần yếu) gồm mười bài (tại chùa Kim Cang, Đồng Nai), trong đó có đoạn: *Xuất gia yếu cần niệm Phật, niệm niệm yếu sanh lạc quốc. Niệm đáo bất niệm, nhi niệm, Di Đà tất tùng tha đắc* (Người xuất gia phải chuyên cần niệm Phật, mỗi niệm điều cầu sanh về nước Cực Lạc. Niệm đến khi không niệm mà có niệm thì đức Di Đà sẽ hiện ra trước mắt) [12].

Kể từ Tổ sư Nguyên Thiều, những vị Tổ kế thừa chùa Thập Tháp Di Đà tiếp tục phát huy tư tưởng này, như các ngài Liễu Triệt, Minh Lý, Phước Huệ… Ở trong tập *Kiết hạ an cư thị chúng*, thiền sư Minh Giác-Kỳ Phương là đệ tử của tổ sư Nguyên Thiều có dạy chúng rằng: *"Một câu Di Đà không niệm khác, thì phút giây chẳng nhọc đến Tây phương. Cho nên Di Đà là chính mình, sao lại hướng ngoại nhọc tìm mầu nhiệm. Chỉ ra việc niệm Phật là tự tính, cho nên chính mình với thoại đầu trở thành oan gia đối địch"*. Và thiền sư Minh Giác-Kỳ Phương đã đồng ý Thiền Tịnh thống nhất với nhau với ngài Vĩnh Minh-Diên Thọ rằng: *"Có Thiền không Tịnh độ, mười người tu chín người trật. Có Thiền có Tịnh độ muôn người không mất một"* [13].

Thật Kiến-Liễu Triệt cũng là vị Tổ của Tổ đình Thập Tháp, Bình Định, ngài đã thiết lập Tịnh Nghiệp Thiền Đường, khuyến người tu tập Tịnh Độ nhất hướng Lạc bang, cũng đã khẳng định sự quyết tâm tu tập Tịnh Độ và khuyến người thực hành điều ấy, nên trong Phân ly từ, Ngài viết: *"Anh làm sãi tâm vô nhất vật. Gởi cho em sáu chữ Di Đà ... Phải liều mình chẳng ngại khổ thân, Cầu cho tới Tây phương Cực Lạc"* [14]. Nghĩa là người tu quan niệm *"vô nhất vật"* là buông xả, không còn chấp trước, dính mắc vào các pháp nữa, chỉ chuyên trì niệm sáu chữ *Di đà*, là phương tiện duy nhất để công phu chánh niệm để được vãng sanh giải thoát về cõi Cực Lạc.

Thiền sư Diệu Nghiêm-Pháp Chuyên (1726-1798) là vị luật sư ở chùa Từ Quang, Đá Trắng, tỉnh Phú Yên thời ấy, đã đến Tổ đình Thập Tháp, tỉnh Bình Định, học Tịnh Độ với ngài Liễu Triệt. Kể từ năm 1766, ngài Diệu Nghiêm-Pháp Chuyên nỗ lực hoằng pháp khuyến hóa mọi người *"quy kính Tam bảo, niệm Phật cầu vãng sanh"*. Cùng với Bảo Viện-Uẩn Không đứng ra in *A di đà phật công cứ đại tượng* và thành lập Liên Xã, giảng *Long thư Tịnh độ văn*, khuyên mọi người niệm

Phật. Pháp niệm Phật công cứ, có thể bắt đầu từ ngài Diệu Nghiêm-Pháp Chuyên [15]. Cùng thời với ngài Diệu Nghiêm-Pháp Chuyên, có ngài Phật Nghĩa-Chiếu Nguyệt cũng hết lòng xiển dương giáo nghĩa Tịnh độ, trùng khắc *Long thư tăng quảng Tịnh độ văn tự*. Năm 1768, ông viết: *"Chỉ trì danh hiệu A Di Đà Phật bốn chữ, do đó mà được rời Ta bà, được sanh Lạc quốc, được bất thoái chuyển, cho đến thành Phật mới thôi. Bởi được sanh Tịnh độ là nhờ tha lực của lời nguyện A Di Đà nhiếp thủ"*. Như vậy, ta thấy ở nước ta vào thời kỳ triều Lê, Trịnh-Nguyễn phân tranh, cả ở Đàng Ngoài và Đàng Trong các bậc danh Tăng đều nỗ lực phát huy giáo nghĩa Tịnh độ mà nhất là pháp môn niệm Phật trì danh.

Thiền sư Toàn Nhật-Quang Đài (1757-1834), là học trò của Diệu Nghiêm-Pháp Chuyên ở chùa Từ Quang, Phú Yên, trong *Hứa Sử truyện vãn* và trong *Hoán tỉnh trần tâm khuyến tu tịnh độ vãn*, đã ca ngợi hồng danh của Phật A Di Đà và khuyến tấn mọi người chấp trì danh hiệu ấy để làm lành lánh dữ, rằng [16]:

"Quy y thọ pháp Như lai
Vâng truyền năm giới hôm mai giữ gìn
Việc trong Phật pháp kính tin
Thầy như cha mẹ hiện tiền Thích Ca
Chuyên trì sáu chữ Di Đà
Làm lành lánh dữ phận mà chẳng lơi".

(Toàn Nhật-Quang Đài, *Hứa Sử truyện vãn*)

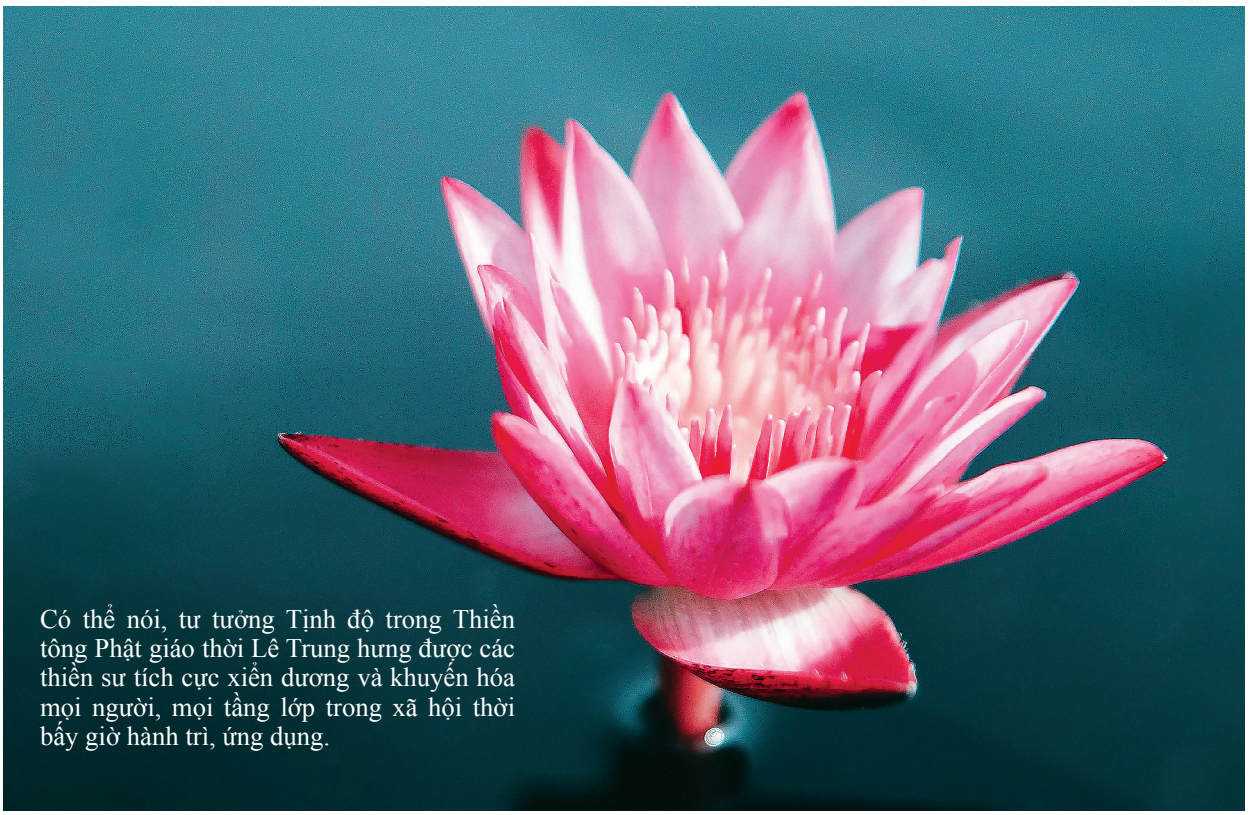
Thiền sư Toàn Nhật-Quang Đài nói, sáu chữ *"Nam mô A Di Đà Phật"*, rất là mầu nhiệm, tóm thâu cả vạn quyển thiên kinh và khuyến khích mọi người trì danh niệm Phật qua lần chuỗi [17]:

"Ai ơi lòng thật chớ nghi
Tu hành đắc chí liễu kỳ tử sinh
Tuy rằng vạn quyển thiên kinh
Chẳng qua sáu chữ Hồng danh rất mầu".

(Toàn Nhật-Quang Đài, *Hoán tỉnh trần tâm khuyến tu tịnh độ vãn*)

Qua những tác phẩm của Toàn Nhật-Quang Đài cũng giúp cho ta biết rằng, trong thời kỳ hoằng pháp của Ngài đã có một sự dung hợp giữa đạo và đời, giữa Thiền và Tịnh, nhưng ở trong *Hoán tỉnh trần tâm khuyến tu tịnh độ vãn*, ngài đều quy về Tịnh độ và nhấn mạnh đến pháp trì danh như [18]:

"Tuy rằng vạn quyển thiên kinh
Chẳng qua sáu chữ hồng danh rất mầu
Vui lòng một chuỗi giới châu
Sớm khuya tưởng niệm công phu mà lần".



Có thể nói, tư tưởng Tịnh độ trong Thiền tông Phật giáo thời Lê Trung hưng được các thiền sư tích cực xiển dương và khuyến hóa mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội thời bấy giờ hành trì, ứng dụng.

Nguyễn Du (1766-1820), viết *Văn tế thập loại chúng sanh* mà trong đó ông nói niệm Phật nhất tâm là liền được siêu thoát:
"Kiếp phù sinh như hình bào ảnh
Có câu rằng: vạn cảnh giai không
Ai ơi lấy Phật làm lòng
Tự nhiên siêu thoát ở trong luân hồi" [19].

"Ai ơi lấy Phật làm lòng", Nguyễn Du khuyên mọi người hãy lấy tâm của Phật làm lòng của mình, hãy lấy nguyện của Phật làm nguyện của lòng mình, hãy lấy hạnh của Phật làm hạnh của lòng mình, và lòng mình với lòng Phật là một, nghĩa là cùng một tâm không khác, thì nhất định ngay đó sẽ được siêu thoát cõi luân hồi [20].

Trong *Kinh Đại Bảo Tích*, phẩm *Pháp hội quán vô lượng thọ*, Đức Phật giảng về thế giới Cực Lạc cho hoàng hậu Vi Đề Hi, như sau: […] *"Phật A Di Đà cách đây chẳng xa, bà nên nhiếp niệm quán kỹ cõi nước ấy thì tịnh nghiệp được thành. Nay ta sẽ vì bà mà nói rộng các pháp quán, cùng khiến đời vị lai tất cả hàng phàm phu, những người muốn tu tịnh nghiệp được thọ sanh Tây phương Cực Lạc quốc độ. Này Vi Đề Hi! Người muốn sang nước Cực Lạc ấy nên tu ba phước: Một là hiếu nuôi cha mẹ, kính thờ bực Sư trưởng, có tâm nhơn từ chẳng giết hại và tu tập mười nghiệp lành. Hai là thọ trì tam quy y đầy đủ các cấm giới và chẳng phạm oai nghi. Ba là phát tâm Bồ đề sâu tin nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa và khuyên dạy sách tiến người tu hành. Ba sự như vậy gọi là tịnh nghiệp. Này Vi Đề Hi! [...] Ba tịnh nghiệp ấy là chánh nhân tịnh nghiệp của tam thế chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại"* [21]. Đức Phật dạy muốn được vãng sanh đầu tiên nên tu phước, thực hiện hiếu đạo và tạo mười thiện nghiệp *(1. Thân có 3: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm; 2. Khẩu có 4: không nói dối, không nói 2 lưỡi, không nói thêu dệt, không nói lời thô ác; 3. Ý có 3: không tham lam, không sân hận, không si mê)*, thọ tam quy (quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng) đó là chánh nhân tịnh nghiệp, điều kiện để được vãng sanh. Tập trung niệm Phật thì cấm không được uống rượu, chơi cờ bạc, chấm dứt phỉ báng tín đồ các tông phái khác hay thần thánh, phải tuân giữ lễ nghi với tư cách của người niệm Phật, phải tôn trọng chủ nhân và song thân mình, còn đối với trường hợp mua bán thì cấm không được tham lam làm lợi quá độ, không được làm cho những người bần nông khổ sở bởi tài lực… Như vậy, vạn sự từ tính tự giác của mình, người niệm Phật cùng thương yêu đùm bọc lẫn nhau [22]. Người niệm Phật phải phát Bồ đề tâm và tin sâu quy luật nhân-quả. Những đoạn tiếp theo của *Kinh Đại Bảo Tích*, Đức Phật dạy về phương pháp hành trì là ngồi ngay thẳng chánh niệm quán tưởng về ba tướng như: Nhựt tưởng (quán mặt trời từ lúc mọc đến khi lặn), Thủy tưởng (thấy nước như lưu ly), địa tưởng (đất nước Cực Lạc). Kế đến người tu hành nên quán tưởng Phật Vô Lượng Thọ (A Di Đà Phật), Quán Thế Âm Bồ tát bên tả, Đại Thế Chí Bồ tát,… Như vậy, chúng ta thấy được dựa vào căn bản của thiện nghiệp, việc quán niệm nhớ tưởng đến đức Phật Vô Lượng Thọ và quốc độ của ngài cũng là quá trình thực hành thiền quán về tướng thành tựu, nên gọi là Thiền có trong Tịnh độ là như thế.

Có thể nói, tư tưởng Tịnh độ trong Thiền tông Phật giáo thời Lê Trung hưng được các thiền sư tích cực xiển dương và khuyến hóa mọi người, mọi tầng lớp trong xã hội thời bấy giờ hành trì, ứng dụng. Cho nên Phật giáo thời Lê Trung hưng được phục hưng và phát triển nhiều mặt, đóng vai trò quan trọng để phát huy, duy trì đời sống văn hóa, đạo đức cho xã hội, góp phần cho quốc gia phồn thịnh, nhân dân an lạc, đạo pháp trường tồn.

Chú thích và tài liệu tham khảo

[1], [2]. [3] Kimura Taiken - Thích Quảng Độ (dịch, 2012), *Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận*, Nxb. Tôn giáo, tr.532, tr.532, tr.533.
[4] HT. Thích Thiền Tâm (2011), *Niệm Phật thập yếu*, Nxb. Tôn giáo, tr.17.
[6], [7], [8] Viện Trần Nhân Tông (2018), *Phật giáo nhập thế và các vấn đề xã hội đương đại*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.391, tr.391, tr.391.
[9]) Lê Mạnh Thát (2000), *Toàn tập Minh Châu Hương Hải*, Nxb. TP Hồ Chí Minh, tr. 287.
[10], [11] Thích Thanh Từ (2000), *Kiến tánh thành Phật giảng giải*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr.347, tr.348.
[12] Thích Nữ Hạnh Hiếu (2020), *Quá trình hình thành và phát triển Tổ đình Quốc Ân Kim Cang Vĩnh Cửu - Đồng Nai*, Luận văn Thạc sĩ Phật học, chuyên nghành Lịch sử Phật giáo, Học viện Phật giáo Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.76-77.
[5], [13], [14], [15], [16], [17], [18], [19], [20] Thích Thái Hòa (2013), *Đi vào bản nguyện Tịnh độ*, Nxb. Văn hóa-Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh, tr.57, tr.77, tr.77, tr.78, tr.78, tr.79, tr.80, tr.80, tr.81.
[21] HT Thích Trí Tịnh (dịch, 2004), *Kinh Đại Bảo Tích*, tập 9, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.776.
[22] Thích Nguyên Tâm (dịch, 2011), *Tinh Hoa Phật giáo Nhật Bản*, tập 2, Nxb. Phương Đông, tr.37.



HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT
MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

01 Vào trang web **http://butta.vn**
từ trình duyệt trên máy điện thoại:

02 Ấn nút TẢI ỨNG DỤNG TỪ Apple Store hoặc TẢI ỨNG DỤNG TỪ Google Play

03 Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng

04 Mở ứng dụng **Butta**, nhập các thông tin:
Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản

05 Xem thêm hướng dẫn tại: **http://butta.vn/huongdan**

Phật Sự Online

www.phatsuonlinetv.com



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

quangminh
CANDLE



quangminh
CANDLE

NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị, P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835 715

Hotline CSKH
0903 955 018

www.quangminhcandle.vn

SUN WORLD
HALONG COMPLEX

Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

